

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : VIỆT NAM HỌC (VĂN HÓA DU LỊCH)

Sinh viên : Trần Thị Ngọc Bích

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Hoàng Điệp

HẢI PHÒNG – 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**TÌM HIỂU MỘT SỐ LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TIÊU
BIỂU Ở TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN
DU LỊCH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC (VĂN HÓA DU LỊCH)**

Sinh viên : Trần Thị Ngọc Bích

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Hoàng Điệp

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Trần Thị Ngọc Bích Mã SV: 1412601099

Lớp : VH1802 Ngành: Việt Nam học (Văn hóa du lịch)

Tên đề tài: Tìm hiểu một số làng nghề truyền thống tiêu biểu ở tỉnh Thừa

Thiên - Huế phục vụ phát triển du lịch

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Tổng quan những vấn đề về làng nghề, làng nghề truyền thống, loại hình du lịch làng nghề ở nước ta
- Tìm hiểu kinh nghiệm khôi phục, phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở một số tỉnh, thành phố trong nước cũng như ở các quốc gia láng giềng.
- Giới thiệu khái quát về các làng nghề truyền thống tỉnh Thừa Thiên - Huế và thực trạng hoạt động du lịch tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh
- Tìm hiểu về lịch sử hình thành, đặc điểm sản phẩm của làng nghề cũng như thực trạng hoạt động du lịch tại một số làng nghề tiêu biểu trên địa bàn tỉnh trong bối cảnh hiện nay.
- Đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả khai thác các làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên - Huế phục vụ du lịch.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- Bài viết trên sách, báo, tạp chí liên quan đến đặc điểm cũng như tình hình hoạt động hiện nay tại một số làng nghề truyền thống tiêu biểu tỉnh Thừa Thiên - Huế
- Bài đăng trên website của các trang thông tin tỉnh Thừa Thiên - Huế, trang thông tin du lịch cũng như các trang của công ty lữ hành.
- Số liệu từ Báo cáo về tình hình hoạt động của các làng nghề truyền thống của Sở Công thương và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên - Huế

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty TNHH Du lịch Dịch Vụ Thái Bình Dương

Địa chỉ: phòng 216 - tòa nhà Dầu Khí - 441 đường Đà Nẵng - Tp. Hải Phòng

Số điện thoại: 02253.569.016

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Phạm Thị Hoàng Điệp

Học hàm, học vị : Thạc Sĩ

Cơ quan công tác : Khoa Du lịch Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

- Định hướng đề tài
- Hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết
- Hướng dẫn phương pháp làm nghiên cứu khoa học
- Đọc và chỉnh sửa nội dung khóa luận

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 15 tháng 10 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 05 tháng 01 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Trần Thị Ngọc Bích

ThS. Phạm Thị Hoàng Điệp

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Có tinh thần cầu thị, ham học hỏi. Tích cực thu thập tài liệu để viết bài.
- Chăm chỉ, chịu khó
- Biết cách làm đề tài khoa học, biết cách phân tích và giải quyết vấn đề, đáp ứng được các yêu cầu do giáo viên đề ra.
- Nộp và chỉnh sửa các chương đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Đề tài đã trình bày tổng quan cơ sở lý luận liên quan đến làng nghề truyền thống, du lịch làng nghề và khái quát hóa về tình hình các làng nghề truyền thống ở Thừa Thiên - Huế hiện nay.
- Khóa luận giới thiệu một số mô hình khai thác làng nghề truyền thống phục vụ du lịch thành công, tiền đề và bài học kinh nghiệm cho Thừa Thiên - Huế.
- Tìm hiểu về lịch sử hình thành, đặc điểm sản phẩm của làng nghề cũng như thực trạng hoạt động du lịch tại một số làng nghề tiêu biểu trên địa bàn tỉnh trong bối cảnh hiện nay.
- Đề xuất các giải pháp mang tính khả thi và các kiến nghị hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả khai thác các làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên - Huế phục vụ phát triển du lịch.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 07 tháng 01 năm 2019

Giảng viên hướng dẫn

ThS. Phạm Thị Hoàng Điệp

LỜI CẢM ƠN

Sau quá trình học tập và rèn luyện 4 năm tại khoa Văn hóa Du lịch, trường Đại học Dân lập Hải Phòng, tôi đã lựa chọn đề tài: “Tìm hiểu một số làng nghề truyền thống tiêu biểu ở tỉnh Thừa Thiên - Huế phục vụ phát triển du lịch” cho khóa luận tốt nghiệp của mình. Để hoàn thành khóa luận này, tôi đã nhận được sự nhiệt tình giúp đỡ từ các thầy cô giáo khoa Văn hóa Du lịch, các thầy cô giáo phòng Đào tạo của trường Đại học Dân lập Hải Phòng. Với lòng biết ơn chân thành nhất, cho phép tôi được gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các thầy cô giáo đã tạo điều kiện và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập và hoàn thành khóa luận này.

Đặc biệt, xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến ThS. Phạm Thị Hoàng Điệp – cô là người đã trực tiếp hướng dẫn, quan tâm và chỉ bảo cẩn thận, tỉ mỉ cho tôi trong thời gian thực hiện khóa luận. Mặc dù cô rất bận bịu với công việc nhưng vẫn không ngần ngại chỉ dẫn, định hướng đi cho tôi, để tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ. Một lần nữa tôi chân thành cảm ơn cô và chúc cô luôn dồi dào sức khỏe.

Sau cùng xin gửi lời cảm ơn đến gia đình, bạn bè và các bạn sinh viên lớp VH1802 đã luôn động viên, khích lệ, giúp đỡ tôi trong quá trình làm luận văn.

Một lần nữa, xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU	4
1.1. Cơ sở lý luận về loại hình du lịch làng nghề.....	4
1.1.1. Khái niệm về làng nghề truyền thống và loại hình du lịch làng nghề.....	4
1.1.1.1. Khái niệm về làng nghề truyền thống	4
1.1.1.2. Khái niệm về loại hình du lịch làng nghề	6
1.1.2. Đặc điểm và vai trò của làng nghề truyền thống.....	7
1.1.2.1. Đặc điểm của làng nghề truyền thống.....	7
1.1.2.2. Vai trò của làng nghề truyền thống.....	9
1.2. Kinh nghiệm trong việc khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở các quốc gia và ở trong nước	11
1.2.1. Ở một số quốc gia trong khu vực.....	11
1.2.1.1. Kinh nghiệm của tỉnh Oita, Nhật Bản.....	11
1.2.1.2. Kinh nghiệm của Thái Lan	13
1.2.2. Một số tỉnh thành trong cả nước	15
1.2.2.1. Kinh nghiệm của thủ đô Hà Nội	15
1.2.2.2. Kinh nghiệm của tỉnh Quảng Nam	17
1.2.3. Bài học kinh nghiệm rút ra cho tỉnh Thừa Thiên – Huế trong việc phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch	20
1.3. Tổng quan về các làng nghề truyền thống tại tỉnh Thừa Thiên – Huế	21
1.3.1. Các nguồn lực chủ yếu tạo tiền đề để phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên – Huế.....	21
1.3.1.1. Hệ thống cơ sở hạ tầng	21
1.3.1.2. Nguồn nhân lực	23
1.3.1.3. Tài nguyên du lịch	25
1.3.2. Tình hình hoạt động tại các làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên – Huế	26
1.3.2.1. Giới thiệu về các làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên – Huế	26
1.3.2.2. Tình hình hoạt động tại các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên – Huế	29

Tiểu kết chương 1	32
CHƯƠNG 2. TÌM HIỂU MỘT SỐ LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TIÊU BIỂU Ở TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ VÀ THỰC TRẠNG KHAI THÁC DU LỊCH TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY (2010- 2018)	34
2.1. Một số làng nghề truyền thống tiêu biểu ở tỉnh Thừa Thiên- Huế.....	34
2.1.1. Làng tranh Sinh	34
2.1.1.1. Lịch sử hình thành làng tranh Sinh	34
2.1.1.2. Đặc điểm sản phẩm của làng nghề.....	35
2.1.2. Làng nón lá Thủy Thanh	37
2.1.2.1. Lịch sử hình thành làng nón lá Thủy Thanh	37
2.1.2.2. Đặc điểm sản phẩm của làng nghề.....	38
2.1.3. Làng đúc đồng ở Phường Đúc	40
2.1.3.1. Lịch sử hình thành làng đúc đồng ở Phường Đúc.....	40
2.1.3.2. Đặc điểm của sản phẩm làng nghề.....	41
2.1.4. Làng gốm Phước Tích	43
2.1.4.1. Lịch sử hình thành làng gốm Phước Tích	43
2.1.4.2. Đặc điểm sản phẩm của làng nghề.....	44
2.2. Thực trạng khai thác tại các làng nghề truyền thống tiêu biểu ở tỉnh Thừa Thiên - Huế trong du lịch những năm gần đây	47
2.2.1. Khai thác tại không gian làng nghề	47
2.2.1.1. Tại làng tranh Sinh	47
2.2.1.2. Tại làng nón lá Thủy Thanh.....	49
2.2.1.3. Tại làng đúc đồng ở Phường Đúc	51
2.2.1.4. Tại làng gốm Phước Tích	53
2.2.2. Khai thác trong Festival Nghề truyền thống Huế	55
2.2.3. Tại hội chợ, triển lãm trong nước và nước ngoài.....	59
2.3. Đánh giá, nhận xét chung về thực trạng khai thác các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế.....	66
2.3.1. Mặt tích cực.....	66
2.3.2. Mặt hạn chế	69
Tiểu kết chương 2	74

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ KHAI THÁC NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở THỪA THIÊN – HUẾ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH.....	76
3.1. Phương hướng phát triển du lịch tại các làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên – Huế.....	76
3.1.1. Mục tiêu phát triển.....	76
3.1.2. Phương hướng phát triển du lịch tại các làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên – Huế.....	77
3.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác làng nghề truyền thống ở Thừa Thiên – Huế phục vụ phát triển du lịch	80
3.2.1. Hoàn thiện các cơ sở hạ tầng, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ du lịch ở địa phương nơi có làng nghề	80
3.2.1.1. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng	80
3.2.1.2. Xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật.....	82
3.2.2. Đào tạo lao động và nhân lực du lịch cho làng nghề truyền thống	84
3.2.2.1. Đào tạo và nâng cao tay nghề cho lực lượng lao động tại làng nghề truyền thống	84
3.2.2.2. Đào tạo và nâng cao kỹ năng làm du lịch cho lực lượng lao động tại làng nghề truyền thống.....	87
3.2.3. Phát triển thị trường cho sản phẩm của làng nghề truyền thống đồng thời tăng cường vốn đầu tư cho phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế	89
3.2.3.1. Phát triển thị trường cho sản phẩm của làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế	89
3.2.3.2. Thu hút vốn đầu tư cho phát triển làng nghề truyền thống	92
3.2.4. Gắn việc bảo vệ môi trường với phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch.....	94
3.2.5. Giải pháp Marketing, quảng bá thương hiệu làng nghề, sản phẩm du lịch của làng nghề truyền thống.....	97
3.2.6. Xây dựng các tour du lịch làng nghề truyền thống thu hút khách du lịch	100
3.2.7. Đa dạng hóa các sản phẩm tại không gian làng nghề và các chương trình Festival, hội chợ, triển lãm	106

3.3. Một số đề xuất nhằm phát triển du lịch tại các làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên – Huế.....	108
3.3.1. Đề xuất đối với UBND tỉnh Thừa Thiên – Huế.....	108
3.3.2. Đề xuất đối với các làng nghề truyền thống	110
3.3.2.1 Đề xuất với chính quyền địa phương.....	110
3.3.2.2. Đề xuất đối với người dân tại làng nghề.....	111
3.3.3. Đề xuất đối với các doanh nghiệp lữ hành tham gia hoạt động du lịch tại các làng nghề truyền thống.....	113
Tiểu kết chương 3	114
KẾT LUẬN	115
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	118

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Du lịch Việt Nam ngày càng phát triển mạnh mẽ với nhiều ngành dịch vụ phong phú, trong đó, du lịch làng nghề truyền thống đang trở thành hướng đi mới đầy triển vọng. Là một nước có nền văn hóa nông nghiệp gắn liền với các làng nghề truyền thống, với những hình ảnh mang đậm bản sắc về đất nước và con người Việt Nam. Du lịch làng nghề truyền thống là một phương hướng hoạt động hợp lý với tiềm năng sẵn có ở nước ta. Phát triển du lịch làng nghề truyền thống không những góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; quảng bá và giới thiệu hình ảnh cuộc sống và con người Việt Nam với các nước trên thế giới; mà đó, cũng chính là cách để mỗi làng nghề trên mọi miền đất nước giữ gìn được bản sắc truyền thống mà cha ông để lại.

Theo thống kê của Hiệp hội làng nghề Việt Nam, các làng nghề truyền thống của Việt Nam chủ yếu tập trung ở vùng đồng bằng sông Hồng, vốn là cái nôi của nền tảng văn hóa dân tộc. Hiện nay, theo thống kê của Hiệp hội làng nghề Việt Nam, cả nước có 5.411 làng nghề và làng có nghề trong đó có gần 2000 làng nghề đã được công nhận theo tiêu chí làng nghề hiện nay của Chính phủ, trên 400 làng nghề truyền thống với hơn 53 nhóm nghề, trong đó số lượng làng nghề truyền thống của miền Trung chiếm khoảng 30% trong tổng số làng nghề truyền thống của cả nước [16]. Tuy số lượng các làng nghề truyền thống ở Trung bộ khá khiêm tốn, nhưng các làng nghề ở đây có những nét độc đáo riêng, tạo nên sức hấp dẫn để thu hút khách du lịch và tỉnh Thừa Thiên – Huế chính là nơi có nhiều tiềm năng thuận lợi để phát triển loại hình du lịch này.

Thừa Thiên – Huế nằm ở vị trí trung tâm của đất nước, có điều kiện tự nhiên, hệ sinh thái vô cùng đa dạng, phong phú, với rất nhiều thắng cảnh nổi tiếng. Huế còn là cố đô duy nhất của nước ta còn giữ lại gần như nguyên vẹn một tổng thể kinh đô của triều đại phong kiến cuối cùng, với hàng loạt các công trình kiến trúc độc đáo được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới. Với những ưu ái được ban tặng như trên thì du lịch đang ngày càng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Vì vậy, trong những năm gần đây loại hình du lịch làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên – Huế đang có sức hút đối với du khách cả ở trong và ngoài nước. Tuy nhiên, việc khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh hiện nay chưa được chú trọng và khai thác tương xứng với tiềm năng vốn có nhằm đưa vào phục vụ du lịch.

Trước thực tế trên, với mong muốn tìm hiểu về một số làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên – Huế và từ đó đưa ra một số giải pháp giúp phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch tại tỉnh, người viết đã lựa chọn đề tài: “Tìm hiểu một số làng nghề truyền thống tiêu biểu ở tỉnh Thừa Thiên – Huế phục vụ phát triển du lịch” cho khóa luận của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Về mục đích nghiên cứu, người viết lựa chọn xây dựng đề tài này nhằm tôn vinh những giá trị và vai trò, đóng góp của những làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên - Huế. Qua việc phản ánh chân thực, khách quan thực trạng khai thác du lịch tại đây, khóa luận sẽ cố gắng tìm ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên - Huế phục vụ du lịch trong thời gian tới. Để đạt được mục đích nghiên cứu đề tài tập trung giải quyết một số nhiệm vụ sau:

+ Tổng quan những vấn đề về làng nghề, làng nghề truyền thống, loại hình du lịch làng nghề ở nước ta và kinh nghiệm khôi phục, phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở một số tỉnh, thành phố trong nước cũng như ở các quốc gia láng giềng.

+ Giới thiệu khái quát về tỉnh Thừa Thiên - Huế cũng như các làng nghề truyền thống và đi sâu tìm hiểu thực trạng du lịch tại một số làng nghề tiêu biểu trên địa bàn tỉnh hiện nay trong bối cảnh phát triển du lịch chung của tỉnh.

+ Đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả khai thác các làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên - Huế phục vụ du lịch.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Khóa luận tập trung nghiên cứu đối tượng là một số làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên – Huế như: làng tranh Sinh, làng nghề nón lá Thủy Thanh, làng đúc đồng ở Phường Đúc và làng gốm Phước Tích

Trong phạm vi nghiên cứu, về không gian: Khóa luận nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên – Huế nơi có điều kiện thuận lợi, phù hợp khai thác loại hình du lịch làng nghề. Về thời gian: Khóa luận nghiên cứu trong gian đoạn từ năm 2010 đến nay.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện khóa luận, người viết đã vận dụng một số phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

Phương pháp thu thập và xử lý thông tin, số liệu: Thông tin phục vụ cho quá trình nghiên cứu được thu thập từ việc sưu tầm, thu thập từ sách báo, tạp chí, mạng Internet... có liên quan đến nội dung đề tài. Phương pháp này còn sử dụng để thu thập các nguồn thông tin, tài liệu sẵn có từ các Sở, ban ngành liên quan như: Tài liệu thống kê của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Thừa Thiên – Huế, Sở Công thương Tỉnh Thừa Thiên – Huế,... Trên cơ sở các tài liệu thu thập được, người viết thực hiện chọn lọc thông tin, hệ thống hóa, xử lý để rút ra những nội dung cần thiết đáp ứng yêu cầu nghiên cứu của đề tài.

Phương pháp thống kê, mô tả: Phương pháp này được sử dụng trong việc thống kê các số liệu của hoạt động du lịch như lượt khách, doanh thu, các chỉ tiêu kinh tế là những số liệu mang tính định lượng. Trên cơ sở khai thác từ những nguồn khác nhau, các số liệu được đưa vào mô tả, xử lý để đúc kết thành những đánh giá, kết luận mang tính thực tiễn cao.

Phương pháp phân tích, so sánh: Các nguồn tin thu thập được trong quá trình viết khóa luận, người viết sẽ phân tích cụ thể từng vấn đề. Bên cạnh đó, đưa ra sự so sánh về thực trạng hay những hiệu quả đạt được giữa các làng nghề truyền thống để người đọc nhận biết sự khác nhau trong quá trình phát triển của các làng nghề phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên – Huế.

5. Kết cấu đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh ,mục tài liệu tham khảo và phụ lục thì khóa luận có nội dung chính gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về đề tài nghiên cứu

Chương 2: Tìm hiểu một số làng nghề truyền thống tiêu biểu ở tỉnh Thừa Thiên – Huế và thực trạng khai thác trong những năm gần đây (2010 – 2018)

Chương 3: Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác các làng nghề truyền thống ở Thừa Thiên – Huế phục vụ phát triển du lịch

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1.1. Cơ sở lý luận về loại hình du lịch làng nghề

1.1.1. Khái niệm về làng nghề truyền thống và loại hình du lịch làng nghề

1.1.1.1. Khái niệm về làng nghề truyền thống

Làng xã Việt Nam là nơi sản sinh ra làng nghề truyền thống và các sản phẩm mang dấu ấn tinh hoa văn hóa, văn nghệ dân gian, được bồi đắp qua nhiều năm và là nơi lưu giữ những giá trị có hàm lượng lịch sử tinh thần đặc sắc của dân tộc. Làng nghề là cả một môi trường kinh tế, văn hóa, xã hội lâu đời. Văn hóa làng nghề luôn gắn với làng quê, các hoạt động lễ hội, phường hội mang đậm nét dân gian, chứa đựng tính nhân văn sâu sắc. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, những làng nghề truyền thống vẫn còn tồn tại đến ngày hôm nay là minh chứng cho sức sống mãnh liệt của mạch nguồn văn hóa được kết tinh qua mấy ngàn năm.

Từ xa xưa, do đặc thù nền sản xuất nông nghiệp đòi hỏi phải có nhiều lao động tham gia đã khiến cư dân Việt cổ sống quần tụ lại với nhau thành từng cụm dân cư đông đúc, dần hình thành nên làng xã. Trong từng làng xã đã có cư dân sản xuất các mặt hàng thủ công, lâu dần lan truyền ra cả làng, xã, khiến cho nông thôn Việt Nam có thêm một số tổ chức theo kiểu nghề nghiệp, tạo thành các phường, hội như: phường gốm, phường đúc đồng, phường dệt vải... Từ đó, các nghề thủ công được lan truyền và phát triển thành làng nghề. Làng nghề truyền thống vốn dĩ là một đề tài rất thú vị, đã có rất nhiều nhà văn hóa nghiên cứu về đề tài này.

Theo Tiến sĩ Phạm Côn Sơn trong cuốn “Làng nghề truyền thống Việt Nam” [11, tr9] thì làng nghề được định nghĩa như sau: “Làng nghề là một đơn vị hành chính cổ xưa mà cũng có nghĩa là nơi quần cư đông người, sinh hoạt có tổ chức, kỉ cương tập quán riêng theo nghĩa rộng. Làng nghề không những là làng sống chuyên nghề mà cũng hàm ý là những người cùng nghề sống hợp quần để phát triển công ăn việc làm. Cơ sở vững chắc của các làng nghề là sự vừa làm ăn tập thể, vừa phát triển kinh tế, vừa giữ gìn bản sắc dân tộc và các cá biệt của địa phương”.

Làng nghề theo cách phân loại về thời gian gồm có: làng nghề truyền thống và làng nghề mới. Tuy nhiên, khóa luận này chỉ đi sâu tìm hiểu định nghĩa làng nghề truyền thống vì có nhiều ý nghĩa trong phát triển du lịch. Theo thông tư 116/ 2016 TT – BNN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tiêu chí

xác định làng nghề được công nhận bao gồm 3 tiêu chí: Có tối thiểu 30% tổng số hộ trên địa bàn tham gia các hoạt động ngành nghề nông thôn; hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 2 năm tính đến thời điểm đề nghị công nhận; chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước [18]. Cũng trong thông tư 116/ 2016 TT – BNN đề cập đến tiêu chí công nhận làng nghề truyền thống trong đó, phải đạt tiêu chí làng nghề và có ít nhất một nghề truyền thống đạt tiêu chí nghề như sau: Thứ nhất, nghề đã xuất hiện tại địa phương từ trên 50 năm tính đến thời điểm đề nghị công nhận. Thứ hai, nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc. Thứ ba, nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề.

Cho đến nay vẫn chưa có khái niệm chính thống về làng nghề truyền thống. Theo giáo sư Trần Quốc Vượng, ông cho rằng: “Làng nghề là một làng tuy vẫn còn trồng trọt theo lối tiểu nông và chăn nuôi nhưng cũng có một số nghề phụ khác như đan lát, gốm sứ, làm tương... Song đã nổi trội một nghề cổ truyền, tinh xảo với một tầng lớp thợ thủ công chuyên nghiệp hay bán chuyên nghiệp, có phường (cơ cấu tổ chức), có ông trùm, ông cả... cùng một số thợ và phó nhỏ, đã chuyên tâm, có quy trình công nghệ nhất định “sinh ư nghệ, tử ư nghệ”, “nhất nghệ tinh, nhất thân vinh”, sống chủ yếu được bằng nghề đó và sản xuất ra những mặt hàng thủ công, những mặt hàng này đã có tính mỹ nghệ, đã trở thành sản phẩm hàng và có quan hệ tiếp thị với một thị trường là vùng rộng xung quanh và với thị trường đô thị và tiến tới mở rộng ra cả nước rồi có thể xuất khẩu ra cả nước ngoài” [17].

Như vậy, làng nghề ở đây không nhất thiết là tất cả mọi người dân trong làng đều sản xuất thủ công, người thợ thủ công cũng có thể là người nông dân làm thêm nghề phụ trong lúc nông nhàn. Tuy nhiên do yêu cầu về tính chuyên môn hóa cao đã tạo ra những người thợ thủ công chuyên nghiệp, chuyên sản xuất hàng thủ công truyền thống ngay tại quê hương của mình.

Nghiên cứu một làng nghề thủ công truyền thống là phải quan tâm đến nhiều mặt, tính hệ thống, toàn diện của làng nghề thủ công truyền thống đó, trong đó yếu tố quyết định là nghệ nhân của làng, sản phẩm thủ công, thủ pháp kỹ thuật sản xuất và nghệ thuật. Làng nghề thủ công truyền thống là trung tâm sản xuất hàng thủ công, nơi quy tụ các nghệ nhân và nhiều hộ gia đình chuyên làm nghề mang tính lâu đời, được truyền đi truyền lại qua các thế hệ, có sự liên kết hỗ trợ trong sản xuất, bán sản phẩm theo kiểu phường hội, hệ thống doanh

nghiệp vừa và nhỏ, thậm chí là bán lẻ, họ có cùng tổ nghề, các thành viên luôn có ý thức tuân theo những hương ước, chế độ, gia tộc, cùng phường nghề trong quá trình lịch sử phát triển đã hình thành nghề ngay trên đơn vị cư vị cư trú của xóm của họ.

Tóm lại, có thể quan niệm đầy đủ về làng nghề truyền thống là: “Những làng có một hay nhiều nghề thủ công truyền thống được tách ra khỏi nông nghiệp để sản xuất kinh doanh và đem lại nguồn thu nhập chiếm chủ yếu trong năm. Những nghề thủ công đó được truyền từ đời này sang đời khác, thường là nhiều thế hệ. Cùng với thử thách của thời gian, các làng nghề thủ công này đã trở thành nghề nổi trội, nghề cổ truyền, tinh xảo, với một tầng lớp thợ thủ công chuyên nghiệp hay bán chuyên nghiệp đã chuyên tâm sản xuất, có quy trình công nghệ nhất định và sống chủ yếu bằng nghề đó. Sản phẩm làm ra có tính mỹ nghệ và đã trở thành hàng hóa trên thị trường” [6, tr.15].

1.1.1.2. Khái niệm về loại hình du lịch làng nghề

Trong bối cảnh hiện nay, du lịch làng nghề được coi như là một trong những loại hình du lịch văn hóa chất lượng cao, bởi lẽ, làng nghề truyền thống được xem như một tài nguyên du lịch nhân văn có ý nghĩa, một bảo tàng sống, nơi lưu giữ kho tàng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể vừa phong phú, đa dạng, vừa sinh động, cụ thể, góp phần làm nên hệ giá trị của nền văn hóa dân tộc.

Du lịch làng nghề truyền thống được nhiều chuyên gia đánh giá là loại hình du lịch có nhiều tiềm năng ở nước ta. Hình thức du lịch này chứa đựng và truyền tải được cuộc sống lao động, phát triển của dân tộc Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Đến với những sản phẩm du lịch làng nghề, du khách có thể tiếp nhận, thưởng thức từ các chương trình kiến trúc, sản phẩm và công cụ sản xuất. Loại hình du lịch làng nghề thuộc phạm trù của du lịch văn hóa. Do vậy, khi xem xét khái niệm này, cần phải đi từ khái niệm du lịch văn hóa.

Theo Luật du lịch Việt Nam thì: “Du lịch văn hóa là hình thức du lịch dựa vào bản sắc văn hóa dân tộc với sự tham gia của cộng đồng nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống” [19]. Còn theo Tiến sĩ Trần Nhuận trong cuốn “ Du lịch và kinh doanh du lịch”, ông đưa ra quan điểm về du lịch văn hóa như sau: “Du lịch văn hóa là loại hình du lịch mà du khách muốn thâm nhập bề dày lịch sử, di tích văn hóa, những phong tục tập quán hiện diện bao

gồm hệ thống đình, chùa, nhà thờ, lễ hội, các phong tục tập quán về ăn, mặc, ở, giao tiếp” [8].

Có thể thấy rằng, làng nghề truyền thống là nơi chứa đựng kho tàng kinh nghiệm kỹ thuật, bí quyết nghề thủ công truyền thống từ việc sử dụng nguyên liệu đến cách chế tác để tạo ra một sản phẩm hoàn chỉnh. Đó chính là nét văn hóa phi vật thể của làng nghề truyền thống. Ngoài ra, làng nghề truyền thống còn có những giá trị văn hóa vật thể khác như: đình, chùa, các di tích có liên quan trực tiếp đến làng nghề, các sản phẩm thủ công của làng nghề. Khách du lịch đến đây chính là để tìm hiểu về các giá trị văn hóa đó, vì vậy mà loại hình du lịch làng nghề được xếp vào loại hình du lịch văn hóa.

Từ đó, có thể định nghĩa về loại hình du lịch làng nghề như sau: Du lịch làng nghề là một loại hình du lịch văn hóa mà qua đó du khách được thâm nhập những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, liên quan mật thiết với một làng nghề nào đó, mang lại lợi ích kinh tế, góp phần tôn vinh và bảo tồn những giá trị ấy.

Như vậy, làng nghề truyền thống ngày nay không chỉ đơn thuần là nơi sản xuất các sản phẩm thủ công truyền thống mà còn là môi trường văn hóa, lưu giữ tinh hoa nghệ thuật, phong tục tập quán của cộng đồng người Việt. Với hệ giá trị này, du khách trong và ngoài nước đến với các làng nghề ngoài mục đích tham quan, họ đến còn để cảm nhận sự bền bỉ, kiên trì, sáng tạo của biết bao thế hệ làm nghề, với bàn tay và khối óc được hun đúc trong các sản phẩm nghề truyền thống.

1.1.2. Đặc điểm và vai trò của làng nghề truyền thống

1.1.2.1. Đặc điểm của làng nghề truyền thống

Đặc điểm nổi bật nhất của các làng nghề truyền thống Việt Nam là tồn tại ở nông thôn, gắn bó chặt chẽ với nông nghiệp. Các làng nghề xuất hiện trong từng làng xã ở nông thôn sau đó các ngành nghề thủ công nghiệp được tách dần nhưng không rời khỏi nông thôn, sản xuất nông nghiệp và sản xuất - kinh doanh thủ công nghiệp trong các làng nghề đan xen lẫn nhau. người thợ thủ công trước hết và đồng thời là người nông dân.

Phần đông lao động trong các làng nghề nhờ vào kỹ thuật khéo léo, tinh xảo của đôi bàn tay, vào đầu óc thẩm mỹ và sáng tạo của người thợ, của các nghệ nhân. Trước kia, do trình độ khoa học và công nghệ chưa phát triển thì hầu hết các công đoạn trong quy trình sản xuất đều là thủ công, giản đơn. Ngày nay,

cùng với sự phát triển của khoa học - công nghệ, việc ứng dụng khoa học - công nghệ mới vào nhiều công đoạn trong sản xuất của làng nghề đã giảm bớt được lượng lao động thủ công, giản đơn. Tuy nhiên, một số loại sản phẩm còn có một số công đoạn trong quy trình sản xuất vẫn phải duy trì kỹ thuật lao động thủ công tinh xảo. Việc dạy nghề trước đây chủ yếu theo phương thức truyền nghề trong các gia đình từ đời này sang đời khác và chỉ khuôn lại trong từng làng. Sau hòa bình lập lại, nhiều cơ sở quốc doanh và hợp tác xã làm nghề thủ công truyền thống ra đời, làm cho phương thức truyền nghề và dạy nghề đã có nhiều thay đổi, mang tính đa dạng và phong phú hơn.

Về hình thức tổ chức sản xuất trong các làng nghề chủ yếu là ở quy mô hộ gia đình, một số đã có sự phát triển thành tổ chức hợp tác và doanh nghiệp tư nhân. Trong quá khứ cũng như hiện nay, hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh phổ biến trong các làng nghề là hộ gia đình. Với hình thức này, hầu như tất cả các thành viên trong hộ đều được huy động tham gia các công việc khác nhau trong quá trình sản xuất sản phẩm thủ công truyền thống. Người chủ gia đình đồng thời là người thợ cả, mà trong số họ, không ít người là những nghệ nhân lâu năm, tùy vào công việc, hộ gia đình có thể thuê mượn thêm những lao động thường xuyên hoặc lao động thời vụ.

Tổ chức kinh doanh theo hộ gia đình đảm bảo được sự gắn bó giữa quyền lợi và trách nhiệm, huy động được mọi lực lượng có khả năng tham gia lao động, tận dụng được thời gian và nhu cầu đầu tư thấp (sử dụng ngay nhà ở làm nơi sản xuất). Đây là hình thức tổ chức sản xuất thích hợp với quy mô nhỏ. Tuy nhiên mô hình này cũng gây ra hạn chế đến khả năng phát triển kinh doanh. Sản xuất theo mô hình nhỏ khó có thể nhận được các hợp đồng đặt hàng lớn, không mạnh dạn cải tiến mẫu mã sản phẩm, không đủ tầm nhìn định hướng phát triển hoặc đề ra các chiến lược kinh doanh cho sản phẩm của mình.

Về công nghệ kỹ thuật sản xuất sản phẩm trong các làng nghề, đặc biệt là các làng nghề truyền thống thường rất thô sơ, lạc hậu, sử dụng kỹ thuật thủ công là chủ yếu. Công cụ lao động trong các làng nghề đa số là công cụ thủ công, công nghệ sản xuất mang tính đơn chiếc. Nhiều loại sản phẩm có công nghệ - kỹ thuật hoàn toàn phải dựa vào đôi bàn tay khéo léo của người thợ, mặc dù hiện nay đã có sự cơ khí hóa và điện khí hóa từng bước trong sản xuất, song cũng chỉ có một số không nhiều nghề có khả năng cơ giới hóa được một số công đoạn trong sản xuất sản phẩm. Bên cạnh công nghệ sản xuất thô sơ thì đại bộ phận

nguyên vật liệu của các làng nghề thường là tại chỗ. Hầu hết các làng nghề truyền thống được hình thành xuất phát từ sự sẵn có của nguồn nguyên liệu tại chỗ, trên địa bàn địa phương. Cũng có thể có một số nguyên liệu phải nhập từ vùng khác hoặc từ nước ngoài như một số loại chỉ thêu, thuốc nhuộm nhưng không nhiều.

Về các sản phẩm làng nghề, đặc biệt là làng nghề truyền thống thì sản phẩm thường mang tính đơn chiếc, có tính mỹ thuật cao, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Các sản phẩm làng nghề truyền thống vừa có giá trị sử dụng, vừa có giá trị thẩm mỹ cao, vì nhiều loại sản phẩm vừa phục vụ nhu cầu tiêu dùng, vừa là vật trang trí trong nhà, đền chùa, công sở nhà nước... Các sản phẩm đều là sự kết giao giữa phương pháp thủ công tinh xảo với sự sáng tạo nghệ thuật. cùng là đồ gốm sứ, nhưng người ta vẫn có thể phân biệt được đâu là gốm sứ bát tràng (Hà Nội), Thổ Hà (Bắc Ninh), Đông Triều (Quảng Ninh). Từ những con rồng chạm trổ ở các đình chùa, hoa văn trên các trống đồng và các họa tiết trên đồ gốm sứ đến những nét chấm phá trên các bức thêu... Tất cả đều mang vóc dáng dân tộc, quê hương, chứa đựng ảnh hưởng về văn hóa tinh thần, quan niệm về nhân văn và tín ngưỡng, tôn giáo của dân tộc.

Về thị trường tiêu thụ sản phẩm của các làng nghề, hầu hết mang tính địa phương, tại chỗ và nhỏ hẹp. Bởi sự ra đời của các làng nghề, đặc biệt là các làng nghề truyền thống, là xuất phát từ việc đáp ứng nhu cầu về hàng tiêu dùng tại chỗ của các địa phương. Ở mỗi một làng nghề hoặc một cụm làng nghề đều có các chợ dùng làm nơi trao đổi, buôn bán, tiêu thụ sản phẩm của các làng nghề. Cho đến nay, thị trường làng nghề về cơ bản vẫn là các thị trường địa phương, là tỉnh hay liên tỉnh và một phần cho xuất khẩu.

Như vậy, các sản phẩm thủ công truyền thống của làng nghề Việt Nam vừa mang những nét văn hóa chung của dân tộc, lại vừa có nét độc đáo riêng biệt của làng nghề. Làng nghề truyền thống hiện nay, không chỉ là đơn vị kinh tế, thực hiện sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu mà còn mang rất nhiều điểm đặc sắc, là biểu trưng nền văn hóa cộng đồng của người Việt.

1.1.2.2. Vai trò của làng nghề truyền thống

Các làng nghề truyền thống đang dần khôi phục và phát triển, thể hiện vai trò quan trọng của mình trong nền kinh tế cũng như trong đời sống văn hóa của người Việt. Sau đây, xin được đề cập đến những vai trò chính của làng nghề truyền thống ở nước ta.

Vai trò của làng nghề truyền thống đối với kinh tế - xã hội

Trước tiên, làng nghề truyền thống đóng vai trò nhất định trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng các ngành kinh tế phi nông nghiệp trong tỷ trọng kinh tế nông thôn. Trong quá trình vận động và phát triển, các làng nghề truyền thống đã góp phần tích cực trong việc làm gia tăng tỷ trọng của nền công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, thu hẹp tỷ trọng nông nghiệp, chuyển đổi nguồn lao động nông thôn từ sản xuất nông nghiệp với thu nhập thấp sang sản xuất phi nông nghiệp với thu nhập cao hơn. Sự tác động này tạo ra một nền kinh tế đa dạng ở nông thôn, với sự thay đổi về cơ cấu và phong phú về sản phẩm.

Hàng năm các làng nghề truyền thống sản xuất ra một khối lượng hàng hóa lớn với tốc độ tăng trưởng của làng nghề lên tới 20% một năm [6], điều này đã thúc đẩy sản xuất hàng hóa ở nông thôn phát triển. Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giá trị sản phẩm của một làng nghề truyền thống bình quân hiện nay đạt khoảng 25 – 30 tỷ đồng/ năm. Thực tế cho thấy, địa phương nào có nhiều làng nghề thì kinh tế hàng hóa phát triển, tạo sự gia tăng giá trị sản phẩm cho địa phương. Hiện nay, có đến 60 – 70% sản phẩm làng nghề tiêu thụ trong nước, 30 – 40% sản phẩm xuất khẩu sang các thị trường nước ngoài [20].

Thu nhập bình quân của một lao động ở cơ sở ngành nghề nông thôn bằng 2 – 4 lần so với thu nhập bình quân của lao động nông nghiệp thuần [20]. Ở các làng nghề không còn hộ đói, hộ nghèo chiếm tỷ lệ nhỏ và hộ giàu ngày càng tăng. Trên cơ sở tạo ra việc làm, tăng thêm thu nhập, nghề truyền thống được coi là động lực để tăng hộ giàu, giảm hộ nghèo, nâng cao phúc lợi cho người dân.

Vai trò của làng nghề truyền thống đối với văn hóa – du lịch

Làng nghề truyền thống là môi trường văn hóa tiêu biểu, nó bảo lưu những tinh hoa nghệ thuật, bí quyết và công nghệ sản xuất truyền thống mang đậm bản sắc dân tộc Việt Nam. Tại đây, nghề truyền thống có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tinh thần, tâm tư, tình cảm, cũng như tác động tới phong tục, tập quán của người dân trong làng. Các sản phẩm của làng nghề truyền thống làm ra là sự kết tinh, sự giao lưu và phát triển các giá trị truyền thống, văn minh lâu đời. Sản phẩm thủ công của làng nghề truyền thống mang đậm bản sắc dân tộc, mang nét đặc sắc riêng biệt với các dân tộc khác trên thế giới, nó là dấu ấn di sản văn hóa quý báu mà cha ông ta để lại cho thế hệ sau. Với những đặc điểm

đặc biệt ấy, chúng không còn là hàng hóa đơn thuần mà đã trở thành sản phẩm văn hóa với tính nghệ thuật cao. Chính vì vậy, làng nghề truyền thống đã góp phần gìn giữ bản sắc dân tộc trong chính những sản phẩm thủ công truyền thống.

Trong du lịch, làng nghề truyền thống góp phần tạo ra những điểm đến du lịch đặc trưng, mở rộng hình thức liên kết và hợp tác trong phát triển du lịch ở địa phương. Điểm đến du lịch là nơi có tài nguyên du lịch hấp dẫn, phục vụ nhu cầu tham quan của khách du lịch. Tour du lịch làng nghề là dịp được khám phá, tìm hiểu quy trình kỹ thuật của nghề truyền thống, thâm nhập cuộc sống cộng đồng với những phong tục, tập quán và các nghi thức phường, hội riêng của các làng nghề truyền thống trên khắp miền đất nước. làng nghề truyền thống với những đặc điểm đặc trưng, không gian và văn hóa của mình đã góp phần tạo nên những điểm đến du lịch mới, hấp dẫn khách du lịch hơn.

Với vai trò là điểm đến du lịch, làng nghề truyền thống đã mở rộng sự liên kết, hợp tác trong phát triển du lịch ở địa phương. Trong xu hướng phát triển du lịch hiện đại, các làng nghề truyền thống đã có sự liên kết với nhau để tạo ra một hệ thống làng nghề truyền thống phục vụ du lịch đặc sắc, đặc trưng nổi bật, thu hút khách du lịch; đồng thời đối với các công ty du lịch lữ hành cũng liên kết, hợp tác với các làng nghề truyền thống để thực hiện tour du lịch làng nghề truyền thống cho khách du lịch. Các công ty này có thể là ở trong nước hoặc ở nước ngoài. Chính điều này, làng nghề truyền thống đã góp phần quan trọng trong việc mở rộng liên kết, hợp tác vừa ở trong nước, vừa ở nước ngoài, góp phần phát triển du lịch địa phương.

Tóm lại, các làng nghề truyền thống có vai trò vô cùng quan trọng trong việc bảo tồn và gìn giữ các giá trị văn hóa, trong sự nghiệp phát triển du lịch và trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bên cạnh đó, vai trò của làng nghề truyền thống còn ở việc khai thác nguồn nhân lực nông thôn, tạo thêm việc làm và thu hút nguồn lao động, góp phần tăng trưởng kinh tế cho các hộ sản xuất, làng nghề và địa phương.

1.2. Kinh nghiệm trong việc khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở các quốc gia và ở trong nước

1.2.1. Ở một số quốc gia trong khu vực

1.2.1.1. Kinh nghiệm của tỉnh Oita, Nhật Bản

Nhật Bản là quốc gia có nền công nghiệp tiên tiến nhưng vẫn chú trọng phát triển các ngành nghề truyền thống. Ở Nhật Bản, bên cạnh các ngành công nghiệp hiện đại với quy mô lớn, các cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn và các hộ gia đình làm nghề thủ công vẫn được quan tâm phát triển. Nhiều làng nghề ở Nhật Bản với các nghề thủ công truyền thống đa dạng vẫn tồn tại và hoạt động hiệu quả đến nay.

Cuối những năm 70 của thế kỷ 20, khi Nhật Bản đã cơ bản thực hiện xong công cuộc công nghiệp hóa đất nước, các ngành công nghiệp đã được hình thành và phát triển ở khu vực thành phố tạo nên sự thu hút mạnh mẽ về lao động từ các vùng nông thôn, trong đó có tỉnh Oita. Oita là một tỉnh nằm ở phía Tây Nam Nhật Bản, cách thủ đô Tokyo khoảng 500 km. Thế hệ trẻ ở đây sau khi tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề đều không muốn trở về vùng nông thôn nơi họ đã được sinh ra và lớn lên mà muốn ở lại các thành phố và trung tâm công nghiệp.

Đứng trước tình hình đó, đã có nhiều đề xuất một loạt sáng kiến để khôi phục lại kinh tế của Oita, trong đó có phong trào "Mỗi làng một sản phẩm". Một loạt những quy định của pháp luật ra đời nhằm khôi phục và phát triển nghề sản xuất thủ công mỹ nghệ truyền thống gọi tắt là "Luật nghề truyền thống" [15]. Phong trào được thực hiện theo 3 nguyên tắc cơ bản để phát triển, đó là: Hành động địa phương nhưng suy nghĩ toàn cầu; Tự tin và sáng tạo; Phát triển nguồn nhân lực. Mỗi địa phương, tùy theo điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của mình lựa chọn ra những sản phẩm độc đáo, mang đậm nét đặc trưng của địa phương để phát triển.

Trong phong trào ở tỉnh Oita, người ta có thể tìm ra những sản phẩm rất bình dị trong cuộc sống như nấm Shitake và các sản phẩm từ sữa bò, hàng gỗ mỹ nghệ ở thị trấn Yufuin, cam, cá khô ở làng Yonouzu, chè và măng tre ở làng Natkatsu [15]... Trong 20 năm kể từ năm 1979 - 1999, phong trào "Mỗi làng một sản phẩm" đã tạo ra được 329 sản phẩm với tổng doanh thu là 141 tỷ yên/năm (trên 1.1 tỷ USD hay 19.000 tỷ đồng Việt Nam). Bên cạnh đó, việc tìm kiếm thị trường cho các sản phẩm của các làng nghề truyền thống nơi đây là một vấn đề luôn được quan tâm, bởi vì đó là yêu cầu cơ bản của các quy luật kinh tế thị trường. Tỉnh Oita đã có rất nhiều sáng kiến bán hàng được áp dụng như các sản phẩm của Hợp tác xã nông nghiệp Oyama đã được trưng bày riêng một khu vực gọi là "Konohana Garten" và bán với hình thức các hợp tác xã đưa hàng đến

giao cho siêu thị hàng ngày. Với các mặt hàng tươi sống (như rau, nấm, cá), nếu không bán hết và chất lượng có sự suy giảm sẽ được các hợp tác xã thu lại trong những lần đến giao hàng tiếp theo - đảm bảo yêu cầu của thị trường về chất lượng hàng hóa - một yếu tố thành công của việc tiếp thị sản phẩm của phong trào.

Bên cạnh việc giới thiệu nghề truyền thống thông qua báo chí, sách vở, áp phích để thu hút sự quan tâm của khách du lịch về ngành nghề và sản phẩm truyền thống. Chính quyền địa phương ở Oita còn tổ chức triển lãm nghề truyền thống để giới thiệu và quảng cáo làng nghề truyền thống của tỉnh. Tổ chức các hội thi, triển lãm, nhằm khai thác nhu cầu tiềm năng của hàng công nghệ truyền thống. Tổ chức “Tháng công nghệ truyền thống” vào tháng 11 hàng năm [15]. Nhân dịp này tiến hành triển lãm và trưng bày sản phẩm, mở các cuộc thi tài năng, các chiến dịch quảng cáo về nghề truyền thống.

Có thể nói, để tạo ra các sản phẩm chất lượng đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của người Nhật Bản cũng như của du khách không phải là chuyện đơn giản, chính vì vậy, song hành với việc phát triển mỗi làng một nghề chính là việc phát triển các trung tâm nghiên cứu và đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh. Như vậy, với ý chí vươn lên, tính tổ chức khoa học, việc sử dụng nguồn tài nguyên hết sức hiệu quả của người dân Nhật Bản trong xây dựng và phát triển cộng đồng nói chung và phát triển làng nghề nói riêng, ở tỉnh Oita đã tạo ra được nhiều tiền đề vững chắc để phát triển làng nghề truyền thống gắn liền với phục vụ du lịch và có nhiều bài học kinh nghiệm quý giá về phát triển sản phẩm, thị trường, nguồn nhân lực.. cho các tỉnh khác ở Nhật Bản thực hiện, cũng như cho các nước khác vận dụng tùy vào điều kiện cụ thể của mình.

1.2.1.2. Kinh nghiệm của Thái Lan

Ở Thái Lan, việc tổ chức lại các làng nghề truyền thống đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước như: góp phần bảo tồn và nâng cao tay nghề các nghệ nhân, gìn giữ giá trị truyền thống của dân tộc, tạo công ăn việc làm ở nông thôn, ngăn chặn làn sóng di cư vào các đô thị lớn, tạo ra sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm du lịch, phát triển làng nghề truyền thống gắn liền với phục vụ du lịch.

Thái Lan có khoảng 70.000 làng nghề thủ công. Mỗi làng nghề có một hay nhiều sản phẩm, nghĩa là mỗi làng có những đặc trưng riêng về công nghệ sản xuất độc đáo, giá trị truyền thống đặc trưng kết tinh trong sản phẩm thủ công

mỹ nghệ và đã trở thành nét đặc trưng, độc đáo của từng làng nghề truyền thống. Trên cơ sở đó, chính phủ hỗ trợ kết nối địa phương với toàn cầu, thông qua việc hỗ trợ tiêu chuẩn hóa sản phẩm, hoàn tất đóng gói, tiếp thị, tổ chức kênh phân phối ở nước ngoài [3].

Từ đó, để thúc đẩy các làng nghề truyền thống gắn liền với phục vụ du lịch phát triển, Chính phủ Thái Lan đã phát động phong trào "One Tambon, One Product" hay còn gọi là "Thai Tambon Project" (tiếng Thái "Tambon" nghĩa là "làng"). Phong trào này được giới thiệu tại Thái Lan vào năm 1999 và chính thức đi vào hoạt động vào tháng 10 năm 2001. Ý tưởng "mỗi làng một sản phẩm" (One Village One Product Movement) viết tắt là OVOP, được khởi xướng và bắt đầu triển khai ở Oita (Nhật Bản) từ năm 1979. Sau đó, một số nước ở Châu Á đã áp dụng mô hình này và được đổi thành OTOP (One Town One Product, hoặc One Tambon One Product), có nghĩa là mỗi thị trấn hay mỗi địa phương một sản phẩm.

Những sản phẩm này dựa vào nguồn nguyên liệu ở địa phương, cộng với kỹ năng, kỹ xảo của các thợ thủ công được truyền từ đời này sang đời khác ở các làng nghề truyền thống ở từng địa phương để làm ra các loại sản phẩm thủ công đặc trưng của từng địa phương như đồ mỹ nghệ, hàng may mặc, đồ gốm, đồ gia dụng, thực phẩm,... phục vụ người tiêu dùng, khách du lịch, kể cả xuất khẩu. Tùy nơi, hàng hóa mang nhãn hiệu OTOP được chính phủ giảm thuế, hoặc miễn thuế. Trong chương trình một tour du lịch hiện đại, việc đưa du khách đến mua sắm ở những cửa hàng OTOP là việc làm cần thiết. Sự phong phú và hấp dẫn của các sản phẩm này đã làm cho du khách không còn thời gian để cân nhắc chi tiêu của mình. Thái Lan là nước phát triển OTOP rất thành công. Với chính sách khuyến khích và hỗ trợ của Chính phủ Thái Lan, hiện nay ở Thái Lan có khoảng 36.000 mô hình OTOP, mỗi mô hình tập hợp từ 30 đến 3.000 thành viên tham gia. Sự phát triển OTOP đã giúp nghề thủ công truyền thống của Thái Lan được duy trì [3].

Nó đã giúp cho người dân Thái Lan giải quyết được công ăn việc làm, làm ra nhiều sản phẩm đặc sắc của từng địa phương, góp phần tăng thu nhập cho người dân tham gia và điều quan trọng là giữ được giá trị tri thức truyền thống trong văn hóa lâu đời của họ. Trên cơ sở đó, Chính phủ Thái Lan sẽ tiếp tục giúp các cộng đồng địa phương nâng cao chất lượng sản phẩm theo chương trình OTOP để có thể tăng doanh thu thông qua việc chỉ thị cho các trường đại học

mở các phòng vi tính tạo phần mềm thiết kế các mẫu sản phẩm OTOP, đồng thời lập ra các trang thông tin nhằm giúp khách hàng nước ngoài có thể đặt mua hàng qua mạng. Ngoài ra, Chính phủ cũng đã giúp tổ chức các chuyến du lịch tới các làng nghề để du khách nước ngoài có thể tận mắt thấy được các sản phẩm OTOP được sản xuất như thế nào. Số tiền hỗ trợ vào khoảng một triệu Baht mỗi làng và thường được nhắc đến với tên gọi "Chương trình mỗi làng một triệu Baht" nhằm thúc đẩy sự phát triển của phong trào "Mỗi làng một sản phẩm" đã được đề ra.

Trong tháng 6 năm 2002, một cuộc triển lãm bước đầu các sản phẩm của phong trào (chủ yếu là tô đồng, khăn trải bàn, vải tơ tằm dệt tay, tượng gỗ, rổ mây) đã được tổ chức tại tỉnh Nonthaburi và Chính phủ Thái Lan cho biết chỉ trong 4 tháng đầu năm 2002 chương trình này đã đem lại 3,66 tỷ Baht (84,2 triệu USD) lợi nhuận cho nông dân. Các làng nghề truyền thống được tổ chức tốt và được đưa vào các chương trình tour du lịch của Thái Lan bằng nhiều hình thức, điển hình như tờ rơi giới thiệu chương trình OTOP du lịch [3].

Tóm lại, kinh nghiệm của Thái Lan cho thấy chương trình "Mỗi làng một sản phẩm" của Chính phủ Thái Lan đã mang lại nhiều kết quả quan trọng trong quá trình phát triển làng nghề truyền thống gắn liền với phục vụ du lịch. Bên cạnh đó, dự kiến sản phẩm của các làng này sẽ tham gia xuất khẩu đến thị trường đầu ra của các sản phẩm là Nhật, và những thị trường khác như Ý, Mỹ. Ủy ban điều hành chương trình này đang hợp tác với tổ chức xúc tiến ngoại thương Nhật Bản (JETRO) để giới thiệu các sản phẩm thủ công mỹ nghệ của Thái Lan. Bên cạnh ý nghĩa kinh tế, đặc biệt là trong du lịch thì chương trình này là cách bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên ở địa phương, và giữ gìn tri thức bản địa một cách hiệu quả. Tuy nhiên, ngoài mục đích trên, chương trình cần khuyến khích người dân sử dụng nguồn nguyên liệu có sẵn tại chỗ, dựa vào tri thức truyền thống bản địa để làm ra sản phẩm đặc trưng của địa phương.

1.2.2. Một số tỉnh thành trong cả nước

1.2.2.1. Kinh nghiệm của thủ đô Hà Nội

Đến nay với việc tiếp nhận toàn bộ địa bàn tỉnh Hà Tây - vùng đất được mệnh danh là "đất trăm nghề" - Hà Nội đã trở thành nơi hội tụ của sự tài hoa, khéo léo trong ngành thủ công mỹ nghệ cả nước. Những làng nghề truyền thống không chỉ mang lại việc làm cho nhân dân, sản xuất hàng hóa phục vụ xã hội mà

còn góp phần đáng kể vào công cuộc phát triển kinh tế, thay đổi diện mạo nông thôn, đặc biệt đã và đang trở thành những khu, vùng, điểm du lịch hấp dẫn du khách trong và ngoài nước.

Nhằm khai thác tiềm năng du lịch, dịch vụ của các làng nghề truyền thống, Hà Nội đã xây dựng chương trình phát triển du lịch làng nghề với định hướng đến năm 2020, chỉ tiêu phát triển du lịch sẽ đạt 5 - 5,5 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế chiếm khoảng 5 - 10% với tốc độ tăng bình quân 10%/năm. Phấn đấu doanh thu xã hội về du lịch đến 2020 đạt trên 900 tỷ đồng. Thu hút khoảng 5.000 lao động trực tiếp với 3.200 phòng khách sạn, trong đó sẽ hình thành một số khách sạn đạt tiêu chuẩn từ 3 sao trở lên tại các trọng điểm du lịch [20]. Không chỉ vậy, Hà Nội cũng định hướng hình thành mới 6 khu du lịch tổng hợp: khu du lịch sinh thái và vui chơi giải trí Tuần Châu, khu du lịch sinh thái cao cấp An Khánh, hồ Quan Sơn, hồ Đồng Mô, hồ suối Hai - Ba Vì và khu du lịch lịch sử - văn hóa làng cổ Đường Lâm. Song song với việc tiếp tục đẩy mạnh đầu tư khai thác tiềm năng du lịch tại 6 điểm di tích lịch sử - văn hóa, lễ hội là xây dựng một trung tâm dịch vụ du lịch làng nghề truyền thống, đầu tư phát triển ba làng nghề thành các điểm du lịch: nghề tạc tượng ở Sơn Đồng, nghề khảm Chuyên Mỹ và mây tre đan Phú Vinh.

Để hỗ trợ các làng nghề phát triển nhanh, mạnh và bền vững, nhất là khai thác tiềm năng du lịch, dịch vụ, trong những năm gần đây, Sở Công thương Hà Nội đã thực hiện nhiều hoạt động nhằm hỗ trợ phát triển nghề và làng nghề, điển hình như thực hiện đánh giá thực trạng môi trường làng nghề lưu vực sông Nhuệ, sông Đáy. Tổ chức thu thập thông tin về các làng nghề để xuất bản sách và sản xuất phim giới thiệu về tiềm năng phát triển nghề và làng nghề...

Từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia và khuyến công địa phương, Trung tâm Khuyến công Hà Nội đã tổ chức được 45 lớp đào tạo truyền nghề, nhân cấy nghề mây tre đan, thêu ren, sơn mài, dệt khăn, điêu khắc... cho 3.250 học viên, triển khai 7 chương trình lớn tập trung vào công tác truyền nghề, nhân cấy và nâng cao tay nghề, hỗ trợ đổi mới công nghệ tại các làng nghề, nâng cao kỹ năng quản trị cho các chủ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất... [20], tổ chức cho doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm, giới thiệu sản phẩm làng nghề nhằm quảng bá và xúc tiến đầu tư, liên kết kinh doanh, hợp tác sản xuất giữa các vùng và địa phương, tạo tiền đề quan trọng để các làng nghề bảo tồn, phát triển các giá trị văn hóa ngày càng hiệu quả. Được biết, thời gian qua, Hà Nội đã đưa vào

khai thác tour tham quan các làng nghề, song nhìn chung khách đi tour này còn quá ít. Theo đánh giá, hiện việc phát triển các tour du lịch làng nghề trên địa bàn Thủ đô còn nhiều khó khăn, nhất là vấn đề cơ sở hạ tầng, giao thông, phong cách phục vụ thiếu sự chuyên nghiệp...

Có thể khẳng định, tiềm năng du lịch làng nghề của Hà Nội là rất lớn và việc khai thác những tiềm năng, phát huy nội lực của làng nghề sẽ tạo ra món ăn lạ với du khách trong và ngoài nước. Phát triển du lịch làng nghề còn phương thức hữu hiệu để quảng bá văn hóa truyền thống, quảng bá thương hiệu, sản phẩm làng nghề đến người tiêu dùng. Chính vì vậy mà PGS.TS Phạm Trung Lương, Viện nghiên cứu phát triển du lịch làng nghề cho rằng "Làng nghề truyền thống được xem là một dạng tài nguyên du lịch nhân văn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bởi các sản phẩm du lịch làng nghề luôn bao gồm trong nó cả nội dung giá trị vật thể và phi vật thể" [20].

Tuy nhiên, để phát triển du lịch làng nghề ở thủ đô Hà Nội đòi hỏi phải có sự kết nối sâu rộng hơn giữa các làng nghề để khai thác triệt để những tiềm năng còn bỏ ngỏ. Đây còn là phương thức nhân lên sức mạnh thương hiệu, góp phần giải quyết mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển làng nghề trong hội nhập. Nhưng trên thực tế, những người lao động trong các làng nghề vốn chưa quen làm du lịch, dịch vụ, nên còn hạn chế trong cung cách phục vụ. Do đó, vấn đề cần được quan tâm khi phát triển loại hình du lịch này là cần có định hướng và sự hỗ trợ tích cực từ các cấp, ngành hữu quan.

Đặc biệt là phát triển và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, có giải pháp quản lý chất lượng dịch vụ từ các khâu chuyên chở, phục vụ, đón tiếp, hướng dẫn và điều hành, đồng thời có biện pháp hữu hiệu để loại bỏ các tệ nạn trong khu vực di tích, lễ hội, nhằm tạo cảm giác thoải mái và an toàn cho du khách. Bên cạnh đó, xây dựng từng loại hình du lịch phù hợp, tạo ra các sản phẩm du lịch đa dạng, đáp ứng nhu cầu của từng đối tượng khách du lịch.

1.2.2.2. Kinh nghiệm của tỉnh Quảng Nam

Vào thập niên 70, 80 của thế kỉ trước, Quảng Nam thường được nhắc tới với những sản phẩm độc đáo, nổi tiếng như: lụa Phú Bông, Mã Châu; dâu tằm Đông Yên, Thi Lai; gốm sứ Thanh Hà; đúc đồng Phước Kiều; mộc Kim Bồng; chiếu Triêm Tây... Có những sản phẩm đã đi vào thơ ca: "Quảng Nam có lụa Phú Bông, có khoai Trà Đũa, có sông Thu Bồn" [21].

Trong quá trình phát triển, người dân các làng nghề trải qua không ít thăng trầm; hàng nghìn người dân không sống được bằng nghề truyền thống đành phải tìm một lối rẽ mới, khiến nhiều làng nghề rơi vào cảnh bế tắc, mai một dần... Mãi đến những năm gần đây, khi có chính sách hỗ trợ, khuyến khích của Nhà nước, các làng nghề truyền thống xứ Quảng mới bắt đầu được khôi phục. Và người dân ở các làng nghề: dệt chiếu, ươm tơ, dệt lụa (Duy Xuyên), đúc đồng Phước Kiều (Điện Bàn), mộc Kim Bồng (Hội An)... mới có điều kiện quay lại với nghề truyền thống của cha ông mình, tiếp tục chặng đường mới.

Thời gian qua tỉnh Quảng Nam đã thực hiện nhiều giải pháp khôi phục, tìm hướng đi mới cho các làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch. Cách làm năng động này đã đạt được những kết quả bước đầu, vừa góp phần bảo tồn và phát huy giá trị của làng nghề, vừa tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân, thúc đẩy du lịch phát triển bền vững. Tỉnh đã có nhiều chủ trương đầu tư phát triển du lịch dựa trên lợi thế của hai di sản văn hóa thế giới: Phố cổ Hội An và Mỹ Sơn, qua đó đã đạt được nhiều kết quả khả quan. Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam ông Hồ Tấn Cường khẳng định: “Quảng Nam đã thử nghiệm thành công việc gắn kết giữa phát triển làng nghề và du lịch cùng với sự tham gia của cộng đồng. Đến nay, toàn tỉnh đã khôi phục và phát triển được 89 làng nghề thủ công truyền thống, chủ yếu tập trung tại thành phố Hội An và các huyện: Duy Xuyên, Điện Bàn, Đông Giang, Nam Giang, Tây Giang” [21].

Bước đầu, các làng nghề đã thu hút hơn 7.500 hộ tham gia và tạo việc làm cho 16 nghìn lao động tại địa phương. Hiện có 20 làng nghề và 7 cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ gắn với phát triển du lịch đang có nhiều khởi sắc. Thực tế cho thấy, một số sản phẩm tour du lịch như: Một ngày làm cư dân phố cổ, một ngày làm cư dân làng nghề đèn lồng, đêm rằm phố cổ Hội An, phố không có tiếng động cơ, tham quan làng rau Trà Quế, mộc Kim Bồng,... đã thu hút du khách, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người dân. Du khách đến tham quan các làng nghề tăng lên rõ rệt, năm 2013 ước tính khoảng 100 nghìn lượt khách đến các làng nghề; trong đó, khách quốc tế chiếm khoảng 90%. Chỉ tính riêng bảy cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ gắn với phát triển du lịch tại các địa phương, mỗi năm đã mang lại doanh thu gần 200 tỷ đồng, chiếm 10% tổng doanh thu của hoạt động các làng nghề truyền thống toàn tỉnh [21].

Thời gian qua, Hội An đã đầu tư 17,6 tỷ đồng xây dựng hạ tầng giao thông tại các làng nghề truyền thống: Mộc Kim Bông, gốm Thanh Hà, rau Trà Quế, dứa nước Cẩm Thanh, phố đèn lồng Hội An... Tại Duy Xuyên, sau khi tỉnh phê duyệt quy hoạch và dự án đầu tư phát triển làng nghề, huyện đã triển khai xây dựng 5 km đường vào làng nghề và xây dựng cơ sở sinh hoạt làng nghề An Phước, với số tiền gần 10 tỷ đồng. Còn huyện Điện Bàn đã dành nguồn vốn của địa phương kết hợp với chương trình mục tiêu và vốn ODA đầu tư xây dựng nhà trưng bày làng đúc đồng Phước Kiều, đường vào làng nghề Đông Khương, rồi hệ thống đường giao thông, điện tại làng nghề dệt Nông Sơn (xã Điện Phước)... [21]

Không dừng lại ở đó, Quảng Nam đã chú trọng khôi phục và phát triển làng nghề tại các huyện miền núi như: dệt thổ cẩm, sản xuất rượu cần... Mới đây, huyện Đông Giang đã đầu tư hàng trăm triệu đồng xây dựng nhà Moong để trưng bày sản phẩm tại làng nghề thôn Bờ Hông phục vụ nhu cầu tham quan của khách du lịch. Việc đầu tư kinh phí khôi phục các làng nghề, gắn kết với điểm du lịch sinh thái tại các huyện miền núi như: thác Grăng, di tích đường Hồ Chí Minh để góp phần níu chân du khách.

Có thể nói rằng, chủ trương gắn khôi phục làng nghề với phát triển du lịch ở Quảng Nam, bước đầu đã đạt được những kết quả khả quan, tuy nhiên trong quá trình phát triển các làng nghề truyền thống gắn với du lịch còn nhiều hạn chế. Hiện tại, cơ chế, chính sách hỗ trợ việc khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống chưa cụ thể và chưa quan tâm đầu tư các làng nghề thuộc lĩnh vực nông - lâm - thủy sản. Công tác quảng bá và xây dựng thương hiệu làng nghề đã được các ngành liên quan và các địa phương triển khai nhưng hiệu quả chưa cao. Việc xây dựng và quản lý thương hiệu sản phẩm làng nghề gắn với du lịch chưa có tiêu chí cụ thể và chồng chéo trong quản lý dẫn đến việc hỗ trợ cho các làng nghề xây dựng và đăng ký thương hiệu còn nhiều khó khăn.

Mong rằng thời gian tới, bên cạnh những chủ trương, nỗ lực và các giải pháp phát triển làng nghề truyền thống của tỉnh Quảng Nam nói chung và của Hội An nói riêng, tỉnh cũng sẽ khắc phục được những hạn chế, giúp cho các làng nghề truyền thống trên địa bàn được chú trọng phát triển hơn nữa phục vụ cho du lịch.

1.2.3. Bài học kinh nghiệm rút ra cho tỉnh Thừa Thiên – Huế trong việc phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch

Trên cơ sở kinh nghiệm của một số tỉnh của Nhật Bản và Thái Lan và một số tỉnh, thành trong cả nước về phát triển làng nghề truyền thống gắn liền với phục vụ du lịch, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm để tỉnh Thừa Thiên - Huế tham khảo và vận dụng trong quá trình phát triển làng nghề truyền thống gắn liền với phục vụ du lịch tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển ngành du lịch của tỉnh.

Một là, phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch phải gắn với quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông thôn, với xu hướng phát triển du lịch hiện đại. Trong các tour du lịch làng nghề thì việc đưa du khách đến để tham quan, mua sắm và trải nghiệm là cần thiết. Trong đó, sự kết hợp chặt chẽ giữa ngành du lịch và các nhà triển lãm các sản phẩm làng nghề truyền thống cấp quốc gia và địa phương. Khai thác hiệu quả các chương trình kết nối giữa làng nghề với nhau hay giữa làng nghề với các điểm du lịch văn hóa trên địa bàn tỉnh.

Hai là, chú trọng phát triển nguồn nhân lực có khả năng kế tục phát triển các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch về ý thức, giá trị của việc bảo tồn các làng nghề truyền thống; tạo điều kiện để thế hệ trẻ làm quen các phương pháp, công nghệ sản xuất truyền thống, vật liệu nhằm tạo sự hiểu biết đúng đắn về giá trị của các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch trong tương lai. Từ đó, mới tạo được niềm đam mê cho thế hệ trẻ về bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống. Có cơ chế phân bổ lợi ích hợp lý giữa các chủ thể tham gia vào công việc phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch.

Ba là, nâng cao vai trò của Nhà nước và chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ, giúp đỡ về vốn và các chính sách phù hợp để thúc đẩy làng nghề truyền thống phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho làng nghề truyền thống tham gia vào các tour du lịch, người dân được hưởng lợi từ du lịch.

Bốn là, tăng cường sự hợp tác giữa các làng nghề truyền thống với doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, để xây dựng, thiết lập và triển khai các chương trình du lịch nhằm thu hút du khách đến với làng nghề. Đồng thời có nhiều hình thức kết hợp hài hòa giữa hoạt động du lịch với các làng nghề truyền thống hiệu quả.

Năm là, từng bước xây dựng thương hiệu sản phẩm cho từng làng nghề truyền thống phục vụ du lịch, phát triển các hoạt động quảng bá về làng nghề. Xét duyệt các sản phẩm của làng nghề truyền thống chính xác để công nhận

chính thức sản phẩm của làng nghề truyền thống. Xây dựng chiến lược quảng bá lâu dài để đưa hình ảnh làng nghề đến với du khách cả ở trong nước và nước ngoài.

1.3. Tổng quan về các làng nghề truyền thống tại tỉnh Thừa Thiên – Huế

Thừa Thiên - Huế là một tỉnh giàu đẹp, có nhiều tài nguyên du lịch, phong cảnh hữu tình, con người hiền hòa, mến khách, với bề dày văn hóa truyền thống lâu đời, nhất là được kế thừa di sản Thế giới Cố đô Huế và nhiều di sản văn hóa phi vật thể. Những năm qua, ngành du lịch tỉnh Thừa Thiên - Huế đã phát triển mạnh mẽ, ghi dấu trên bản đồ du lịch cả nước, trở thành điểm đến thân thuộc của du khách bốn phương. Tại địa bàn tỉnh hiện nay, bên cạnh những loại hình du lịch nổi trội, hấp dẫn như du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng thì loại hình du lịch làng nghề truyền thống đang ngày càng thể hiện được sức hút, sự quan tâm của du khách không chỉ ở những sản phẩm thủ công tinh xảo, cầu kỳ mà còn ở chính sự trải nghiệm đầy lý thú mà du khách sẽ được chiêm nghiệm thông qua chuyến hành trình về các làng nghề truyền thống này.

1.3.1. Các nguồn lực chủ yếu tạo tiền đề để phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên – Huế

1.3.1.1. Hệ thống cơ sở hạ tầng

Những năm qua, xác định được tầm quan trọng của việc xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ cho ngành du lịch, đồng thời hướng đến mục tiêu xây dựng tỉnh Thừa Thiên – Huế cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại 1. Tỉnh đã ưu tiên nguồn lực đầu tư cho hệ thống cơ sở hạ tầng được phát triển mạnh mẽ, đồng bộ. Các ngành giao thông, điện, cấp thoát nước, sân bay, cảng biển... không ngừng phát triển và đổi mới công nghệ nhằm đáp ứng tốt nhất cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hạ tầng giao thông: Tỉnh Thừa Thiên – Huế đã quan tâm phát triển giao thông kết nối liên vùng. Đó là đưa vào sử dụng nhiều công trình giao thông mang tầm vóc quốc gia, tạo thành hệ thống liên hoàn giữa các vùng, rút ngắn khoảng cách giữa vùng sâu, vùng xa với các vùng đồng bằng, đô thị. Việc hoàn thành nâng cấp sân bay Phú Bài thành sân bay quốc tế đã đáp ứng việc cất, hạ cánh cho máy bay cỡ lớn, bay cả ban ngày lẫn ban đêm và trong mọi thời tiết, có khả năng đón các chuyến bay từ nước ngoài vào để tạo điều kiện cho khách du lịch nước ngoài bay trực tiếp đến Huế. Đưa vào sử dụng cầu cảng nước sâu Chân Mây với khả năng đón tàu 50 ngàn tấn, mở ra một hướng phát triển mới

cho khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô. Bên cạnh đó, thông xe hầm đường bộ Hải Vân, đường Hồ Chí Minh phía Tây đã tháo gỡ những ách tắc trầm trọng cho việc lưu thông hành khách theo hướng tuyến Bắc - Nam nhất là trong mùa cao điểm. Hạ tầng giao thông nông thôn cũng đã được kiên cố hóa rộng khắp, tuyến đường lên hai huyện miền núi Nam Đông và A Lưới đã được nâng cấp, rút ngắn khoảng cách giữa miền núi và đồng bằng. Đến nay toàn tỉnh đã nhựa hóa được 80% đường tỉnh, bê tông hóa 70% đường giao thông nông thôn (đường huyện, đường xã), 100% xã có đường ô tô đến trung tâm [25].

Hệ thống cấp nước sinh hoạt trong đô thị Huế và vùng phụ cận được nâng cấp, cải tạo; xây mới hệ thống cấp nước thị trấn Phú Lộc và các xã lân cận, hệ thống cấp nước thị trấn Phong Điền; hoàn thành lắp đặt các tuyến cấp nước tập trung vượt phá Tam Giang- Cầu Hai để cung 388 cấp nước cho nhân dân các xã ven biển; nâng tỷ lệ dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh trên toàn tỉnh lên 93%; trong đó, tỷ lệ sử dụng nước sạch đạt 72% [25].

Hệ thống cấp điện: Đến nay, đơn vị đã đưa điện lưới về 152/152 xã, phường trên toàn tỉnh. thôn, bản đã có điện lưới; tỷ lệ hộ sử dụng điện là 99,5%. Tỷ lệ đường phố chính đô thị đã được chiếu sáng 326,24 km trên tổng số 513,67 km, đạt 63,51%; tỷ lệ ngõ hẻm đã có chiếu sáng là 78,86 km trên tổng số 539,2 km đường ngõ hẻm, đạt 14,6 % [25].

Hạ tầng xử lý chất thải: Đã hoàn thành dự án cải thiện môi trường đô thị Lăng Cô; đang triển khai xây mới khu xử lý chất thải phía Nam thành phố Huế; triển khai dự án cải thiện môi trường nước thành phố Huế. Hình thành hệ thống thu gom chất thải rắn ở các huyện, xã; cơ bản hoàn thành các công trình vệ sinh trong trường học và một số nơi công cộng.

Hạ tầng công nghệ thông tin: Được chú trọng đầu tư theo hướng xây dựng Thừa Thiên Huế thành trung tâm công nghệ thông tin mạnh. 100% các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và 152 xã, phường, thị trấn đã kết nối mạng LAN phục vụ tốt công tác điều hành, quản lý công việc; 90% doanh nghiệp kết nối Internet. Phát triển hệ thống thông tin địa lý tỉnh Thừa Thiên-Huế (GISHue); hoàn thành xây dựng một số cơ sở dữ liệu chuyên đề đưa vào khai thác, sử dụng trên nhiều lĩnh vực [25]. Hạ tầng viễn thông và truyền thông được đầu tư theo hướng cáp quang, ngầm hóa và dùng chung hạ tầng mạng vừa đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ ứng dụng có chất

lượng cao vừa đảm bảo mỹ quan môi trường đô thị và các khu dân cư; đã hoàn thành ngầm hóa mạng cáp viễn thông và cáp truyền hình tại trung tâm thị xã.

1.3.1.2. Nguồn nhân lực

Tính đến năm 2017, dân số tỉnh Thừa Thiên – Huế có 1.154.310 người, trong đó: nam có 575.388 người, nữ có 578.922 người. Mật độ dân số là 230 người/ km². Về phân bố dân cư, có 563.404 người sinh sống ở thành thị và 590.906 người sinh sống ở vùng nông thôn. Tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên là 632.086 người (trong đó lao động nữ là 299.037 người) [24].

Các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên - Huế chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn của địa bàn tỉnh, có vị trí địa lý gần với trung tâm thành phố, thuận lợi để phát triển theo hướng phục vụ các dịch vụ du lịch cho khách du lịch khi đến Huế, cụ thể: trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên - Huế có 2.380 cơ sở sản xuất hoạt động tại 25 làng nghề truyền thống phục vụ du lịch khác nhau, với 5.980 người lao động tham gia lao động thường xuyên và 3.760 người lao động tham gia theo mùa vụ; phân bố chủ yếu ở 3 huyện Quảng Điền, Hương Thủy và Phú Vang với các tỷ lệ lao động tương ứng là 32,3%, 22,5% và 28,2%. Còn ở huyện Phong Điền, huyện Hương Trà và thành phố Huế thì số lượng làng nghề phân bố ít hơn, với các tỷ lệ lao động tương ứng là 6,2%, 7,1% và 3,7% [9]. Điều này chứng tỏ hoạt động của các cơ sở sản xuất trong các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch mang tính thời vụ cao do ảnh hưởng của nhiều yếu tố cả khách quan lẫn chủ quan như thời tiết, điều kiện sản xuất của từng cơ sở, thị trường đầu vào, thị trường đầu ra, lễ hội.

Tỉnh có một lực lượng lao động có tay nghề cao trong các làng nghề truyền thống với sự kế thừa qua nhiều thế hệ, theo thống kê sơ bộ của Sở Công Thương tỉnh Thừa Thiên – Huế có khoảng 1.000 thợ giỏi bậc cao và nghệ nhân [9]. Lực lượng lao động tại các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch có độ tuổi khác nhau, với trình độ tay nghề ở các mức độ khác nhau gồm: nghệ nhân, thợ bậc cao, thợ có tay nghề và đang học việc. Lực lượng lao động chủ yếu hiện nay tại các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế là thợ có tay nghề với độ tuổi phổ biến là từ 18 tuổi đến 49 tuổi [9]. Đây là điều kiện thuận lợi để làng nghề truyền thống phục vụ du lịch gìn giữ được nét độc đáo, riêng có của mình, thể hiện qua bảng như sau.

Bảng 1: Phân loại lao động theo độ tuổi và trình độ tay nghề của làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế

Độ tuổi	Nghệ nhân		Thợ bậc cao		Thợ có tay nghề		Đang học việc	
	SL (người)	TL (%)	SL (người)	TL (%)	SL (người)	TL (%)	SL (người)	TL (%)
Trên 65t	28	0,325	62	0,73	95	1,13	0	0
Từ 50t -64t	84	0,975	735	8,75	874	10,4	0	0
Từ 18t - 49t	0	0	59	0,7	3.907	46,7	1324	15,8

Nguồn: Báo cáo về phát triển nghề và làng nghề tỉnh Thừa Thiên - Huế, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Như vậy, đội ngũ thợ có tay nghề tham gia hoạt động sản xuất ở các cơ sở sản xuất phân bố tương đối đồng đều, chiếm tỷ lệ lớn (61,7%), đây là nguồn lực khá dồi dào để phát triển công tác đào tạo nghề tại chỗ và phát triển các hoạt động du lịch tại làng nghề. Trong khi đó, số lượng nghệ nhân chiếm tỷ lệ quá thấp đồng thời lại có độ tuổi cao (trên 50 tuổi), số thợ bậc cao đang ngày càng tăng, hầu hết là các thợ có tay nghề đang tham gia lao động ở làng gốm Phước Tích, làng tranh giấy Sinh, các làng nón lá truyền thống...

Là địa phương đạt tiêu chuẩn phổ cập trung học cơ sở 100% xã, phường, nhờ vậy mà trình độ văn hóa của người lao động, đặc biệt là lao động trẻ (dưới 30 tuổi) khá cao. Đây là yếu tố thuận lợi cho việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho các ngành nghề nói chung và nguồn nhân lực cho việc phát triển các làng nghề truyền thống ở tỉnh nói riêng.

Bên cạnh đó, tỉnh Thừa Thiên – Huế có hệ thống đào tạo đại học và trên đại học với quy mô lớn. Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 7 trường đại học và 5 trung tâm nghiên cứu khoa học tự nhiên – xã hội. Hệ thống các trường dạy nghề phát triển khá với 5 trường trung học chuyên nghiệp, 70 cơ sở dạy nghề, 14 trung tâm ngoại ngữ, tin học và hơn 100 cơ sở đào tạo ở quy mô nhỏ do tư nhân tự tổ chức [24]. Điển hình là trường Cao đẳng Du lịch đã trở thành nơi đào tạo chính cho nguồn nhân lực du lịch, cung cấp các lao động có tay nghề khá cao không những cho tỉnh mà còn cho khu vực các tỉnh miền Trung. Tại các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch, lực lượng lao động phải đáp ứng được yêu cầu cụ thể, đặc trưng là: ngoài khả năng và trình độ tay nghề của mình thì đồng thời phải có kỹ năng làm du lịch tại chỗ. Chính vì điều này mà đội ngũ nghệ nhân và thợ có tay nghề cao giữ vai trò quan trọng trong việc thực hiện thuận

thực các thao tác độc đáo của từng nghề cho du khách xem và hướng dẫn họ làm lại các sản phẩm của làng nghề trong thời gian họ tham quan và trải nghiệm tại làng nghề truyền thống.

Có thể thấy, sự phát triển của các làng nghề truyền thống và ngành nghề tiểu thủ công nghiệp nói chung và của làng nghề truyền thống phục vụ du lịch nói riêng đã và đang thu hút và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn có việc làm ổn định và tăng thu nhập cho các hộ gia đình ở địa phương.

1.3.1.3. Tài nguyên du lịch

Thừa Thiên - Huế đang gìn giữ kho tàng văn hóa phong phú, đa dạng, đặc sắc trong dòng chảy văn hóa Việt Nam. Với gần 1000 di tích bao gồm di tích lịch sử cách mạng, di tích tôn giáo, di tích lưu niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong đó, Quần thể Di tích Cố đô Huế đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa Thế giới (năm 1993) [23]. Bên cạnh đó, nơi đây đồng thời là một trung tâm quan trọng của đạo Phật. Ở Huế và những vùng lân cận vẫn còn tồn tại hàng chục ngôi chùa được xây dựng trên 300 năm và hàng trăm đền, chùa được xây dựng từ đầu thế kỉ 20.

Thừa Thiên - Huế còn là nơi tập trung những di sản văn hóa phi vật thể phong phú và đa dạng, được bảo tồn, khai thác và phát huy. Từ những loại hình nghệ thuật diễn xướng cung đình bác học, nghệ thuật trang trí đến những phong tục tập quán mang đậm những nét riêng của từng vùng đất. Trong đó, Nhã nhạc cung đình triều Nguyễn được UNESCO công nhận là kiệt tác phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại (tháng 11/ năm 2003) và đang được tích cực gìn giữ và phát huy giá trị [23]. Các loại hình múa hát cung đình, lễ nhạc cung đình, tuồng Huế, ca Huế, ca kịch Huế và các làn điệu dân ca, dân nhạc, dân vũ đã và đang tiếp tục được đầu tư sưu tầm, khôi phục, phát huy và phát triển.

Thừa Thiên - Huế có hơn 500 lễ hội bao gồm lễ hội cung đình, lễ hội dân gian truyền thống, lễ hội tôn giáo tồn tại cùng với truyền thống văn hóa lâu đời của mỗi vùng miền. Hiện nay, có hơn 100 lễ hội dân gian, lễ hội truyền thống và hiện đại đã được các địa phương khôi phục và phát huy, bao gồm: Lễ hội cung đình Huế (lễ tế Đàn Nam Giao, lễ tế Đàn Xã Tắc; lễ hội thao diễn thủy binh thời chúa Nguyễn, Lễ Truyền Lô,..); các lễ hội văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo (lễ hội Điện Huệ Nam, lễ hội Quán Thế Âm, lễ Phật Đản...); lễ hội tưởng nhớ các vị khai canh, thành hoàng; lễ tưởng niệm các vị tổ sư làng nghề (lễ hội Cầu ngư, Vật võ Làng Sinh, vật võ Làng Thủ Lễ, Đu tiên Phong Điền, lễ hội Làng Chuồn,

lễ hội đua ghe,...) và nhiều lễ hội khác như: Lễ hội Đền Huyền Trân, Ngày hội Văn hóa, Thể thao, Du lịch đồng bào các dân tộc miền núi Thừa Thiên - Huế, Lễ hội Cô huyền thoại biển, Festival Thuận An Biển gọi, Ấn tượng Bạch Mã... Ngoài ra, Thừa Thiên – Huế cũng là vùng đất lưu giữ những giá trị nghệ thuật ẩm thực nổi trội với gần 1.700 món ăn cung đình và dân gian độc đáo, hấp dẫn.

Nhiều làng nghề truyền thống với những sản phẩm kết tinh giá trị văn hóa của một vùng đất đã được bảo tồn, khôi phục và phát huy, tạo sự hấp dẫn khách du lịch như các làng điêu khắc Mỹ Xuyên, gốm Phước Tích, hoa giấy Thanh Tiên, tranh dân gian Làng Sinh, tranh thêu cổ đô, đan lát Bao La, gót Dã Lê, đúc đồng Phường Đúc, dệt Zèng A Lưới.

Phát huy lợi thế di sản văn hóa Huế - nguồn tài nguyên quý giá, ngành du lịch kết hợp với những tiềm năng khác của tỉnh Thừa Thiên - Huế đã có những bước phát triển khá toàn diện và bền vững, đưa tỉnh trở thành một trong những trung tâm văn hóa - du lịch lớn của cả nước, thực hiện sự liên kết phát triển với các tuyến du lịch của hành lang Đông - Tây và các điểm du lịch Phong Nha - Cố đô Huế - Hội An - Mỹ Sơn, hình thành nên “Con đường di sản miền Trung”.

1.3.2. Tình hình hoạt động tại các làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên – Huế

1.3.2.1. Giới thiệu về các làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên – Huế

Hiện nay, theo thống kê của Sở Công thương tỉnh Thừa Thiên - Huế trên địa bàn tỉnh hiện nay có 69 làng nghề truyền thống trong đó có 25 làng nghề truyền thống tham gia du lịch.

Bảng 2: Thống kê các làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên – Huế hiện nay

Tên huyện/ xã có làng nghề truyền thống	Ngành nghề truyền thống	Các làng nghề tham gia du lịch
1. Thành phố Huế		
1.1. Xã Thủy Xuân	Đúc đồng hoặc kim loại	X
1.2. Phường Đúc		X
2. Huyện Phong Điền		
2.1. Xã Phong Bình	Đệm bàng Phò Trạch	
	Đệm bàng Triều Quý	
	Đệm bàng Đông Mỹ	

Tên huyện/ xã có làng nghề truyền thống	Ngành nghề truyền thống	Các làng nghề tham gia du lịch
	Dệt lưới ngư cụ Đông Phú	
	Dệt lưới Vân Trình	
	Dệt lưới Trung Thành	
2.2. Xã Phong Hòa	Mộc Mỹ Xuyên	X
	Mộc Đông Thương	
	Gốm Phước Tích	X
2.3. Xã Phong Điền	Rèn Hiền Lương	
	Nón lá Thanh Tân	X
2.4. Xã Phong Hải	Chế biến nước mắm và thủy hải sản	
2.5. Xã Phong Mỹ	Chế biến tương măng	
2.6. Xã Phong Chương	Rượu Mỹ Phú	
3. Huyện Quảng Điền		
3.1. Xã Quảng Công	Nước mắm Tân Thành	
	Nước mắm An Lộc	
3.2. Xã Quảng Phú	Đan lát Bao La	X
	Nón lá Phú Lễ	X
	Nón lá Hạ Lang	X
3.3. Xã Quảng Vinh	Mộc dân dụng Phở Lai	
	Sản xuất bún Ô Sa	
3.4. Xã Quảng Lợi	Đan lát Thủy Lập	X
4. Huyện Hương Trà		
4.1. Xã Hương Vinh	Gạch ngói Thủy Phú	
	Rèn Bao Vinh	
	Chạm cấn Địa Linh	
4.2. Xã Hương Toàn	Sản xuất bún Vân Cù	
	Gạch ngói Nam Thanh	
	Nón lá Hương Cồn	X
	Sản xuất rượu thủ công Dương Sơn	
4.3. Xã Hương Hồ	Mộc An Bình	X

Tên huyện/ xã có làng nghề truyền thống	Ngành nghề truyền thống	Các làng nghề tham gia du lịch
	Sản xuất bánh tráng Lựu Bảo	
4.4. Xã Hương Vân	Đan lát Lai Thành	X
5. Huyện Phú Vang		
5.1. Xã Phú Hồ	Nón lá Đông Hồ	X
5.2. Xã Phú Mỹ	Nón lá An Lưu	X
	Nón lá Mỹ Lam	X
5.3. Xã Phú Nam	Nón lá Truyền Nam	X
	Rượu An Truyền	
5.4. Xã Phú Hải	Chế biến nước mắm	
5.5. Xã Phú Thuận		
5.6. Xã Phú Mậu	Tranh giấy Làng Sinh	X
	Hoa giấy Thanh Tiên	X
5.7. Xã Phú Dương	Mộc Dương Nỗ	X
5.8. Xã Vinh Thanh	Đan lát Hà Thanh	X
	Sản xuất rượu thủ công Hà Thanh	
6. Huyện Hương Thủy		
6.1. Xã Thủy Phương	Sản xuất chổi đót	
6.2. Xã Thủy Thanh	Nón Thủy Thanh	X
	Nón Lang Xá Càn	X
	Nón Vân Thê Đập	
	Nón Vân Thê	X
	Nón Xá Bần	
7. Huyện Phú Lộc		
7.1. Xã Lộc Vĩnh	Chế biến nước mắm	
7.2. Xã Vinh Hiền		
7.3. Xã Lộc Điền	Sản xuất đá chè Bạch Thạch	
7.4. Xã Lộc Tiến	Sản xuất đá chè Trung Kiên	
	Sản xuất đá chè Thổ Sơn	
	Sản xuất đá chè Song Thủy	
7.5. Xã Lộc An	Sản xuất tinh bột lọc	

Tên huyện/ xã có làng nghề truyền thống	Ngành nghề truyền thống	Các làng nghề tham gia du lịch
7.6. Xã Lộc Thủy	Sản xuất tinh dầu trầm	
8. Huyện A Lưới		
8.1. Xã A Đót	Dệt zèng Aroh	
	Dệt zèng Chi Lanh	
8.2. Xã A Roàng	Dệt zèng Aka- Achi	
	Dệt zèng A Roàng	X
	Dệt zèng Amin	
8.3. Xã A Nhâm	Dệt zèng Nhâm	X
	Dệt zèng A Hứa	
	Dệt zèng PAE	
	Tre đan Nhâm	

Nguồn: Các báo cáo về tình hình làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên – Huế, Sở Công thương tỉnh Thừa Thiên – Huế (năm 2017)

Từ bảng thống kê, có thể thấy cụ thể số lượng các làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên - Huế khá lớn. Tuy nhiên, trong tổng số các làng nghề truyền thống chỉ mới có 25 làng nghề đang tham gia vào các hoạt động du lịch, đón khách đến tham quan tại làng nghề. Đây là một con số khá khiêm tốn, do đó, trong thời gian tới tỉnh Thừa Thiên - Huế cần xác định việc khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống là một trong những nội dung quan trọng để hướng đến trọng tâm phát triển các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch, thúc đẩy phát triển nền kinh tế - xã hội ở địa phương.

1.3.2.2. Tình hình hoạt động tại các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên – Huế

Về tình hình tiêu thụ sản phẩm tại các làng nghề truyền thống

Trong giai đoạn hiện nay, tùy thuộc vào từng nhóm sản phẩm là mây tre đan, hay là nón lá hoặc là tranh giấy và hoa giấy, hay là gốm nung, mộc mỹ nghệ, hay đúc đồng mà tình hình tiêu thụ của chúng tại các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế có sự khác nhau. Vào những thời điểm diễn ra các chương trình lễ hội lượt khách du lịch trong và ngoài nước đến Thừa Thiên - Huế tăng lên đột biến, nhu cầu mua sắm, vui chơi và nghỉ ngơi của người dân trong tỉnh cũng tăng lên đáng kể. Các làng nghề truyền thống được nhiều du khách biết đến hơn thông qua các tour du lịch làng nghề, các chương

trình của lễ hội liên quan đến các làng nghề truyền thống, từ đó các sản phẩm thủ công của các làng nghề truyền thống được tiêu thụ nhiều hơn so với thời gian còn lại trong năm. Do đó, tình hình tiêu thụ sản phẩm thủ công mỹ nghệ của các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch có sự biến động qua các năm, thể hiện cụ thể ở bảng 3 như sau.

Bảng 3: Tình hình tiêu thụ sản phẩm của các làng nghề truyền thống

	Sản lượng năm 2014 (1000 SP)	Sản lượng năm 2015 (1000 SP)	Sản lượng năm 2016 (1000 SP)	Sản lượng năm 2017 (1000 SP)	Sản lượng năm 2018 (1000 SP)
Mây tre đan	2.214	2.897	2.930	3.350	3.912
Nón lá	2.895	3.268	3.850	4.012	4.860
Tranh và hoa giấy	1.462	1.665	1.678	1.837	2.104
Gốm nung	592	619	725	789	825
Mộc mỹ nghệ	694	908	960	975	1095
Đúc đồng	524	574	618	650	696

Nguồn: Báo cáo về phát triển nghề và làng nghề tỉnh Thừa Thiên - Huế, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Qua bảng 3, có thể nhận thấy tình hình tiêu thụ các sản phẩm thủ công truyền thống của các làng nghề tăng dần qua các năm. Đây là dấu hiệu khả quan nhằm tăng doanh thu cho các cơ sở sản xuất. Tuy nhiên, bên cạnh các sản phẩm nón lá và mây tre đan vốn luôn là sự lựa chọn hàng đầu của du khách, thì các sản phẩm về đúc đồng và mộc mỹ nghệ thường được tiêu thụ bởi nhóm khách là người dân trong tỉnh nên số lượng tiêu thụ không nhiều. Còn đối với nhóm sản phẩm tranh giấy và hoa giấy thì đây là các sản phẩm mang tính thời vụ, chủ yếu phục vụ tín ngưỡng và các ngày lễ hội dân gian trên địa bàn tỉnh, mẫu mã sản phẩm chưa thật sự đa dạng nên chưa được du khách ưa chuộng để lựa chọn mua sản phẩm này.

Về lượt khách du lịch đến với các làng nghề truyền thống

Theo sở Du lịch tỉnh Thừa Thiên – Huế, lượng khách du lịch đến Thừa Thiên - Huế trong 6 tháng đầu năm ước đạt 2.330.000 lượt, tăng 33,4% so với cùng kỳ; trong đó khách quốc tế đạt 1.020.000 lượt, tăng 67,5% so với cùng kỳ; khách nội địa đạt 1.310.000 lượt, tăng 15,2% so với cùng kỳ. Khách lưu trú ước đạt 1.109 triệu lượt, tăng 16,2 %, trong đó khách quốc tế ước đạt 521,875, tăng

26,1%. Doanh thu từ du lịch 6 tháng ước đạt 2.215 tỷ đồng, tăng 28,3% so với cùng kỳ. Doanh thu xã hội từ du lịch đạt 5.537 tỷ đồng. Về thị trường khách quốc tế đến Thừa Thiên - Huế trong các tháng đầu năm 2018, Hàn Quốc tiếp tục dẫn đầu các thị trường khách quốc tế đến Huế, chiếm 33,6%. Một số thị trường khách truyền thống vẫn có mức tăng trưởng ổn định như Pháp (11,1%), Mỹ (6,2%), Đức (5,9%), Anh (5,6%) [26].

Về lượt khách đến tỉnh Thừa Thiên - Huế cho thấy, số lượt khách trong nước chiếm tỷ lệ cao hơn số lượt khách quốc tế. Số liệu này phản ánh thực tế khác với quan niệm thông thường của xã hội: sản phẩm truyền thống chủ yếu phục vụ và hướng tới phục vụ khách quốc tế. Vì vậy, để phát triển hoạt động du lịch tại các làng nghề truyền thống, tỉnh Thừa Thiên - Huế cần phải sản xuất các sản phẩm phù hợp với thị hiếu của cả khách du lịch trong và ngoài nước. Tại các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế, số lượt khách du lịch đều tăng lên, tốc độ tăng trưởng bình quân tăng từ 17,8% đến 49,5%. Trong đó, số khách đến các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch thuộc nhóm sản phẩm gốm nung, mộc mỹ nghệ, đúc đồng chưa nhiều, chỉ chiếm tỷ lệ từ 10 - 15% tổng lượt khách [27].

Các làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên - Huế mà chủ yếu có lượt khách du lịch nội địa đến thăm nhiều hơn so với khách quốc tế bao gồm: các làng nghề truyền thống sản xuất nhóm mây tre đan, nón lá, tranh giấy và hoa giấy, đúc đồng. Hai nhóm làng nghề truyền thống phục vụ du lịch sản xuất các nhóm sản phẩm gốm nung và mộc mỹ nghệ thì có số khách nội địa chiếm tỷ lệ ít trong tổng số khách đến làng nghề truyền thống phục vụ du lịch (4 - 6%) và tốc độ tăng trưởng bình quân (5,7% - 11,8%) [27].

Về doanh thu của làng nghề truyền thống trong quá trình tham gia hoạt động du lịch

Hoạt động sản xuất kinh doanh tại các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế ngoài bán các sản phẩm thủ công mỹ nghệ còn có cung cấp các dịch vụ du lịch nên tổng doanh thu của làng nghề truyền thống phục vụ du lịch được thu từ hai nguồn: doanh thu từ kênh bán sản phẩm thủ công mỹ nghệ (gồm bán buôn và bán lẻ) và doanh thu từ các dịch vụ du lịch của làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh thừa thiên - huế (hướng dẫn, tham quan, trải nghiệm...).

Bảng 4: Tổng doanh thu của các làng nghề truyền thống trong 3 năm trở lại đây

Chỉ tiêu	Tổng doanh thu của các làng nghề truyền thống					
	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
	SL (tỷ.đ)	TL (%)	SL (tỷ.đ)	TL (%)	SL (tỷ.đ)	TL (%)
1. Doanh thu từ kênh bán các sản phẩm truyền thống	28,5	84,3	35,5	86,2	42,9	86,3
1.1. Bán buôn	20,5	60,6	25,8	62,6	30,9	62,2
1.2. Bán lẻ	8,0	23,6	9,7	23,5	12,0	24,1
2. Doanh thu từ dịch vụ du lịch (hướng dẫn, tham quan, trải nghiệm...)	5,3	15,6	5,7	13,8	6,8	13,6
Tổng	33,8	100	41,2	100	49,7	100

Nguồn: Báo cáo về phát triển nghề và làng nghề tỉnh Thừa Thiên - Huế, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Doanh thu thu được từ kênh bán sản phẩm thủ công truyền thống đạt mức cụ thể là: năm 2018 đạt 42,9 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 86,3% tổng doanh thu. Trong khi đó, doanh thu từ các dịch vụ du lịch của các làng nghề truyền thống (hướng dẫn, tham quan, trải nghiệm...) chiếm tỷ lệ thấp trong tổng doanh thu, cụ thể: năm 2016 đạt 5,3 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 15,6% tổng doanh thu, đến năm 2018 đạt 6,8 tỷ đồng, chiếm 13,6% trong tổng doanh thu (xem bảng 4). Từ đó, cũng có thể thấy rằng kênh bán buôn là kênh phân phối chủ yếu của các làng nghề truyền thống tại tỉnh Thừa Thiên - Huế, còn kênh bán lẻ và từ các dịch vụ du lịch của các làng nghề truyền thống này đã có sự tăng trưởng, nhưng vẫn chưa đạt được nguồn thu lớn, chứng tỏ các dịch vụ du lịch tại các làng nghề truyền thống chưa xứng tầm với tiềm năng của các làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh.

Tiểu kết chương 1

Sau khi Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức thương mại thế giới WTO, làng nghề Việt Nam có một sức sống mới, được chú ý về cơ sở hạ tầng, công nghệ và mở rộng thị trường xuất khẩu, phát triển hoạt động du lịch làng nghề, quảng bá thương hiệu sản phẩm, cải tiến mẫu mã... Tại các làng nghề ra đời nhiều công ty mới đẩy mạnh các chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá

sản phẩm trên thị trường quốc tế. Thị trường trong nước cũng có điều kiện phát triển các mặt hàng nội, ngoại thất, sản phẩm văn hóa tâm linh...

Đáng chú ý, trong xu thế hội nhập quốc tế, làng nghề truyền thống và các làng Việt cổ Việt Nam là nơi hội tụ bản sắc, nét độc đáo riêng, góp phần giới thiệu sinh động về đất nước và con người của mỗi vùng miền, địa phương, phát triển du lịch làng nghề phù hợp với phát triển kinh tế, văn hóa xã hội đang được nhiều quốc gia quan tâm và đưa ra những chính sách quảng bá để kích thích phát triển loại hình du lịch làng nghề.

Thừa Thiên – Huế là vùng đất văn hóa, lịch sử, có truyền thống hiếu học, là Cố đô của nước ta; sở hữu rất nhiều di sản văn hóa, lịch sử, di sản thiên nhiên nằm trong khu vực miền Trung. Vì vậy, con đường để phát triển đi lên, thịnh vượng chính là con đường lấy du lịch làm nền tảng và động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Mặc dù vậy, để phát triển xứng tầm loại hình du lịch làng nghề truyền thống thì còn rất nhiều việc cần phải làm. Vậy thực trạng hoạt động hiện nay của một số làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên – Huế đang diễn ra như thế nào? Vấn đề này sẽ được trình bày tại Chương 2 với nội dung: **Tìm hiểu về một số làng nghề truyền thống tiêu biểu ở tỉnh Thừa Thiên – Huế và thực trạng khai thác du lịch trong những năm gần đây.**

CHƯƠNG 2. TÌM HIỂU MỘT SỐ LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TIÊU BIỂU Ở TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ VÀ THỰC TRẠNG KHAI THÁC DU LỊCH TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY (2010- 2018)

2.1. Một số làng nghề truyền thống tiêu biểu ở tỉnh Thừa Thiên- Huế

2.1.1. Làng tranh Sinh

2.1.1.1. Lịch sử hình thành làng tranh Sinh

Từ trung tâm thành phố Huế, xuôi theo dòng sông Hương khoảng 9km là địa bàn xã Phú Mậu, huyện Phú Vang, ôm gọn 7 ngôi làng với thế đặc địa, trù phú. Phía Đông và Bắc tựa lưng vào làng Phở Lợi (xã Phú Dương) và làng Vĩnh Đại (xã Phú Thanh), Phía Tây và Nam quay mặt ra sông Hương, nơi có làng Lại Ân với nghề làm tranh dân gian nổi tiếng.

Theo truyền thuyết kể lại, thời Trịnh - Nguyễn, trong đoàn người tìm vào đất Thuận Hóa định cư, ông Kỳ Hữu Hòa, mang theo nghề làm tranh giấy mộc bản của làng quê mình để mưu sinh, tranh làng Sinh ra đời từ đó. Chính vì đặc điểm này mà tranh làng Sinh có cơ sở để phát triển lâu dài. Sự tồn tại của làng nghề Sinh trải qua nhiều giai đoạn biến đổi khác nhau. Phát triển nhất là thời điểm trước năm 1945, lúc ấy nhà ai cũng làm tranh. Rồi từ những năm 1970-1975, nghề bắt đầu lụi tàn do chiến tranh. Sau năm 1975, tình hình kinh tế đất nước khó khăn, vẽ tranh bị cho là lãng phí và mê tín dị đoan [10].

Đến nửa cuối thập niên 90 của thế kỷ trước, đất nước đổi mới, mở cửa, người dân lao vào vòng xoáy mưu sinh, cũng không mấy người còn giữ tục lệ thờ cúng với tranh làng Sinh, vậy nên chẳng mấy ai dùng tranh làng Sinh nữa. Không chịu để mất nghề, ông Kỳ Hữu Phước đã bọc ni lông tất cả những bản khắc quý rồi chôn giấu kỹ. Sau này, ông mới đào những bản khắc lên, rồi ngày ngày ngồi vẽ, kiên trì đi đến từng nhà mời họ mua tranh. Ông Kỳ Hữu Phước là nghệ nhân đời thứ 9 trong dòng họ Kỳ theo nghiệp làm tranh dân gian làng Sinh. Ông chính là người có công lớn trong việc khôi phục lại dòng tranh dân gian truyền thống này [10].

Đến năm 1996, Nhà nước có chủ trương khôi phục lại những làng nghề truyền thống, trong đó có tranh làng Sinh. Tuy nhiên nghề làm tranh chỉ còn duy nhất ông Kỳ Hữu Phước nắm rõ, với quyết tâm lớn, ông đến từng nhà vận động người dân tham gia. Ông mất nhiều công sức để làm khuôn nhưng sẵn sàng cho bà con mượn dùng, có khi còn tặng luôn. Suy nghĩ đơn giản mà đậm chất nhân văn của ông có thể khiến nhiều người cảm phục bởi ông chỉ có một mong muốn

phổ biến nghề làm tranh truyền thống của làng ra rộng khắp để nghề truyền thống của ông cha được duy trì tới muôn đời sau.

Ngày nay, cuộc sống thay đổi, ý thức con người cũng thay đổi, muốn tìm về những giá trị tinh thần đã nhạt phai. Năm 2007, tranh làng Sình được tôn vinh như một di sản văn hóa của dân tộc cần được gìn giữ, bảo tồn [10]. Cùng với sự quan tâm của Nhà nước và sự phát triển của loại hình du lịch làng nghề, đã tạo điều kiện hồi sinh cho tranh cổ Làng Sình. Tranh Làng Sình đã dần lấy lại được hình ảnh và vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa, xã hội của một làng tranh truyền thống. Nhiều đề tài nghiên cứu, nhiều nghệ nhân cũng đã khẳng định giá trị nghệ thuật và giá trị văn hóa của tranh làng Sình trong đời sống, đặc biệt là những giá trị trong đời sống tâm linh.

Mặc dù dòng tranh này đang được phục hồi, song nó vẫn chịu ảnh hưởng không nhỏ từ câu chuyện hội nhập của nước ta. Tranh dân gian làng Sình thời hiện đại không còn giữ nguyên được bản chất truyền thống, bởi lẽ từ nguyên vật liệu đã được thay bằng những nguyên vật liệu công nghiệp, tiện lợi hơn gấp nhiều lần. Chính vì vậy, để có thể bảo tồn và phát huy hết giá trị của tranh dân gian làng Sình không phải là chuyện một sớm một chiều có thể làm được.

2.1.1.2. Đặc điểm sản phẩm của làng nghề

Tranh làng Sình đã mang lại những đặc trưng tiêu biểu cho loại hình hội họa dân gian của một vùng đất. Vì vậy, nó cũng chứa đựng trong đó những giá trị không thể phủ nhận. Ra đời trong lòng dân gian nên dòng tranh làng Sình chịu ảnh hưởng và mang dáng dấp của tín ngưỡng dân dã riêng biệt cùng đặc thù trong mỗi chất liệu, màu sắc, chủ đề, đường nét, bố cục...

Mỗi bức tranh làng Sình có thể nói là một sự kỳ công trong quá trình tạo tác, tranh làng Sình hoàn toàn được làm thủ công. Để có một bức tranh phải trải qua đủ 7 công đoạn, từ xén giấy, quét điệp, in tranh trên mộc bản, phơi tranh, pha màu, tô màu, cuối cùng là điểm nhãn. Giấy dó được quét điệp cho dai, giữ màu, vỏ điệp được nhập từ phá Tam Giang rồi người làm tranh phải tỉ mỉ ngồi giã, nghiền thật nhỏ, trộn với lớp bột gạo thành một lớp mịn quét đều lên giấy. Gam màu được sử dụng trên tranh làng Sình gần giống với gam màu được sử dụng trên tranh pháp lam tại các kiến trúc kinh thành Huế: hòa sắc giữa vàng với chàm, đỏ với bích ngọc, xanh với hoả hoàng, phi thủy với hồ phách. Bức tranh khi hoàn thành sẽ lấp lánh bởi vỏ điệp, nên nã bởi chất màu thô mộc, quỳên rữ và quan trọng hơn cả là khi bức tranh đến tay người sử dụng đã ẩn chứa một cái

gì đó thiêng liêng của cõi tâm linh. Chẳng riêng quét hồ điệp lên giấy, pha màu tự nhiên cũng đòi hỏi không ít công phu. Tranh làng Sinh có đủ các màu xanh, đỏ, tím, vàng, cam, đen... đều được làm từ cây cỏ. Nhưng để cho ra các màu khác nhau lại phải có bí quyết chế tác riêng đòi hỏi sự am hiểu và biết nghề. Ngay đến chiếc bút dùng tô màu tranh cũng được làm từ chính sản vật của quê hương. Rễ cây dứa hoang sẽ được lấy về, phơi khô, lột vỏ chừa phần ruột trong để làm thành chiếc bút lông, vừa giữ màu lại không bị lem. Tùy từng kích cỡ vật liệu khác nhau sẽ cho ra các loại bút to nhỏ khác nhau.

Mỗi bức tranh là một khuôn gổ hoàn chỉnh, người làm tranh dùng mực màu đen phết lên bản mộc, rồi dùng giấy in thành một bức tranh thô. Dem phơi tranh cho khô mực, rồi tỉ mỉ dùng các loại màu tô lên tranh. Nét độc đáo ở tranh làng Sinh là màu sắc, mỗi bức mang một nét riêng. Tông màu chính là xanh, đỏ, đen, vàng, tím. Bố cục màu được quy định chặt chẽ nhưng không hề đơn điệu bởi sắc màu tươi tắn cùng đường nét tự nhiên. Bên cạnh đó, tranh Làng Sinh còn thể hiện giá trị ở hệ thống chủ đề tương đối đa dạng. Về chủ đề, có thể chia tranh làng Sinh thành ba nhóm chính: tranh nhân vật, tranh súc vật và tranh đồ vật.

Tranh nhân vật: Gồm các loại tượng Bà, tượng Bếp, con ảnh, ông Diệu, ông Đốc... Tượng Bà là những bức tranh thờ trên những chiếc trang bà treo trên xà nhà, gọi là trang bồng mạng. Bà sẽ là người giúp đỡ và giải hạn cho nữ gia chủ, Bà bồng mạng trên tranh Sinh thường được thể hiện trong hình tượng của một nữ nhân cưỡi trên lưng voi, ở trong một khung hình chữ nhật, phía sau có hai thị nữ cầm quạt đứng hầu, hoặc chỉ cưỡi voi và có thị nữ hầu cận, hay ngồi trên một đài cao. Tượng Bếp (cũng gọi là tờ Bếp) là những bức tranh in hình ba người ngồi trên trang bếp là bà Thổ Kỳ và hai ông Thổ Công và Thổ Địa; xung quanh là hình các khí dụng, vật phẩm, kẻ hầu người hạ. Con ảnh là những “tờ thế mạng”, gồm ảnh xiêm in hình người đàn ông hoặc đàn bà để cầu đảo để thế mạng cho người lớn, và ảnh phên in hình bé trai hoặc bé gái để thế mạng cho trẻ em. Ngoài ra còn có các bộ tranh thờ thần để cầu an cho người như tiên sư, ông Diệu, ông Đốc, bà Thủy, tam vị Phạm Tinh...

Tranh con vật: Đây là những bức tranh in hình 12 con vật cầm tinh cho thập nhị địa chi trong âm lịch gồm: Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Tranh in hình các loài gia súc trâu, bò, heo, ngựa,... dùng để cúng tế hoặc treo trong các chuồng trại nuôi gia súc để cầu cho vật nuôi tránh

được dịch bệnh, phát triển đầy đàn; tranh có hình các linh thú như voi, cọp để dâng cúng nơi các miếu nhằm tỏ lòng thành kính của con người với các loài mãnh thú và cầu mong các mãnh thú này không giáng họa cho người.

Tranh đồ vật: Là những bức tranh in hình các loại áo quần; khí dụng; cung tên;... hoặc các loại tế phẩm như áo ông, áo bà, áo binh có in hoa văn trang trí.

Ngày nay, với nhu cầu hiện đại, ngoài dòng tranh thờ cúng người ta cũng rất quan tâm đến tranh trang trí, treo tường. Tranh làng Sinh giờ đã có thêm các nội dung khác ngoài thờ cúng, những bức tranh trang trí thuộc đề tài dân gian và tranh bát âm ra đời đã làm phong phú thêm cho tranh làng Sinh. Dòng sản phẩm này rất được khách du lịch ưa chuộng. Đó có thể là hội vật với các thế vật ngồi, nằm, đứng; hay các trò chơi kéo co nam, nữ, bịt mắt bắt dê...; rồi hình ảnh bát âm gồm nhị, nguyệt, trống, sáo, đàn bầu, tỳ bà, đàn tranh.

Mặc dù, trong đời sống tâm linh của người dân xứ Huế, tranh Sinh vẫn có mặt như một phần không thể thiếu, nhưng cái cốt cách xa xưa của một thời thịnh vượng dường như đã không còn nữa. Cùng với sự xuất hiện rất nhiều thứ tranh tượng mới, của các đồ cúng đồ thờ cao cấp Trung Hoa, khiến dòng tranh ngày thêm mai một. Thêm vào đó tính chất nhất thời của các bức tranh làm ra chỉ để hóa mã chứ không phải để treo như lối chơi tranh Tết của Đông Hồ, Hàng Trống, nên càng ngày các nguyên vật liệu làm tranh rẻ càng được ưa chuộng hơn. Điều đó, khiến cho tranh làng Sinh đã không còn giữ được cái phong vị vốn có một thời. Vì vậy muốn bảo tồn và phát huy hết giá trị của tranh dân gian làng Sinh như một nét đẹp lâu đời của vùng đất kinh kỳ này, làng tranh Sinh cần sự quan tâm nhiều hơn từ chính quyền địa phương, cũng cần lắm những người tâm huyết với nghề như nghệ nhân Kỳ Hữu Phước.

2.1.2. Làng nón lá Thủy Thanh

2.1.2.1. Lịch sử hình thành làng nón lá Thủy Thanh

Cách trung tâm thành phố Huế (tỉnh Thừa Thiên - Huế) khoảng 8 km về phía đông nam, làng Thanh Thủy Chánh (xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế) từ lâu đã nổi tiếng là nơi có nhiều công trình kiến trúc cổ, không gian văn hóa mang đậm nét Huế. Thăm nơi này, du khách có những cảm xúc không thể quên về một vùng quê yên bình, hạnh phúc.

Theo sử sách, vào thế kỷ 16, những người dân gốc Thanh Hóa trên đường theo chúa Nguyễn Hoàng (1525- 1613) vào vùng Thuận Hóa (nay là 3 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế) khai hoang lập nghiệp, đã dừng

lại tại khu vực làng Thanh Thủy Chánh bây giờ để dựng làng và đặt tên làng là Thanh Toàn. Đến thời Vua Thiệu Trị (1841- 1847), tên Thanh Toàn được đổi thành Thành Thủy. Sau đó, làng được đặt tên chính thức là Thanh Thủy Chánh nhưng người dân nơi đây vẫn quen gọi là Thanh Toàn [29].

Cùng với bước chân Nam tiến, những người dân gốc Thanh Hóa đã mang vào giải đất miền Trung những phong tục tập quán truyền thống đặc sắc, cũng như nền tảng văn hóa của người Kinh. Dần dần, tại ngôi làng nhỏ Thanh Thủy Chánh đã hình thành nên một cộng đồng người Việt với nghề thủ công truyền thống cũng được coi là nghề chính của người dân trong làng, chính là nghề làm nón lá, ra đời cách ngày năm khoảng 500 năm.

2.1.2.2. Đặc điểm sản phẩm của làng nghề

Làng nón lá Thủy Thanh hiện có khoảng 3.000 hộ dân, sinh sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa nước. Những lúc nông nhàn, người dân địa phương còn làm thêm các nghề phụ như chăm nón, làm bánh, rèn các đồ nông cụ...

Thoạt trông, chiếc nón lá Huế có vẻ đơn giản như bao chiếc nón khác. Tuy nhiên, để làm được một chiếc nón vừa đẹp vừa nhẹ, vừa bền là cả một nghệ thuật đầy công phu của những người thợ. Ở mỗi công đoạn đều có sự chuyên môn hóa cao, từ khâu khai thác vật liệu, gia công lá nón, thiết kế khung, làm vành, sáng tác hoa văn đến khâu nón. Có rất nhiều du khách khi đến Huế tham quan, lúc về đã không quên mang theo những chiếc nón Huế làm quà cho người thân và bè bạn. Nguyên liệu để sản xuất nón lá Huế là cây lá nón, được trồng ở huyện A Lưới và huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên – Huế. Đây là vùng có lượng mưa lớn, độ ẩm cao nên phù hợp với sự phát triển của cây lá nón. Lá nón được sử dụng là lá không quá non cũng không quá già – lá thường đang còn búp vừa đủ một tháng tuổi và phát triển hết chiều dài, chiều ngang, chưa chuyển sang màu xanh đậm, các bẹ lá ôm khít với nhau, chưa bung ra, có độ mềm với chiều dài khoảng 40-50cm [12].

Sau khi thợ sơn tràng đưa lá về, lá được tuyền sơ để chuyển sang sậy. Lá nón sậy đạt yêu cầu phải thỏa các điều kiện là lá chính đều, khô vừa, giữ được sắc xanh nhẹ, chưa hoàn toàn ngả sang màu trắng vàng. Đây là công việc vất vả và khá quan trọng, quyết định đến chất lượng của chiếc nón được tạo ra. Sau khi sậy xong, người thợ sẽ đem lá về rãi sương (giữ độ ẩm), ủi và lựa lá. Họ rất thạo trong việc chọn lá đực, lá cái, mặt phải, mặt trái, cắt và rọc sống. Hai mươi chiếc lá đực được xây đầu tiên sẽ nằm ở mặt trong. Tiếp đến là hình hoa văn, bài thơ

phủ kín diện tích xung quanh chiếc nón. Lá cái là lớp được xây ở ngoài cùng. Ở công đoạn này động tác phải nhẹ nhàng khéo léo, chèn kỹ, đẹp và dần chắc chắn, giữ cho mặt lá phẳng không xê dịch.

Để làm được một chiếc nón Huế, người thợ phải thực hiện rất nhiều công đoạn. Toàn bộ qui trình chủ yếu có 3 nhóm việc chính: Chuẩn bị khung vành nón, xử lý lá nón, khâu và hoàn thiện nón. Trước hết là khâu tạo khung và vành nón. Đây là công việc đòi hỏi người thợ có nhiều kinh nghiệm, cẩn thận và khéo tay. Chiếc khung nón bao gồm 16 thanh gỗ vát mảnh được làm từ thân cây lồ ô ghép lại, khớp nhau ở đỉnh, phía dưới khoảng cách đều nhau, toàn bộ mặt khung hình khum nhẹ. Tùy thuộc vào thợ làm nón đặt loại khung nào thì người thợ sẽ làm loại khung đó. Bộ khung vành quyết định chủ yếu dáng vẻ chiếc nón. Có người đã nhận xét: “Nón Huế nhẹ, mềm mỏng, trước hết ở cốt cách của bộ vành. 16 vành như 16 vầng trăng được ve thật nhanh, thật tròn, thật nhẵn, thật điệu, sao cho không gợn chút méo mó ngay cả ở chỗ mắt cây”.

Khâu (chằm) nón là công đoạn quyết định đến sự hình thành và vẻ đẹp của cả chiếc nón. Người thợ sẽ khâu từ trên xuống đến vành 15, cứ 1 cm 3 mũi cước trong suốt. Vành cuối cùng khâu cước trắng, 2 mũi kim cách nhau 2 cm. Khi xây và lợp lá phải thật khéo, nhất là khâu sử dụng lá chêm, tránh việc chồng nhau nhiều lớp để sao cho nón thanh và mỏng, mũi chỉ chằm phải sát để kẽ lá ôm khít lấy nhau. Đường chằm phải mềm mại, thanh nhẹ, dịu dàng. Bàn tay khéo léo của những nghệ nhân làng nón đã làm được điều đó bằng tài năng và sự khổ luyện của mình, có khi phải chong đèn thâu đêm suốt sáng, miệt mài như không biết mỏi là gì. Khâu xong nón, người thợ chỉ còn việc đánh quai, chải dầu. Lớp dầu bóng bằng nhựa thông pha cồn làm cho nón thêm sáng, đẹp và chống thấm nước. Từ đây, chiếc nón bắt đầu cuộc hành trình của mình đến với người tiêu dùng gần xa.

Về mặt hình dáng và công dụng, nón bài thơ xứ Huế của làng Thanh Thủy Chánh cũng giống như nón cùng loại của một số địa phương khác trên cả nước. Tuy nhiên, nét đặc thù mang đậm dấu ấn phong cách Huế ở đây chính là dáng nón thanh tao mềm mại, màu trắng sáng xanh mát dịu của lá và những hình hoa văn được tạo rất khéo, bố cục cân đối nằm giữa 2 lớp lá, chỉ khi soi ra trước ánh sáng mới có thể nhận thấy được vẻ đẹp đầy thi vị của nó. Ở Huế, chiếc nón không chỉ để che nắng mưa mà còn là một loại phục trang kết hợp cùng tà áo dài

màu tím đặc trưng, càng làm cho vẻ đẹp của người phụ nữ thêm uyển chuyển và mềm mại trên từng bước chân thong thả, dịu dàng.

Có thể nói, nghề làm nón ở Huế xuất phát từ nhu cầu của đời sống dân gian. Nón vừa là vật dụng khá tiện lợi, phù hợp với khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, giá lại rẻ, vì vậy, nón Huế rất được ưa chuộng. Nón Huế xuất hiện ở mọi nơi và ai cũng có thể đội nón Huế, từ cụ già đến em bé, hướng dẫn viên và cả những du khách nước ngoài,... Nón lá là sản phẩm thủ công mỹ nghệ đầu tiên được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp chứng nhận bảo hộ chỉ dẫn địa lý vào tháng 8/2010 [28]. Đây chính là cơ sở để nghề làm nón ở tỉnh Thừa Thiên - Huế nói chung và ở làng nghề nón lá Thủy Thanh nói riêng ngày càng gia tăng sản lượng các sản phẩm nón, đi cùng với đó là chất lượng các sản phẩm nón lá luôn được đặt lên hàng đầu, để giữ vững thương hiệu riêng của nón Huế.

2.1.3. Làng đúc đồng ở Phường Đúc

2.1.3.1. Lịch sử hình thành làng đúc đồng ở Phường Đúc

Làng Đúc nằm ở ven bờ nam sông Hương, đoạn từ cầu Giã Viên lên phía Long Thọ, cách thành phố Huế khoảng 3km về phía Tây nam, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Tên gọi của làng gắn liền với nghề đúc đồng - một trong những nghề thủ công truyền thống lâu đời và nổi tiếng ở Việt Nam.

Làng đúc đồng ở Huế ra đời có nguồn gốc từ tổ chức của những thợ thuyền cùng nghề đúc thời Chúa Nguyễn, từ đầu thế kỷ 17. Khi xây dựng Huế thành Kinh đô, các chúa Nguyễn đã trưng tập thợ khéo cả nước về đây làm những công trình, vật dụng phục vụ nhu cầu của cung đình. Chúa Nguyễn đã dựng lên một “Công tượng đúc đồng”, những người thợ đến từ nhiều nơi làm việc trong những Công tượng của Chúa ở Trường Đông, trong đó, hai làng nghề đúc đồng lớn nhất và có danh tiếng nhất là Kinh Nhơn và Bồn Bộ [13].

Khi Chúa Trịnh và Tây Sơn đánh chiếm Phú Xuân thì các Công tượng đúc đồng bị tan rã, riêng chỉ có họ Nguyễn ở Kinh Nhơn vẫn tiếp tục nghề đúc của cha ông. Từ những lò đúc của các anh em trong dòng họ Nguyễn, nghề đúc vẫn được duy trì và phát triển cho tới ngày nay. Theo gia phả của dòng họ Nguyễn - Kinh Nhơn, thủy tổ của nghề này là cụ Nguyễn Văn Lương, quê làng Đồng Xá, Siêu Loại (tỉnh Bắc Ninh ngày nay), đến các thế hệ sau có rất nhiều người ngoại tộc đã trở thành rể các chủ lò đúc họ Nguyễn và được truyền nghề như họ Tống, họ Lê, họ Huỳnh [13]. Lớp hậu duệ này đã trở thành những truyền nhân xứng đáng, góp phần làm nên nét đẹp của một làng nghề.

Rất nhiều sản phẩm của người thợ đúc đồng Phường Đúc khi xưa đã trở thành những kiệt tác di sản trong kho tàng văn hóa vật thể kinh thành Huế như: Vạc đồng ở Đại Nội (1659-1684), Chuông chùa Thiên Mụ (1710), Cửu Đỉnh đặt trước Thế Miếu (1835-1804), Cửu Vị Thần Công đặt trước Ngọ Môn (1803-1804), Chuông chùa Diệu Đế (1846) và rất nhiều các vật dụng thờ cúng bằng đồng từ “trong cung ra ngoài nội” ở Huế. Các chùa ở Huế cũng có rất nhiều tượng phật bằng đồng với niên đại thuộc đầu thế kỷ XX, gần hơn là tượng danh nhân Phan Bội Châu cao gần 4m đặt ở khu lưu niệm Phan Bội Châu- Huế qua bàn tay tài hoa của những nghệ nhân và người thợ Phường Đúc (1974) [13].

Vào giai đoạn những năm 1965 - 1975, ở Phường Đúc chỉ có khoảng 40 hộ làm nghề đúc đồng. Trải qua nhiều thăng trầm, song giai đoạn hiện nay vẫn được xem thời kỳ thịnh nhất. Vào thời đó, người thợ đúc qua tầng lớp thương nhân, đã được cung cấp một số lượng lớn từ phế phẩm của chiến tranh, gồm các loại khí cụ, đạn dược bằng nhôm, gang, đồng. Những mặt hàng thường thấy trước đó như song, nồi, chảo, mâm, thau,... được đúc thay bằng nhôm. Do yếu tố kỹ thuật đúc nhôm đơn giản hơn, khuôn nhôm có thể dùng lại nhiều lần, sản phẩm bằng nhôm nhẹ, đẹp, giá thành thấp, vì thế lượng tiêu thụ ngày càng nhiều.

Từ năm 1975 đến nay, các mặt hàng sản xuất bằng đồng, gang, nhôm ngày càng phong phú, phục vụ trên nhiều lĩnh vực như công nghiệp, hàng tiêu dùng, mỹ nghệ, nghi lễ, phong tục. Chính vì vậy, số lượng các lò đúc ở Phường Đúc từ con số 2 vào năm 1975 đến nay đã có trên 60 lò chuyên sản xuất mặt hàng này. Hiện tại, làng Đúc đồng Huế nằm trên địa bàn Phường Phường Đúc và một phần của Phường Thủy Xuân [13].

2.1.3.2. Đặc điểm của sản phẩm làng nghề

Các nghệ nhân ngày nay ở Phường Đúc sở hữu đôi tay tài hoa và khéo léo đã cho thấy sự phát triển liên tục của làng nghề, cũng như sự liên tục ở đỉnh cao về kỹ thuật và nghệ thuật của làng đúc đồng Huế. So với các làng nghề truyền thống khác ở Huế, Phường Đúc hiện nay là một trong những nơi sinh hoạt nghề nhộn nhịp nhất. Bởi Phường Đúc còn nhiều nghệ nhân tâm huyết với nghề và đã được vinh danh như: nghệ nhân Nguyễn Văn Sính, Nguyễn Văn Viện, Nguyễn Văn Đệ, Nguyễn Văn Trai, Nguyễn Trường Sơn,... [5]

Các nghệ nhân này đã và đang nỗ lực truyền nghề cho hậu thế, tiêu biểu là nghệ nhân Nguyễn Văn Sính – người con đời thứ 11 của dòng họ Nguyễn - Kinh

Nhơn đã kế nghiệp nghề đúc đồng, là một trong những người có công đào tạo được hơn 100 người trưởng thành với nghề đúc đồng và đã có 26 học trò của ông mở lò đúc ngay tại Phường Đúc để duy trì nghề truyền thống. Ông được phong tặng là nghệ nhân dân gian nghề truyền thống đầu tiên ở Huế. Ông Sính còn có hai người con tốt nghiệp đại học, tiếp bước nghề đúc đồng của cha ông, đó là Nguyễn Trường Sơn và Nguyễn Phùng Sơn, chủ hai cơ sở đúc đồng ở Huế và Đồng Nai [5].

Nét đáng quý trong sản xuất các sản phẩm ở Phường Đúc là quá trình kỹ thuật truyền thống vẫn được những người thợ gìn giữ gần như nguyên vẹn. Các mặt hàng sản xuất bằng đồng ở Phường Đúc ngày càng phong phú, song ít có sự can thiệp của kỹ thuật hiện đại. Những nghệ nhân nơi này dựa vào đôi tay khéo léo, kinh nghiệm và những công cụ giản đơn đã làm nên những sản phẩm vô cùng giá trị. Ngoài việc thay chiếc bệ tạo gió thủ công bằng động cơ thổi khi nấu nguyên liệu, sử dụng khuôn đúc cát của các lò đúc ở Nam Trung Bộ để thay thế khuôn đúc truyền thống hay chuyển đổi quy trình từ nấu lò đứng sang lò nằm, nồi gang sang nồi sắt, cải tiến cách lấy lõi khuôn đúc để đúc được nhiều lần trên cùng một khuôn, thì các quy trình còn lại hầu như đều làm bằng tay.

Các quy trình được làm bằng tay bao gồm: Từ động tác sù đất, nặn khuôn, giấp khuôn, chèn khuôn, bố khuôn để đưa vào lò, cho đến công việc nung khuôn - pha chế hợp kim - nấu chảy nguyên liệu rồi ra coi, rót khuôn, làm nguội, đánh bóng, nhuộm sản phẩm [13]. Đó chính là một quá trình đòi hỏi không chỉ lao lực mà còn thử thách trí tuệ và tài năng của người thợ. Sản phẩm hoàn hảo không chỉ mang ý nghĩa lành lặn và giống như đúc với bản mẫu về mặt ngoại hình mà còn phải đáp ứng một số tiêu chuẩn về chất lượng khác.

Ngoài các sản phẩm truyền thống đặc trưng (đồ thờ cúng) như: lu đồng, bát hương, tam sự, ngũ sự, chuông, công, chiêng... Các sản phẩm lưu niệm tinh xảo bằng đồng cũng được sản xuất phục vụ người yêu văn hóa trung bày và khách du lịch như: tượng danh nhân, trống đồng, bình hoa, các biểu tượng văn hóa tiêu biểu của Huế và đất nước. Nổi bật nhất là những tác phẩm nổi tiếng mang đậm tính nghệ thuật, sống mãi với thời gian của lớp hậu duệ sau này như: Tượng Trần Hưng Đạo cao 10,2m, nặng 21,6 tấn đặt tại công viên Vị Hoàng (Thành phố Nam Định), tượng Như Lai cao 4,3m đặt tại chùa Kim Thành- Plây Cu (Gia Lai), tượng Bác Hồ đặt tại làng Kim Liên (Nghệ An) và thành phố Huế,

tượng Chủ tịch Tôn Đức Thắng tại An Giang, tác phẩm Trống đồng đặt tại Bảo tàng Quang Trung (Bình Định)...[13]

Đặc biệt trong dịp Đại lễ kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội vào năm 2010, nghệ nhân Nguyễn Văn Sính với biệt tài đúc chuông và các học trò của ông đã lập kỷ lục trong nghề đúc đồng từ xưa đến nay ở Việt Nam, khi đúc thành công quả chuông Đại Hồng Chung có kích thước khổng lồ cao 5,5m, đường kính 3,7m, nặng hơn 30 tấn, được xem là quả chuông lớn nhất Đông - Nam Á. Trong vòng tám tháng, ông đã huy động hơn 60 thợ đúc, nấu và rót liên tục tám nồi đồng (mỗi nồi 2,5 tấn đồng) trong sáu giờ liên tục, bởi chỉ cần một chút sơ sẩy như bị tràn hoặc xì ra ngoài khuôn đúc thì phải hủy bỏ tất cả. Ông Sính cho biết: Khi đúc chuông cần có sự dung hòa giữa tính nghệ sĩ với những tính toán khoa học. Ngoài kinh nghiệm gia truyền, đúc chuông cần phải có cái tâm của người thợ, như thế mới tạo ra những quả chuông có âm thanh hay và có độ ngân vang.

Trải qua hơn 400 năm hình thành và phát triển, làng nghề đúc đồng Huế vẫn tồn tại và phát triển thịnh vượng, tiếng thom vang xa khắp mọi miền đất nước. Những nghệ nhân Phường Đúc đã biết chắt lọc những bí quyết cổ truyền, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và luôn giữ được cái tâm làm nghề. Nhờ vậy mà những tinh hoa, linh hồn của nghề đúc đồng luôn là một nét đẹp trong văn hóa làng nghề của mảnh đất cố đô.

2.1.4. Làng gốm Phước Tích

2.1.4.1. Lịch sử hình thành làng gốm Phước Tích

Làng cổ Phước Tích, tỉnh Thừa Thiên - Huế là ngôi làng cổ thứ hai của Việt Nam. Nếu như làng Việt cổ ở Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội) mang dáng dấp đặc trưng của vùng quê đồng bằng Bắc Bộ, thì làng Phước Tích xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, Thừa Thiên - Huế lại còn khá nguyên vẹn những yếu tố gốc của làng cổ vùng văn hóa Huế và miền Trung. Đây cũng chính là ngôi làng thứ 2 của Việt Nam được Bộ Văn hóa- Thể thao và Du lịch xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa quốc gia. Lễ công bố quyết định quan trọng này diễn ra song song với “Festival nghề truyền thống Huế- 2009” (ngày 13/ 06), mở ra cơ hội phát triển mới cho làng cổ Phước Tích [30].

Làng cổ Phước Tích được thành lập vào khoảng thế kỉ 15, gần với thời gian mở mang bờ cõi về phương Nam của nhà nước phong kiến Đại Việt. Làng Phước Tích đến nay vẫn còn lưu giữ những di sản vật thể vô giá vừa cổ kính,

vừa đồ sộ. Trong tổng số 117 nóc nhà của làng, hiện còn tới 27 ngôi nhà cổ, đa số là nhà rường 3 gian hai chái và 10 nhà thờ họ cổ. Trong đó có 12 nhà rường của các gia đình được xếp vào loại có giá trị đặc biệt. Điều lý thú là các ngôi nhà rường cổ ở Phước Tích liên kết với nhau, chỉ cách nhau một khu vườn rộng với những hàng chè tàu xanh, thẳng. Cấu trúc và tổ chức không gian làng Phước Tích là điển hình cho mô hình cư trú nơi thôn quê của người Việt ở vùng Bắc Trung Bộ. Đó là cấu trúc mở với những căn nhà trong vườn, nhà vườn. Ở Phước Tích, quỹ kiến trúc cổ và cũ, song cảnh quan và vườn được bao quanh thì lại rất trẻ và tràn đầy sức sống.

Thời trước, ở làng Phước Tích, cả làng có 12 lò suốt ngày đêm đồ lửa nung, cho ra những sản phẩm gốm bền bỉ và bắt mắt. Sau đó được vận chuyển bằng thuyền từ bến sông Ô Lâu đưa đi bán ở các tỉnh lân cận như Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi... và lan tỏa khắp cả nước. Đặc biệt, làng gốm cổ Phước Tích là nơi sản xuất những chiếc om nấu cơm cho vua ngày xưa. Người thời trước còn có câu thơ gắn với hình ảnh những chiếc om làng Phước Tích: “Om Phước Tích ngon cơm hoàng đế/ Sen Hà Trì quý thể Phú Xuân”. Những kiểu sản phẩm gốm thời xưa cho tới nay vẫn được nhiều người già trong làng lưu lại như trách, chậu, om, niêu, âm, tộ, cối tiêu, bình vôi, chum, ghè,...[30]

Suốt mấy trăm năm tồn tại, nghề gốm đã gắn kết chặt chẽ với cư dân trong làng và trở thành thương hiệu vang tiếng. Nhưng khoảng 1989, nghề gốm ở làng Phước Tích bắt đầu xuống dốc, và đến 1995 thì lò gốm cuối cùng cũng tắt lửa. Con cháu trong làng phần lớn chọn con đường lập nghiệp phương xa, chỉ còn lại những cụ già và một vài thanh niên làm nghề thủ công, việc vực dậy làng nghề truyền thống ngày càng trở nên khó khăn. Tuy nhiên, làng gốm Phước Tích đã có cơ hội chuyển mình, vực dậy, năm 2007 gốm Phước Tích được đưa vào trưng bày tại Festival Nghề truyền thống Huế và nhận được sự chú ý từ đông đảo khách tham quan và các chuyên gia ngành gốm [30]. Nhờ đó, sau 20 năm tắt lửa, lụi nghề, ngày nay lò gốm Phước Tích đồ lửa trở lại trong niềm vui của các nghệ nhân và người dân trong làng. Cùng vốn quý nhà cổ, việc phục hồi nghề gốm truyền thống đã khiến Phước Tích được biết đến không chỉ là một làng cổ mà còn là một làng nghề gốm truyền thống của tỉnh Thừa Thiên – Huế.

2.1.4.2. Đặc điểm sản phẩm của làng nghề

Đôi tay của người thợ Phước Tích cho ra đời nhiều sản phẩm từ hàng trăm năm nay có mặt trong mọi gia đình Huế dưới dạng các loại đồ đựng như: lu,

hông, ảng, hủ, độc, trình, thống... Cùng với làng gốm truyền thống như: gốm Bát Tràng, gốm Chu Đậu hay gốm Phù Lãng, gốm ở Phước Tích nổi tiếng bởi độ bền, bóng mịn và tinh xảo. Tất cả các sản phẩm gốm đều được làm bằng tay, và đun bằng củi trong các lò sấp, hay tiện lợi hơn, ngày nay người thợ còn sử dụng lò gas.

Nghề gốm trên đất Việt Nam thì có nhiều, nhưng gốm Phước Tích luôn mang một vị trí riêng của mình. Đó là bởi, gốm Phước Tích có nguồn nguyên liệu khác lạ, chất liệu chính của sản phẩm gốm Phước Tích được khai thác ở vùng Diên Khánh (Quảng Trị) là đất sét. Đất sau khi được nung lên dù không tráng men vẫn không bị thâm thấu, dùng làm vật dụng để nấu ăn rất ngon. Thế nên không phải ngẫu nhiên mà xưa kia, triều đình giao cho làng Phước Tích trách nhiệm phải sản xuất “ôm ngự” để dùng nấu cơm cho vua ngự thiện. Màu sắc của đất làm gốm Phước Tích cũng là màu sắc tự nhiên, không cần pha chế, nên vô cùng độc đáo [1].

Đất sau khi lấy về, được cho vào bể đánh tơi ra với nước rồi lọc, lắng, đem phơi khô như kiểu người ta vẫn thường làm bột sắn dây, bột hoàng tinh vậy. Sau đó mới được nhào và nặn hình sản phẩm. Người thợ thường gọi đất sét là các loại kể được chia thành nhiều loại: kể tốt, kể màu. Trong quy trình sản xuất gốm, kể tốt được dùng để sản xuất những sản phẩm có thành mỏng, hình khối lớn, kể màu dùng làm những đồ vật không yêu cầu về mặt ngoại hình. Đất sẽ được luyện kỹ vừa, có độ dẻo, sau đó đất được nặn thành dây dài to bằng cổ tay, người thợ chuốt ngắt từng đoạn, khoanh trũng giữa bàn xoay, chân phải đập bàn, hai tay chuốt. Mọi sản phẩm to, nhỏ, dày, mỏng đều do hai bàn tay điều khiển, không có khuôn mẫu nhất định, kích thước từng cỡ do mực mắt, có sai lệch nhưng không đáng kể.

Ở công đoạn tạo hình sản phẩm, có hai cách thức là tạo hình bằng bàn xoay hoặc đồ khuôn. Tạo hình bằng bàn xoay thì thường dùng để sản xuất những sản phẩm gốm có kích thước lớn như: Chum, lọ, bình, âu... Còn tạo hình thông qua việc đồ khuôn thì kỹ thuật này đang được sử dụng phổ biến, vì có thể sản xuất hàng loạt, cho năng suất cao. Việc tạo hình sản phẩm theo khuôn in gồm các khâu đặt khuôn giữa bàn xoay, ghim chặt lại, láng lòng khuôn rồi ném mạnh đất in sản phẩm giữa lòng khuôn cho bám chắc chân, quay bàn xoay và kéo cán tới mức cần thiết để tạo sản phẩm.

Các sản phẩm gốm, sau khi qua các công đoạn làm đất, tạo hình, sẽ được đem phơi khô, để sản phẩm khô, không bị nứt mẻ, không làm thay đổi hình dạng của sản phẩm. Sau khi gốm được phơi khô, khi nào đất se cứng thì tiến hành sửa, gọt, cạo nhẵn...theo đúng ý muốn. Các chi tiết khác như: quai, tai hoặc trang trí các hình động vật nổi, hoa lá... tất cả đều được thực hiện ở giai đoạn này. Khắc vạch là phương pháp trang trí hoa văn chủ yếu. Một số sản phẩm gốm có hoa văn khắc chìm vào xương gốm được thực hiện bằng phương pháp in khuôn. Các sản phẩm gốm men ngọc và gốm men hoa nâu, sẽ được vẽ bằng bút lông vẽ màu để trang trí các loại hoa văn để tăng tính nghệ thuật cho sản phẩm.

Sản phẩm mộc sau khi trang trí, phải được làm sạch bụi bằng chổi lông. Những sản phẩm mà xương gốm có màu trước khi tráng men phải có một lớp men lót để che bớt màu của xương gốm, đồng thời cũng phải tính toán tính năng của mỗi loại men định tráng lên từng loại xương gốm, nồng độ men, thời tiết và mức độ khó của xương gốm. Kỹ thuật tráng men có nhiều hình thức như phun men, dội men lên bề mặt cốt gốm cỡ lớn, nhúng men đối với loại gốm nhỏ nhưng thông dụng nhất là hình thức láng men ngoài sản phẩm. Đây là những thủ pháp tráng men của thợ gốm Phước Tích, vừa là kỹ thuật vừa là nghệ thuật, được bảo tồn qua nhiều thế hệ, thậm chí đã từng là bí quyết trong nghề nghiệp ở đây. Tiếp đó, người thợ gốm tiến hành tu chỉnh lại sản phẩm lần cuối trước khi đưa vào lò nung. Trước hết phải xem kỹ từng sản phẩm một xem có chỗ nào khuyết men thì phải bôi quét men vào các vị trí ấy. Sau đó họ tiến hành cắt dò, tức cạo bỏ những chỗ dư thừa men, công việc này gọi là sửa hàng men.

Và công đoạn cuối cùng, quyết định sự thành bại của một mẻ gốm chính là nung gốm. Bây giờ, người thợ trong làng thường sử dụng lò gas để nung gốm, thời gian nung gốm được rút ngắn chỉ mất khoảng 24 giờ. Tuy theo mỗi loại lò và mỗi dạng gốm cụ thể mà thời gian nung và nhiệt độ nung cũng khác nhau: Gốm đất nung ở nhiệt độ từ 6000C – 9000 C, gốm sành nâu từ 11000 C – 12000C, gốm sành trắng từ 12500C -12800C và đồ sứ từ 12800C– 1350 0C [1].

Việc hoàn thành một sản phẩm gốm khá vất vả và kỳ công, vì vậy mà số lượng những người thợ sống bám nghề, theo đuổi với nghề tại làng hiện nay vẫn còn là con số khá khiêm tốn. Hy vọng trong tương lai, với sự đầu tư đúng mực, làng gốm Phước Tích sẽ vươn lên phát triển mạnh mẽ, cho ra lò nhiều sản phẩm gốm mang nét truyền thống, độc đáo riêng biệt.

2.2. Thực trạng khai thác tại các làng nghề truyền thống tiêu biểu ở tỉnh Thừa Thiên - Huế trong du lịch những năm gần đây

2.2.1. Khai thác tại không gian làng nghề

2.2.1.1. Tại làng tranh Sinh

Hiện nay, để di chuyển tới làng Sinh tham quan, du khách có thể đi bằng đường bộ và đường thủy, du khách thường xuất phát từ bến thuyền Tòa Khâm, du thuyền rồng xuôi dòng sông Hương ghé thăm làng Sinh, đi bằng xe đạp thăm quan nhà trưng bày tranh (nhà của nghệ nhân Kỳ Hữu Phước) và quy trình làm tranh, sau đó thăm quan chùa Sùng Hóa, đình làng Lại Ân.

Điểm thăm quan chính khi du khách đặt chân tới làng tranh truyền thống này chính là nhà của nghệ nhân Kỳ Hữu Phước. Và chỉ tại nhà của nghệ nhân Kỳ Hữu Phước mới có những bộ tranh trang trí tinh xảo và giá trị hơn cả. Trong căn nhà của người nghệ nhân có một gian trưng bày các sản phẩm tranh: “Sinh Village’s Folk paintings” do công ty lữ hành Hương Giang tài trợ [4]. Năm nay đã ngoài 70 tuổi nhưng ông Phước đã có hơn 60 năm gắn bó với nghề tranh. Làng tranh sống lại, nhưng phần lớn người dân trong làng sử dụng phẩm màu, giấy công nghiệp cho nhanh và rẻ. Chỉ riêng ông Phước vẫn trung thành với vật liệu giấy dó và màu tự nhiên. Tuy dòng sản phẩm này chỉ sản xuất theo đơn đặt hàng, nhưng ông vẫn gắng duy trì vì ông quan niệm đó là tinh hoa của nghề tranh, phải giữ lấy.

Hiện nay ông Kỳ Hữu Phước đang lưu giữ 64 mộc bản, trong đó có những tấm hơn 150 năm tuổi. Để tranh đến được nhiều nơi, phục vụ du khách, tạo nguồn lực cho làng phát triển, ông Phước đã nghĩ ra việc làm những bản khắc gỗ mới với nội dung mới, không bó hẹp trong việc thờ cúng như trước đây. Những nội dung như trò chơi dân gian, phong cảnh, làm lịch cũng được ông đưa vào tranh và được nhiều du khách yêu thích [4]. Bởi ông luôn quan niệm nghề làm tranh là luôn luôn phải sáng tạo, như vậy mới tạo ra sự đa dạng, tạo cho du khách có nhiều sự lựa chọn hơn.

Theo nghệ nhân Kỳ Hữu Phước, loại tranh giấy rất khó đem đi xa vì giấy điệp và màu sơn vốn không giữ được lâu nếu bảo quản không tốt, tranh lớn cũng gây khó khăn và e ngại cho du khách mỗi khi muốn mang về làm quà. Ông Phước nghĩ ra cách làm ống tre rồi cuộn tranh cho vào bên trong, giúp giữ tranh được lâu và cũng làm sản phẩm du lịch thêm hấp dẫn, khách nước ngoài dễ mang về nước của họ [4]. Thế là tranh dân gian làng Sinh có điều kiện theo chân

khách thập phương đi khắp nơi trên thế giới. Tên làng Sinh được khắc trên vỏ ồng tre, cả tên nghệ nhân làm tranh và số điện thoại. Sáng kiến này giúp tranh bán được mỗi năm một nhiều hơn. Ông Kỳ Hữu Phước được chính thức công nhận là Nghệ nhân dân gian đầu năm 2011 và đạt nhiều giải thưởng, chứng nhận khác, trong và ngoài tỉnh [4]. Cùng với ông Phước, làng Sinh còn có ông Địch, bà Hậu, khá nhiều thanh niên và thanh thiếu niên cũng đang góp phần chung tay nuôi nghề, giữ nghề.

Nhận thức được vai trò của du lịch với đời sống người dân trong làng, chính quyền địa phương tạo điều kiện bằng cách mở lớp tập huấn nông dân làm du lịch, triển khai mô hình du lịch sinh thái đi thuyền trên sông Hương kết hợp tham quan làng nghề. Vào mùa cao điểm du lịch, mỗi ngày làng Sinh có thể đón năm đến bảy đoàn khách tham quan, chưa tính du khách đi nhóm lẻ. Sắp tới đây vào năm 2019, cụm làng nghề với 3 cơ sở trưng bày tranh mộc bản xứ Huế phục vụ du lịch sẽ hình thành [4]. Du khách đến làng nghề sẽ được trải nghiệm văn hóa, tìm hiểu về nguồn gốc của dòng tranh dân gian làng Sinh, được xem hơn 70 sản phẩm tranh mộc bản, được hướng dẫn cách tạo tranh từ mộc bản lên giấy dó và được thử sự khéo léo khi tham gia tạo nên một bức tranh truyền thống...

Tranh làng Sinh cũng nhận được sự quan tâm của những họa sĩ tâm huyết với nghề. Trong một nỗ lực để bảo tồn tranh làng Sinh đồng thời kết nối các làng nghề, họa sĩ Phan Hải Bằng và các cộng sự cũng đã nghiên cứu và muốn kết hợp mô-típ truyền thống với những loại hình sản phẩm đa dạng khác để nhiều người biết đến tranh làng Sinh hơn. Họ cho ra mắt một số sản phẩm độc đáo như bộ lịch bát âm, tranh bát âm, gợi ý kết hợp với làng mây tre đan, làng điều...[4] Chất liệu và họa tiết của tranh làng Sinh được thiết kế phối hợp với mây tre của làng Bao La đã tạo thành sản phẩm đèn tám mặt độc đáo, tính thẩm mỹ cao, đoạt giải thưởng cao nhất tại Hội thi thiết kế sản phẩm quà tặng, lưu niệm Huế.

Có thể nói, tranh làng Sinh được hình thành, phát triển qua nhiều thế kỷ, đã bao hàm nhiều dấu ấn của lịch sử, giá trị văn hóa của cộng đồng làng xã. Chúng không chỉ đơn thuần mang yếu tố tâm linh, phản ánh tín ngưỡng cổ xưa của người Việt, mà còn là những sắc diện thẩm mỹ tinh tế về vùng đất Huế, thể hiện lòng thành với tổ tiên và khát vọng cuộc sống tốt đẹp, bình yên của con người. Do đó, việc bảo tồn và phát huy cần dựa trên cơ sở tinh lọc những yếu tố tâm linh, thờ cúng và hướng tới phục vụ văn hóa, du lịch. Có như vậy, mới

mong nghề làm tranh dân gian truyền thống của làng Sinh không bị biến thể, mai một, tranh làng Sinh giữ được vị trí xứng đáng trong lịch sử mỹ thuật Việt Nam bên cạnh các dòng tranh khác.

2.2.1.2. *Tại làng nón lá Thủy Thanh*

Huế có số lượng làng nghề làm nón nhiều nhất nước, nổi tiếng thì có các làng nón Đồng Di, Tây Hồ, Phú Cam, Thủy Thanh... với chiếc nón bài thơ nức danh, rồi La Ỗ, Nam Phổ, Đốc Sơ với nón chằm ba lớp, ngoài ra còn có Dạ Lê, An Cựu, Triều Sơn chuyên làm nón đội đi chợ, che nắng, che mưa thông thường.

Tuy nhiên nghề làm nón lá ở Huế đang đứng trước những thách thức, đó là thu nhập thấp và không ổn định. Trên thực tế, giá mỗi loại nón chỉ dao động từ 10.000 - 13.000 đồng/chiếc đối với nón thường (nón chợ) và 20.000 - 30.000 đồng/ chiếc đối với nón loại dày (nón đặt). Trong khi mỗi ngày người thợ chỉ chằm được 1 chiếc nón đặt hoặc 3 đến 4 chiếc nón chợ [32]. Mức thu nhập của người thợ vì thế cũng quá thấp làm cho họ không thể chuyên tâm với nghề. Bên cạnh đó, thị trường tiêu thụ không thuận lợi do sự phát triển ồ ạt của các loại mũ vải thời trang và mũ bảo hiểm- loại mũ đã được quy định bắt buộc đối với những người đi xe máy, đang làm cho nón lá dần mất đi chỗ đứng.

Trước nỗi lo ấy, làng nón lá Thủy Thanh đã kết hợp với các công ty lữ hành du lịch, đưa nghề làm nón lá ở địa phương trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn cho du khách đến tham quan với mục đích nhằm giới thiệu và quảng bá hình ảnh chiếc nón đến với du khách và để phát triển nghề làm nón truyền thống từ hàng trăm năm nay của làng nghề. Người dân Thủy Thanh cũng ngày càng mạnh dạn hơn với các hoạt động dịch vụ du lịch. Một số hộ gia đình chủ động kết nối và tổ chức các tour du lịch cộng đồng, tạo nguồn thu nhập chính cho gia đình.

Ngày nay, du khách khi đến với làng nghề chằm nón Thanh Toàn của xã Thủy Thanh sẽ được giới thiệu về ý nghĩa, lịch sử hình thành nón Huế, nét đặc trưng riêng từ màu sắc, kiểu dáng và tính cân đối của chiếc nón lá Huế và các công đoạn làm nón. Sau khi được xem cách làm nón, du khách có thể tự tay làm các chiếc nón qua sự hướng dẫn của các nghệ nhân. Nhiều du khách sau khi tham quan tại đây đã đặt hàng và chọn mua sản phẩm để làm hàng lưu niệm. Ngoài ra, rất nhiều du khách thực sự bất ngờ và thích thú khi được người thợ nón lưu ảnh, tên của mình trên chiếc nón bài thơ mang về làm kỷ niệm. Việc

tham quan trải nghiệm nghề chằm nón tại làng nghề có ý nghĩa to lớn trong việc tạo ra cảm xúc tích cực cho khách du lịch và nâng cao nhận thức của cộng đồng (bao gồm cả du khách, người dân, các doanh nghiệp) về văn hóa của địa phương, đất nước. Gần đây, làng nón Thủy Thanh đã có những cải tiến trong hoạt động du lịch và đã đạt được những kết quả nhất định [7]. Đó là:

Thứ nhất, phụ nữ làng Thủy Thanh được chính quyền khuyến khích và hỗ trợ trong việc giữ gìn nghề làm nón, do đó, tỉ lệ lao động, người dân làm nghề nón trong làng khá cao.

Thứ hai, hoạt động du lịch trải nghiệm không chỉ đối với nghề làm nón lá mà còn có sự kết hợp với các hoạt động đặc trưng khác.

Thứ ba, để đa dạng trải nghiệm cho khách du lịch, một số các hoạt động văn hóa khác cũng được chú trọng như tổ chức chương trình tham quan các di tích văn hóa lịch sử trong làng như Cầu Ngói Thanh Toàn, phủ thờ Tôn Thất Thuyết, đền Văn Thánh, chùa Thanh Quang và tổ chức các lễ hội dân gian truyền thống;

Thứ tư, du lịch trải nghiệm sản xuất nón lá Huế ở Thủy Thanh được tổ chức khá bài bản và quy mô, du khách đến du lịch trải nghiệm hiểu được sự cần mẫn, khéo léo của đôi tay người thợ và nhờ vậy giá trị của chiếc nón lá Huế cũng được nâng lên; cuối cùng, khách du lịch sẵn sàng chọn mua sản phẩm nón lá để làm quà lưu niệm.

Đền Thanh Thủy Chánh, ngoài việc được tận hưởng khung cảnh làng quê yên bình, tìm hiểu đời sống hàng ngày của dân làng và các công đoạn làm ra những chiếc nón bài thơ, du khách còn được khám phá nhiều kiến trúc cổ đặc sắc, trong đó nổi bật là di tích cấp quốc gia cầu ngói Thanh Toàn. Cầu ngói Thanh Toàn do bà Trần Thị Đạo, vợ một vị quan cao cấp dưới triều vua Lê Hiển Tông (1740- 1786), cúng tiền xây dựng năm 1776 trên một nhánh nhỏ của dòng sông Như Ý. Cầu được kiến trúc kiểu "thượng gia hạ kiều" (trên là nhà, dưới là cầu) theo hình dáng chiếc cầu vồng với chiều dài 17m, rộng hơn 4m, chia làm 3 gian. Cầu có mái che được lợp ngói ống tráng men. Hai bên thân cầu có 2 dãy bục gỗ và lan can để du khách tựa lưng ngồi nghỉ ngơi trước khi đi sâu vào làng [32].

Bên cạnh đó, điểm đến mang nét cổ kính, trang nghiêm mà du khách không thể bỏ qua khi đến làng chính là đình Thanh Thủy Chánh, ngôi đình được công nhận là di tích lịch sử cấp tỉnh, được xây dựng vào khoảng thế kỷ 16, là nơi

thờ các vị khai canh, khai khẩn có công với làng; nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, lễ hội cộng đồng, tín ngưỡng, tế lễ; nơi ghi dấu nhiều sự kiện đấu tranh cách mạng của quê hương trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ [32]. Trải qua thời gian, đình Thanh Thủy Chánh vẫn giữ được kiến trúc độc đáo, mang phong cách nhà rường truyền thống xứ Huế.

Một điểm đến khác trong chuyến thăm quan làng nón Thủy Thanh chính là nhà bảo tàng Nông cụ Thanh Toàn. Từ năm 2013, với sự hỗ trợ của Sở Du lịch, tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) và sự tư vấn của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Thủy Thanh đã củng cố lại hoạt động của Nhà trưng bày Nông cụ Thanh Toàn, thành lập bản đồ và các tour du lịch cộng đồng về làng. Nhà trưng bày nông cụ là một sản phẩm đặc trưng của du lịch Thanh Toàn đã được du khách đánh giá là một điểm tham quan hấp dẫn với nhiều hoạt động trải nghiệm thú vị, mỗi ngày bình quân có hơn 100 lượt du khách trong và ngoài nước đến tham quan và trải nghiệm [32]. Đến tham quan tại nhà trưng bày nông cụ, du khách sẽ được nghe giới thiệu về lịch sử nhà nông cụ, tham quan các hiện vật phản ánh đời sống sinh hoạt của nông thôn Thanh Toàn như: xe đạp nước, gàu, sàng, chum, cối giã gạo, sàng, nong, nia.. và được trải nghiệm hay thấy các hoạt động nông thôn rất thú vị như đạp nước, xay lúa và chằm nón.

Người dân Thanh Thủy Chánh vẫn đang tích cực học cách làm du lịch, trước mắt là để hoàn thiện tour du lịch cầu ngói Thanh Toàn, đình làng Thanh Thủy Chánh. Sau là để đưa nghề chằm nón truyền thống vào các hoạt động du lịch, tạo sự trải nghiệm mới mẻ, độc đáo cho du khách. Và với việc đưa nghề làm nón vào phát triển du lịch, nghề làm nón ở Thủy Thanh đang đứng trước những cơ hội mới không chỉ mở rộng thêm thị trường tiêu thụ mà còn để bảo tồn, lưu giữ và phát huy nghề làm nón truyền thống, đây là một cách làm hay cần được nhân rộng tại các địa phương có nghề làm nón ở Thừa Thiên - Huế.

2.2.1.3. Tại làng đúc đồng ở Phường Đúc

Bao đời nay, những nghệ nhân và người thợ ở Phường Đúc, thành phố Huế như những “chú ong cần mẫn” bên lò đúc để tạo ra các sản phẩm làm từ đồng vang danh khắp mọi miền đất nước. Đặc biệt, nhờ có nghề truyền thống này mà rất nhiều thanh niên trên địa bàn đã có công ăn việc làm ổn định, tình hình an ninh trật tự nhờ thế được đảm bảo hơn và mức sống của các hộ gia đình cũng được cải thiện đáng kể. Vào ngày 30 tháng 10, năm 2014 UBND thành phố

Huế đã tổ chức trao danh hiệu “Làng nghề truyền thống đúc đồng Huế” cho UBND Phường Đúc và UBND Phường Thủy Xuân [33].

Từ những nét tinh hoa văn hóa đặc sắc của nghề đúc hội tụ nơi bàn tay tài hoa của người thợ đúc đồng Huế mà từ lâu, Phường Đúc đã trở thành một địa chỉ tham quan du lịch hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước mỗi khi đến Huế. Nhiều du khách nước ngoài khi thăm Đại Nội, Hoàng cung, tận mắt nhìn, tận tay sờ lên những hình đúc nổi tinh xảo ở Cửu Đỉnh, Cửu Vị Thần công...đều không tin đó là sản phẩm của người thợ đúc đồng Huế [33]. Nhưng đến khi được tham quan, chứng kiến thực tế những lò đúc ở Phường Đúc, Phường Thủy Xuân họ mới thực sự thán phục tài nghệ và chiều sâu nghệ thuật của người thợ đúc đồng Huế.

Từ năm 2006, Trung tâm giới thiệu làng nghề Phường Đúc đã tổ chức được 12 quầy hàng chuyên bán các sản phẩm đồ đồng. Đặc biệt, có 18 hộ làm nghề đúc đồng trong Phường được chọn làm khu vực vừa sản xuất, vừa tổ chức cho khách tham quan trong chương trình du lịch gồm: giới thiệu và mua bán sản phẩm, hàng lưu niệm thủ công mỹ nghệ bằng đồng, đồ nghi lễ thờ cúng, chuông đồng, lư đồng...

Đặc biệt từ năm 2015, Phường Đúc và Công ty Du lịch HueTourist lần đầu tiên triển khai Tour du lịch tham quan bằng đường sông cập bến Kinh Nhơn - Bồn Bộ, thăm nhà thờ Ông tổ nghề đúc đồng và trải nghiệm thao diễn 3 cơ sở đúc đồng. Sau đó du khách tiếp tục tham quan và tham dự các hoạt động ngày lễ tại Trung tâm giới thiệu làng nghề đúc đồng truyền thống Huế, thực hiện tiếp tuyến tham quan nhà vườn và vườn nông sản tại Phường Thủy Xuân bằng xe đạp hay ô tô tùy vào nhu cầu khách hàng [34]. Ông Trần Quang Hào - Giám đốc HueTourist muốn thông qua tour này để du khách có thể trải nghiệm sự khéo léo cùng với khó khăn vất vả của nghệ nhân, khi nơi đây đã làm nên tác phẩm Cửu Đỉnh nổi tiếng. Đồng thời dịp này du khách sẽ có những sản phẩm lưu niệm do chính tay mình làm nên.

Trong năm 2018, UBND thành phố Huế đã phê duyệt thêm nhiều dự án xây dựng cơ sở hạ tầng cho nghề đúc bao gồm: Hỗ trợ phát triển hạ tầng, xử lý môi trường, chuyển giao công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm và xúc tiến đầu ra cho sản phẩm đúc đồng. Đồng thời, thành phố cũng xúc tiến hỗ trợ mặt bằng, kinh phí để hình thành các điểm tham quan du lịch cho du khách ở các thôn Trường Đông, Trường Súng, Bản Bộ...[34] Trong đó bao gồm cả giới thiệu sản

phẩm và thực hành thao tác các công đoạn của nghề đúc. Đây cũng là làng nghề đầu tiên ở Huế được đầu tư một cách bài bản để hướng đến du lịch cộng đồng theo hướng bền vững.

Đối với một tỉnh đang chọn hướng phát triển dựa trên trọng tâm là ngành du lịch như ở Thừa Thiên - Huế, việc ưu tiên phát triển hàng thủ công mỹ nghệ là đặc biệt quan trọng. Với bề dày lịch sử và những tác phẩm bất hủ vượt thời đại của mình, Phường Đúc ở Huế hiện nay xứng đáng là một địa chỉ thú vị cho khách du lịch và những nhà đầu tư trong và ngoài nước. Sự thừa nhận cũng như tiếp nhận nồng nhiệt từ khách hàng chính là nguồn động viên tích cực cho việc nâng cao tay nghề, tạo sự hưng phấn cũng như lòng tự hào về công việc của những người thợ đúc đồng Huế hôm nay.

2.2.1.4. Tại làng gốm Phước Tích

Hơn 500 năm tồn tại và phát triển, Phước Tích vẫn giữ được những giá trị di sản văn hóa của một làng quê nổi tiếng với nghề làm gốm. Nghề gốm truyền thống của làng, dù số thợ theo nghề có giảm nhưng kỹ thuật truyền thống gốm Phước Tích thì vẫn được lưu truyền cho đến ngày nay. Ban Quản lý Di tích kiến trúc Nghệ thuật làng cổ Phước Tích cho biết: Lượng khách du lịch đến với làng cổ Phước Tích 3 tháng đầu năm 2018 đã tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2017 với tỷ lệ tăng là 35%, tuy nhiên phần lớn du khách chỉ chọn tour tham quan trong ngày với mức giá dịch vụ chỉ khoảng 170.000đ/ người, lượng khách lưu trú qua đêm còn rất ít [35].

Có thể nói, du lịch làng gốm Phước Tích hiện nay mới đang dừng lại ở các tour tham quan làng cổ với các công trình và di tích lịch sử có tuổi đời hàng trăm năm. Phước Tích có 26 ngôi nhà rường cổ có niên đại hơn 100 năm tuổi gắn với các di tích lịch sử văn hóa, như: Miếu Cây Thị, miếu Đồi, miếu Quảng Tế. Trong số 26 ngôi nhà rường, hiện 5 nhà rường có dịch vụ “Homestay” được đưa vào sử dụng. Trung bình hàng tháng, có khoảng 100 lượt khách du lịch ghé thăm làng cổ. Trong đó, có nhiều đoàn khách lưu trú tại đây. Để phục vụ du khách ăn uống, Ban Quản lý làng cổ đã thành lập tổ ẩm thực, gồm 16 chị em của làng, chia làm 4 nhóm phục vụ [35]. Mỗi khi khách có nhu cầu, tùy số lượng, kinh phí sẽ được mỗi tổ ẩm thực chế biến bữa ăn đón khách. Món ăn là những đặc sản của quê hương làng cổ, qua đó giúp cho người dân có thêm thu nhập.

Sau hành trình tham quan nhà cổ du khách có thể quay lại với các cơ sở làm gốm để trải nghiệm các công đoạn làm gốm và mua các sản phẩm gốm làm

quà. Tuy nhiên, sự trải nghiệm công việc làm gốm ở Phước Tích chưa hấp dẫn và phát huy được giá trị thực của nó trong khi đây là mô hình rất thích hợp cho phát triển du lịch cộng đồng. Từ năm 2006, ông Lương Thanh Hiền (chủ xưởng gốm lớn nhất làng Phước Tích) cùng 2 người khác đã mở xưởng làm gốm. Sau khi được tập huấn, nâng cao tay nghề theo công nghệ mới, anh cùng những bạn đồng môn đã phát triển nghề làm gốm. Đến nay, sản phẩm của xưởng gốm anh làm ra được nhiều người ưa thích và thị trường đã chấp nhận. Mỗi mùa Festival nghề truyền thống Huế, xưởng của anh thu nhập được 60 - 70 triệu đồng từ các sản phẩm gốm [30]. Theo những nghệ nhân làm gốm thì hiện nay công nghệ sản xuất gốm khá hiện đại, mẫu mã thì đa dạng, phong phú hơn nhưng sản phẩm gốm vẫn giữ được những nét tinh xảo của cha ông để lại. Tuy nhiên, do thiếu nguồn kinh phí, nhân lực, không có nhà trưng bày, mẫu mã sản phẩm chưa đa dạng, nên chưa thể phát huy được thế mạnh của làng nghề gốm Phước Tích.

Gốm từng là niềm kiêu hãnh của người dân Phước Tích, nhưng để thấu hiểu và nghe những câu chuyện đầy tính chiêm nghiệm về điều đó, khách du lịch thường lựa chọn thăm quan ngôi nhà cổ của ông Lê Trọng Diễm. Ngôi nhà này hiện có đến hàng nghìn hiện vật cổ, được xem là bảo tàng lưu giữ lại ký ức vàng son một thời của gốm Phước Tích. Theo ông Diễm, trong hàng nghìn sản phẩm đó, có nhiều thứ được tạo ra từ thời ông nội của ông. Thử còn trong loạn lạc, hầu hết được gia đình chôn xuống đất để tránh bị hư hỏng, và nó đã được bảo tồn nguyên vẹn cho đến hôm nay. Có nhiều người hỏi mua những sản phẩm gốm cổ này nhưng gia đình không bao giờ bán. Tất cả những vật phẩm này đều do cha ông để lại. Năm 2012, tổ chức JICA (Nhật Bản) đã đầu tư kinh phí cho ông đóng tủ kính gương dày, hệ thống đèn led, đèn chiếu sáng hiện đại, do đó mà sản phẩm được trưng bày, sắp xếp khoa học, hợp lí hơn [30]. Vì công dụng của gốm làng Phước Tích là sản xuất những vật dụng cho sinh hoạt hằng ngày nên nhiều loại không lưu giữ được đã được ông Diễm tái tạo lại để giới thiệu đến du khách. Ngày nay, đây là nơi lưu giữ khá đầy đủ các sản phẩm gốm Phước Tích và trở thành một bảo tàng gốm mini - một địa chỉ tham quan tại địa bàn làng gốm.

Những năm qua, huyện Phong Điền đã đầu tư một số hạng mục về hạ tầng du lịch và phục vụ dân sinh như: xây dựng đường giao thông, nhà sinh hoạt cộng đồng, đầu tư khôi phục nghề gốm truyền thống, tổ chức lễ hội “Phước Tích hương xưa làng cổ” để quảng bá hình ảnh về di sản văn hóa làng cổ... Các tổ

chức quốc tế như SNV (Hà Lan). Viện Di sản Bỉ, JICA (Nhật Bản)... đã triển khai các dự án về trùng tu di tích, phục hồi nghề gốm, đầu tư cơ sở hạ tầng, quảng bá, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về du lịch... Gần đây, đại diện tổ chức ngân hàng phát triển châu Á (ADB) cũng đã đến khảo sát và hứa hẹn hỗ trợ dự án về phát triển nguồn rau sạch ở Phước Tích để phục vụ cho du lịch [30]. Hy vọng rằng, với sự quan tâm đầu tư, hỗ trợ của nhà nước và các tổ chức quốc tế sẽ tạo cho Phước Tích những cơ hội mới trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa làng cổ, đẩy mạnh việc phát triển du lịch ở nơi đây.

2.2.2. Khai thác trong Festival Nghề truyền thống Huế

Cùng với Festival Huế được tổ chức vào những năm chẵn, Festival Nghề truyền thống Huế tổ chức vào các năm lẻ cũng đã khẳng định được thương hiệu và được bạn bè trong nước, quốc tế biết đến. Đây là lễ hội không chỉ nhằm bảo tồn những giá trị tinh hoa của nghề truyền thống Việt Nam mà còn góp phần khẳng định danh hiệu: Huế - thành phố Festival của Việt Nam.

Qua 7 kỳ tổ chức kể từ năm 2005, Festival Nghề truyền thống Huế đã đem lại rất nhiều dấu ấn khó quên. Đó không chỉ là một không khí rộn ràng, vui tươi và đậm đà màu sắc Việt qua không gian nghề truyền thống được sắp đặt đầy thú vị mà còn là một sân chơi cho các nghệ nhân khắp mọi miền đất nước về trình diễn, tranh tài. Tài năng của các nghệ nhân bàn tay vàng qua Festival Nghề truyền thống được mọi người biết đến, ngưỡng mộ và từ đó tạo ra động lực mạnh mẽ tiếp sức cho những người trẻ, nghệ nhân trẻ nuôi dưỡng niềm đam mê với nghề truyền thống của cha ông. Tính đến kỳ Festival Nghề truyền thống năm 2017, đã có 65 cơ sở nghề và làng nghề trong và ngoài tỉnh (trong đó có 41 làng trong tỉnh, 24 làng ngoài tỉnh) đăng ký tham gia. Tại Festival Nghề truyền thống Huế năm 2017, ngoài các chương trình đã tạo được dấu ấn từ các mùa Festival trước như: Không gian tôn vinh và trưng bày các sản phẩm của làng nghề truyền thống, Lễ hội ẩm thực, chương trình hội tụ bản sắc châu Á, còn có những chương trình mới trước đây chỉ xuất hiện ở các kỳ Festival Huế như: Lễ hội áo dài, Liên hoan chiếu phim Hàn Quốc, thậm chí có quy mô lớn hơn như Lễ hội khinh khí cầu ở sân Hàm Nghi với sự có mặt của 13 khinh khí cầu lớn nhỏ [31].

Bên cạnh mỗi kỳ tổ chức Festival Nghề truyền thống Huế, ngành Du lịch tỉnh Thừa Thiên - Huế luôn mạnh dạn kết nối các tour du lịch đến với các làng nghề, các điểm tham quan du lịch như: Tour du lịch trải nghiệm đúc đồng, nhà

vườn Thủy Biều, Kim Long; Tour ấn tượng Huế xanh: Gốm, Nón Lá, Hoa giấy Thanh tiên, Tranh làng Sinh... Nhiều làng nghề truyền thống khác tại Huế cũng phát triển nhờ biết tạo ra những sản phẩm phục vụ khách du lịch như: Nón Thúy (Phủ Cam), hoa giấy (Thanh Tiên), đan lát Bao La... [31] Đây được xem là cách để kết hợp khai thác tốt các tiềm năng du lịch di sản vốn có của Huế với vị thế là một trung tâm du lịch của Quốc gia.

Kỳ vọng của Huế là biến các kỳ Festival Nghề truyền thống trở thành một sự kiện lớn, là nơi hội tụ, gặp gỡ, giao lưu các nghệ nhân cả nước. Và chính ở đây, người dân và du khách sẽ được cảm nhận một bức tranh toàn cảnh làng nghề Việt Nam thu nhỏ nhiều sắc màu và mang đậm giá trị truyền thống của dân tộc.

Làng Sinh tại Festival Nghề truyền thống Huế

Kể từ Festival Nghề truyền thống Huế 2007, khi lần đầu tiên mà tranh làng Sinh được nhìn nhận và tôn vinh, nhiều người trong đó có các nhà nghiên cứu đã đánh giá cao về giá trị nghệ thuật và giá trị trong đời sống tâm linh của loại tranh này.

Từ đó, tại các kỳ Festival nghề truyền thống Huế, nhiều sản phẩm tranh dân gian mộc bản từng đoạt giải tại các cuộc thi, hội chợ của nghệ nhân Kỳ Hữu Phước đã đem lại sự thích thú cho du khách khi đến tham quan gian hàng tranh làng Sinh, có thể kể đến tác phẩm tiêu biểu như: “Trò chơi dân gian” đạt giải Ba tại một lễ hội Huế năm 2009; bộ Lịch Bát âm năm 2013 đạt giải Ba tại Cuộc thi: “Nhóm làng nghề sản phẩm thủ công mỹ nghệ tiêu biểu tỉnh Thừa Thiên - Huế năm 2013” [8].

Tại Festival nghề truyền thống Huế 2014, bộ Lịch bát âm 2014 được tỉnh Thừa Thiên - Huế trao giải ý tưởng sáng tạo sản phẩm du lịch đặc trưng, góp phần nâng tầm thương hiệu làng nghề [8]. Những sản phẩm du lịch và quà tặng mang đậm tính truyền thống như lịch bát âm, tranh 12 con giáp tạo nên nét độc đáo, thu hút sự quan tâm của du khách. Nhiều sản phẩm tinh hoa của ông Kỹ Hữu Phước đã được đón nhận và đoạt giải tại nhiều cuộc thi, hội thi sản phẩm làng nghề.

Vào năm 2017, nghệ nhân tranh dân gian làng Sinh Kỳ Hữu Phước đã mang đến Festival nghề truyền thống Huế bộ tranh "Thiếu nữ" gồm 6 mẫu, khai thác 2 đề tài là vũ nữ và đờn chờ được ông sáng tạo ra sau 2 năm miệt mài nghiên cứu [36]. Bộ tranh được trưng bày tại Trung tâm nghệ thuật Lê Bá Đảng.

Theo nghệ nhân Kỳ Hữu Phước, với đề tài vũ nữ các mẫu tranh lấy chủ thể là những trò chơi dân gian kết hợp với ca múa, nhã nhạc. Riêng đề tài đợi chờ thể hiện nét sinh hoạt, dấu ấn của người phụ nữ lớn tuổi. Bộ tranh này hiện vẫn nhận được nhiều sự quan tâm của du khách, đặc biệt là khách du lịch quốc tế.

Làng nón lá Thủy Thanh tại Festival Nghề truyền thống Huế

Trong khuôn khổ các kỳ Festival Nghề truyền thống Huế kể từ năm 2005 đến nay, bên cạnh việc gian hàng nón lá của làng nón Thủy Thanh luôn được trưng bày và thu hút sự quan tâm của du khách thì chương trình: “Chợ quê ngày hội” cũng được tổ chức trong dịp này. Chương trình diễn ra trong một không gian rộng lớn từ đầu đến cuối làng Thanh Thủy Chánh. Nhưng rộn rã và đông vui nhất là ở khu vực trung tâm làng, xung quanh Cầu Ngói Thanh Toàn và Bảo tàng nông cụ Thanh Toàn. Khu vực phía bắc và phía nam Cầu Ngói là trung tâm của lễ hội chợ quê, nơi diễn ra các hoạt động chính bao gồm: Hội thi hát bài chòi, hội thi làm bánh, nấu bánh canh, hội thi chằm nón, nặn đất sét,... [37]

Xã Thủy Thanh cũng đã xây dựng đề án đề nghị công nhận “Chợ quê ngày hội” là thương hiệu du lịch cộng đồng riêng có của làng Thanh Thủy Chánh, xã Thủy Thanh, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Chính quyền địa phương cũng tu bổ, chỉnh trang cầu Ngói Thanh Toàn, nạo vét dòng sông Như Ý, san lấp mặt bằng khu vực chợ trung tâm để thông thoáng, thuận lợi cho du khách dự chợ quê. Người dân, vốn là chủ thể chính của các phiên chợ quê, đang ngày càng tích cực làm sạch đường làng, ngõ xóm để bức tranh chợ quê thêm yên bình, hấp dẫn du khách gần xa. Ngoài ra tại Festival Nghề truyền thống Huế 2017, cơ sở nón lá Nguyễn Thị Kiệm ở xã Thủy Thanh cũng đã được chọn là đơn vị đại diện cho các làng nghề làm nón giới thiệu về nghề chằm nón [37]. Tại các gian hàng của cơ sở, khách tham quan không chỉ được tận mắt chứng kiến sự khéo léo của người phụ nữ Huế trong nghề chằm nón mà còn được trực tiếp tham gia các công đoạn để tự tay làm ra các thành phẩm nón lá.

Hiện nay, chính quyền địa phương đang tiếp tục tìm kiếm thị trường tiêu thụ, gắn nghề làm nón với du lịch lễ hội không chỉ qua các kỳ Festival nghề truyền thống Huế mà còn tại chương trình “Chợ quê ngày hội”. Việc du khách từ khắp nơi đổ về tham dự những phiên chợ quê này, cũng là dịp để nghề chằm nón lá của địa phương được biết đến sâu rộng và trở thành món quà không thể thiếu mỗi khi du khách dừng chân tại nơi đây.

Làng đúc đồng ở Phường Đúc tại Festival Nghệ truyền thống Huế

Làng đúc đồng ở Phường Đúc là một trong số ít những làng nghề nằm trong khu vực trung tâm thành phố Huế. Với vị trí trung tâm thuận lợi ấy, làng nghề này luôn là điểm đến được lựa chọn hàng đầu khi du khách muốn khám phá, tìm hiểu hoạt động của làng nghề truyền thống ở tỉnh.

Từ lần đầu tiên tham gia vào Festival nghệ truyền thống Huế năm 2007 cũng là lần đầu tiên các nghệ nhân cùng ekip thợ của cơ sở đúc đồng Nguyễn Văn Sinh, Phường Đúc - Huế có cơ hội được trưng bày và trình diễn những thao tác trong kỹ thuật đúc chuông Huế. Bên cạnh đó, trong các kỳ Festival, làng đúc đồng Phường Đúc luôn có những gian hàng bắt mắt, với những sản phẩm đồ đồng được thiết kế tinh xảo, độc đáo. Nằm trong những ngày hoạt động Festival nghệ truyền thống, làng đúc đồng ở Phường Đúc đã tổ chức chương trình: “Ngày hội làng nghề đúc đồng truyền thống Huế” tại Trung tâm trưng bày giới thiệu làng nghề đúc đồng Huế và khu vực xóm Kinh Nhơn, Bồn Bộ [34].

Quy mô “Ngày hội làng nghề đúc đồng truyền thống Huế” gồm 12 gian hàng và 1 nhà trưng bày sản phẩm đúc đồng; 6 gian hàng ẩm thực; 6 gian hàng nghề thủ công mỹ nghệ khác như mây tre đan, hương truyền thống, làm mỏ...; 1 khu vực trưng bày, thi chim cảnh. Bên cạnh đó, tại xóm Kinh Nhơn, Bồn Bộ - nơi có nhà thờ ông tổ nghề đúc được xếp hạng Di tích lịch sử cấp Quốc gia sẽ tổ chức 3 địa điểm thao diễn nghề đúc và các sản phẩm đúc đồng [34].

Để tạo ra sự đa dạng cho các sản phẩm đúc đồng được bày bán trong ngày hội này một số cơ sở đúc đồng Lê Văn Sơn, Nguyễn Văn Đệ, Nguyễn Văn Tuệ đã mạnh dạn sản xuất thêm những mặt hàng mỹ nghệ nhỏ; hay một số nghệ nhân sản xuất những sản phẩm mang biểu tượng Huế, hứa hẹn đem đến những trải nghiệm đặc biệt và những món quà lưu niệm thú vị cho du khách.

Làng gốm Phước Tích tại Festival Nghệ truyền thống Huế

Qua 7 mùa tổ chức Lễ hội “Hương xưa làng cổ” nhân Festival Nghệ truyền thống Huế, làng cổ Phước Tích được du khách gần xa biết đến. Đây là lễ hội lớn của huyện Quảng Điền với sự tham gia của các làng nghề và nghệ nhân trong huyện, nhằm giới thiệu, quảng bá các di sản văn hóa và các sản phẩm thủ công truyền thống. Được đánh giá là một trong những chương trình thành công trong số các chương trình hưởng ứng Festival Nghệ truyền thống Huế 2017, Lễ hội "Hương xưa làng cổ" đã giúp làng gốm Phước Tích thu hút hơn 50.000 lượt khách tham quan [38].

Tại đây các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản và phát triển du lịch trong lễ hội diễn ra sôi nổi, hào hứng thu hút sự quan tâm, trải nghiệm của du khách trong và ngoài nước. Để phục vụ cho lễ hội “Hương xưa làng cổ”, tỉnh Thừa Thiên - Huế đã phối hợp với Trường Đại học Nghệ thuật Huế thực hiện đề tài khoa học “Nghiên cứu, phát triển một số mẫu mã sản phẩm gốm truyền thống đặc trưng của làng gốm Phước Tích” nhằm giúp những người thợ gốm làng Phước Tích thiết kế và thử nghiệm các mẫu mã gốm mới; đồng thời chuyển đổi dòng sản phẩm gốm dân dụng sang dòng gốm trang trí, ứng dụng có giá trị thẩm mỹ, kinh tế cao [38].

Làng gốm Phước Tích cũng hoàn thành 1.500 sản phẩm gốm chất lượng tốt, đưa đi triển lãm trong Festival Nghề truyền thống Huế được đông đảo du khách khen ngợi, chất lượng sản phẩm gốm có thể sánh vai với những làng gốm lâu đời như Bát Tràng, Chu Đậu [38]. Khách du lịch còn có dịp chứng kiến những người thợ tài hoa trình diễn nghề và giới thiệu những sản phẩm gốm mỹ nghệ tinh xảo hơn do chính họ làm ra để phục vụ du khách làm quà kỷ niệm khi ra về như mô hình Đại Nội, Ngọ Môn và các lăng tẩm, chùa chiền ở Huế. Đến với tour du lịch này, du khách còn được giới thiệu về các lễ hội, tham gia các trò chơi dân gian truyền thống, thưởng thức các tiết mục văn nghệ đặc sắc như: múa dật, hát sắc bùa, hò ô, hò giã gạo... trải nghiệm những món ăn đặc sản của làng quê và tham quan mua sắm những sản phẩm làng nghề truyền thống trên địa bàn làng gốm.

Các hoạt động của làng gốm Phước Tích tại Festival Nghề truyền thống Huế nói chung và tại chương trình “Hương xưa làng cổ” nói riêng đã thật sự trở thành tâm điểm quan trọng trong việc thu hút du khách đến với Phước Tích. Đề ngôi làng này không chỉ được biết đến với những tour du lịch tham quan nhà rường cổ và các di tích cổ, mà còn được biết đến là một làng nghề gốm sứ truyền thống với các sản phẩm gốm, bí quyết làm gốm khác biệt so với những làng gốm khác trên cả nước.

2.2.3. *Tại hội chợ, triển lãm trong nước và nước ngoài*

Để có thể đưa hình ảnh làng nghề truyền thống nói chung hay các sản phẩm thủ công truyền thống nói riêng ra cả trong nước và nước ngoài, những năm gần đây UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế, chính quyền địa phương và những nghệ nhân làm nghề thủ công truyền thống đã tích cực tham gia, tổ chức các hội chợ, triển lãm. Để đa dạng hóa kênh thông tin về làng nghề, để làng nghề truyền

thống có thêm nhiều điều kiện được biết tới rộng rãi không chỉ tại các kỳ Festival Huế, Festival Nghệ truyền thống Huế mà còn ở những chương trình hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước.

Từ năm 2010 trở lại đây các sản phẩm thủ công của làng nghề truyền thống tỉnh Thừa Thiên - Huế đã được giới thiệu, trưng bày, bày bán ở rất nhiều chương trình hội chợ, triển lãm lớn trong đó tiêu biểu nhất là các hội chợ: Hội chợ làng nghề Việt Nam; hội chợ JATA Tourism Expo; hội chợ du lịch ITB Asia Singapore 2018...

Tại hội chợ làng nghề Việt Nam

Tại Hội chợ làng nghề Việt Nam lần thứ X - Craft Việt Nam 2014 tại Hà Nội, do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức, Thừa Thiên – Huế đã đem tới rất nhiều sản phẩm của các làng nghề truyền thống

Ngoài các sản phẩm đặc trưng là Tôm chua và Mè xừng Huế, Thừa Thiên - Huế đã giới thiệu 8 sản phẩm của các làng nghề truyền thống gồm: Làng nghề sản xuất, chế biến, dịch vụ dầu tràm nước ngọt (Lộc Thủy, Phú Lộc); Làng nghề gốm Phước Tích và Làng nghề điêu khắc gỗ Mỹ Xuyên (Phong Hòa, Phong Điền); Làng nghề đệm bàng Phò Trạch (Phong Bình, Phong Điền); Làng nghề đúc đồng Huế (Phường Phường Đúc, thành phố Huế); Làng nghề đan lát mây tre Bao La (Quảng Phú, Quảng Điền); Làng nghề hoa giấy Thanh Tiên (Phú Mậu, Phú Vang) [39].

Đây là cơ hội tốt cho các nhà quản lý cũng như các làng nghề trên địa bàn Thừa Thiên - Huế giao lưu, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm về hoạt động phát triển làng nghề; giới thiệu và xúc tiến hợp tác kinh doanh các sản phẩm làng nghề đến với các doanh nghiệp để mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

Tại hội chợ JATA Tourism Expo

Năm 2014, tỉnh Thừa Thiên - Huế đã tham gia Hội chợ JATA Tourism Expo - Japan 2014 diễn ra tại Tokyo, Nhật Bản [40].

Tại hội chợ, ngành du lịch Thừa Thiên - Huế đã trưng bày, giới thiệu hình ảnh về: Quần thể di tích Cố đô Huế, Nhã nhạc Cung đình Huế, cầu ngói Thanh Toàn, làng cổ Phước Tích, ẩm thực; giới thiệu, quảng bá các sản phẩm, tuyến điểm du lịch hấp dẫn, như: Du lịch sinh thái Bạch Mã, du lịch trải nghiệm, du lịch tâm linh, du lịch làng nghề...

Hội chợ JATA Tourism Expo - Japan 2014 là một trong những hội chợ triển lãm du lịch lớn nhất Châu Á với sự tham gia của hơn 1.350 gian hàng đến từ 154 quốc gia trên thế giới, thu hút hơn 130.000 khách tham quan [40]. Với quy mô lớn, hội chợ JATA là cầu nối giúp tỉnh Thừa Thiên - Huế đưa hình ảnh di sản ra với quốc tế và quảng bá về du lịch rộng khắp, trong đó có các tour du lịch làng nghề sinh động, mới lạ, đầy hoạt động trải nghiệm mà khách du lịch nước ngoài rất ưa chuộng.

Tại hội chợ du lịch ITB Asia Singapore 2018

Vào tháng 10, năm 2018 Sở Du lịch Thừa Thiên - Huế phối hợp với Sở Du lịch Đà Nẵng và Sở VHTTDL Quảng Nam tổ chức, tham gia Hội chợ du lịch ITB Asia Singapore 2018, đặc biệt tổ chức một Roadshow (chương trình quảng bá hình ảnh, sản phẩm) giới thiệu du lịch 03 địa phương tại Hội chợ này [41].

Tại Roadshow chính chương trình đã giới thiệu du lịch 3 địa phương liên kết để quảng bá, giới thiệu hình ảnh du lịch, cung cấp thông tin, sản phẩm du lịch của điểm đến địa phương với các doanh nghiệp tham gia chương trình, đặc biệt là thông tin về các sự kiện: Festival nghề 2019, Giải đua xe đạp quốc tế Coupe De Huế 2019, Giải Marathon Hue 2019, chuỗi lễ hội Huế trong năm, Festival pháo hoa quốc tế Đà Nẵng, Festival Di sản Văn hóa Quảng Nam và những sản phẩm du lịch mới.

Được biết, ITB Asia Singapore là một trong những hội chợ du lịch quốc tế uy tín trên thế giới được tổ chức vào tháng 10 hàng năm thu hút gần 850 gian hàng đến từ hơn 110 quốc gia trên thế giới. Hội chợ đã thu hút gần 1.000 đại diện các công ty kinh doanh dịch vụ du lịch đến từ các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới với hơn 950 buyer quốc tế [50]. Hội chợ là nơi gặp gỡ, trao đổi và hợp tác dành cho ngành du lịch các nước nói chung và doanh nghiệp Việt Nam nói riêng giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm đối tác và ký kết hợp đồng...

Đây cũng là cơ hội cho ngành du lịch tỉnh Thừa Thiên - Huế tìm hiểu khả năng liên kết, phối hợp với một số doanh nghiệp du lịch trong và ngoài nước để xúc tiến, quảng bá mạnh mẽ và hiệu quả hơn tại thị trường khách Singapore nói riêng, khu vực ASEAN và các nước trên thế giới nói chung.

Làng Sinh tại hội chợ, triển lãm

Tranh làng Sinh trước đây chủ yếu được sử dụng để bán vào dịp Tết nhưng ngày nay, tranh được sản xuất quanh năm nhằm phục vụ nhu cầu của thị trường đang ngày càng lớn. Tranh làng Sinh giờ đây không chỉ góp mặt trong

Festival Huế, Festival làng nghề truyền thống Huế mà còn góp mặt trong các gian hàng trưng bày sản phẩm truyền thống của lễ hội Sóng nước Tam Giang (lễ hội của huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế), lễ hội đèn Huyền Trân công chúa, triển lãm “Thuận An biển gọi”,...

Trong Hội nghị làng nghề truyền thống tại tỉnh Bắc Ninh diễn ra vào tháng 5 năm 2015, với sự tham gia của 4 làng nghề làm tranh truyền thống thì có tới 3 làng nghề ở khu vực phía Bắc bao gồm: Đông Hồ, Hàng Trống, Kim Huy chỉ có duy nhất tranh làng Sinh là đại diện cho khu vực phía Nam [10]. Những nghệ nhân tranh làng Sinh mà đứng đầu là nghệ nhân Kỳ Hữu Phước, người đã mang bao tâm huyết phục dựng thành công nghề truyền thống tranh làng Sinh. Đây là lần đầu tiên công chúng khắp nơi phải chăm chú dõi theo khi ông cùng các nghệ nhân khác trình diễn nghệ thuật làm tranh và tô tranh của mình. Qua đây, nghệ nhân làng Sinh không chỉ thể hiện được sự tài ba và tỷ mỉ trong từng công đoạn từng nét bút của bức tranh, mà còn thể hiện ra những tinh hoa của làng nghề truyền thống, đồng thời đội ngũ thợ thủ công của làng cũng được dịp thể hiện tài năng và niềm đam mê với nghề làm tranh dân gian của quê hương để từ đó lan tỏa sức sống cho dòng tranh này.

Tại triển lãm “Nét xuân 2016 - Di sản văn hóa tranh dân gian Việt Nam” không chỉ là giới thiệu các bộ sưu tập tranh dân gian làng Sinh, triển lãm còn trưng bày các tư liệu phim, ảnh về nghệ nhân và các làng nghề, các dòng tranh dân gian và sưu tập mộc bản tranh làng Sinh cổ [42].

Tranh dân gian làng Sinh cũng đã góp mặt tại triển lãm “Tranh dân gian Việt Nam và ứng dụng” diễn ra tại Trung tâm Hoạt động văn hóa khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám vào tháng 10, năm 2018 vừa qua. Chương trình do Bảo tàng Gốm sứ Hà Nội tổ chức, nhằm nỗ lực bảo tồn và phục hồi những dòng tranh dân gian của Việt Nam. Trong khuôn khổ triển lãm, công chúng có cơ hội tìm hiểu những hình ảnh, tư liệu về 6 dòng tranh dân gian Việt Nam như: tranh Kim Hoàng, tranh Hàng Trống, tranh Đông Hồ, tranh kính, tranh gói vải và tranh Làng Sinh [43].

Làng nón lá Thủy Thanh tại hội chợ, triển lãm

Chiếc nón lá của làng nghề Thủy Thanh lần đầu tiên được trưng bày tại hội chợ, triển lãm là tại một triển lãm mang tên "Danh thiếp trên chiếc nón" (năm 2012) được tổ chức dọc hai bên cầu thang lên xuống khu vực lầu Chuông chợ Đông Ba (thành phố Huế) đã đem lại cho du khách, người dân Huế và cả

những tiểu thương trong chợ một cảm giác ngạc nhiên đầy thú vị. Đây là kết quả của dự án nghệ thuật cộng đồng với tên gọi "Gia vị nghệ thuật" do 3 thành viên chính của dự án là Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Khánh Anh và Trần Tuấn (cả ba hiện đều là giảng viên Khoa Hội họa, Trường đại học Nghệ thuật- tp.Huế) thực hiện [44].

Nhiều du khách nước ngoài, trong nước, học sinh, sinh viên, người dân đi chợ đều cảm thấy ấn tượng bởi những mẫu nón mới lạ và đẹp mắt. Các tiểu thương trong chợ cũng đến lầu Chuông xem rất đông. Mọi người thích thú ngắm nhìn những chiếc nón được trang trí tinh tế bằng những họa tiết đẹp mắt, tò mò đọc những dòng cảm xúc, suy nghĩ, ý tưởng và cả tên tuổi, số điện thoại của các chủ gian hàng nón được ghi trên những danh thiếp nhỏ đính kèm theo nón. Nhiều khách tham quan còn hào hứng chụp ảnh với nón. Tổ chức triển lãm về nón Huế ngay tại trung tâm chợ Đông Ba- khu chợ sầm uất nhất ở trung tâm thành phố Huế là một hướng đi đúng đắn cần được nhân rộng qua từng năm.

Và hình ảnh của chiếc nón Huế thanh lịch, cùng với tà áo dài duyên dáng được ca ngợi không chỉ trong nước, mà còn hấp dẫn du khách nước ngoài. Tại hội chợ Osaka (Nhật Bản) năm 2013 người Nhật đã dành một khu vực trang trọng cho gian hàng nón Việt và mời các nghệ nhân Huế sang biểu diễn nghề chằm nón, trong đó có sự đóng góp của các nghệ nhân đến từ làng nón lá Thủy Thanh [44]. Đây vừa là niềm vinh dự, vừa là nguồn động lực lớn cho các nghệ nhân làng nón Thủy Thanh cùng tham gia phát triển làng nón để quảng bá hình ảnh chiếc nón bài thơ độc đáo đến với các nước bạn trong khu vực cũng như trên thế giới.

Vào năm ngoái, trong khuôn khổ Hội chợ du lịch quốc tế Việt Nam-VITM Hanoi 2017, điểm du lịch cộng đồng Thanh Toàn là một trong ba đơn vị được nhận giải Khu du lịch cộng đồng ASEAN [45]. Giải thưởng ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực xây dựng sản phẩm du lịch độc đáo, làm hài lòng du khách của các hộ dân, các đơn vị làm du lịch và địa phương. Trong đó, sản phẩm du lịch tiêu biểu được vinh danh chính là chiếc nón bài thơ đặc trưng-điểm nhấn trong chuỗi hoạt động du lịch diễn ra tại điểm du lịch cộng đồng Thanh Toàn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy.

Làng đúc đồng Phường Đúc tại hội chợ, triển lãm

Không thường xuyên tham gia hội chợ, triển lãm như những làng nghề truyền thống khác trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, các gian hàng của làng đúc đồng

ở Phường Đúc vẫn luôn là tâm điểm mỗi khi có mặt tại những sự kiện này, bởi sự ấn tượng và choáng ngợp từ các sản phẩm đúc đồng truyền thống không chỉ với kích thước lớn mà còn là sự tinh xảo trong từng chi tiết trên mỗi sản phẩm.

Vào năm 2015, UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế đã tổ chức phòng trưng bày sản phẩm đúc đồng truyền thống Huế tại phố đi bộ Nguyễn Đình Chiểu [46]. Trong không gian trưng bày giới thiệu sản phẩm đúc đồng truyền thống Huế, Ban tổ chức làng nghề đúc đồng đã giới thiệu với quan khách những sản phẩm tiêu biểu, được thực hiện bởi bàn tay khéo léo, tỉ mỉ và sự sáng tạo của các nghệ nhân đúc đồng, như: các loại Lư, Đại hồng Chung, tượng Bác Hồ, tượng Phật, tượng Trần Hưng Đạo...

Ngoài ra, các sản phẩm đúc đồng của Phường Đúc đã có cơ hội được góp mặt tại triển lãm đặc sắc mang tên “Dấu ấn văn hóa kinh đô Huế và đồng bằng sông Hồng qua các sản phẩm thủ công truyền thống” vào năm 2016, diễn ra tại Bảo tàng Lịch sử và Cách mạng Huế [47]. Triển lãm này là nơi trưng bày các tinh hoa văn hóa, những sản phẩm thủ công tiêu biểu, độc đáo của các nghệ nhân, thợ giỏi Huế và đồng bằng sông Hồng. Trong đó có 40 tác phẩm đúc đồng, chạm bạc của các nghệ nhân Hà Nội, Huế và một số tỉnh thành khác, với các tác phẩm đúc đồng tượng Phật; chạm đồng, chạm bạc, khắc tam khí biểu trưng chùa Một Cột, Khuê Văn Các, Hà Nội - Huế - Sài Gòn. Các sản phẩm đúc đồng được trưng bày tại đây đã thể hiện rõ nét dấu ấn, hình bóng của mỗi vùng đất qua quá trình lịch sử dân tộc.

Không chỉ xuất hiện trong các kỳ Festival ở Huế, làng đúc đồng Phường Đúc còn vinh dự khi cùng với một số làng nghề tiêu biểu khác trở thành đại diện của tỉnh Thừa Thiên - Huế tham dự Festival Di sản Quảng Nam năm 2017 [48]. Trung tâm Văn hóa Thông tin tỉnh Thừa Thiên - Huế đã mang tới cho người dân tỉnh Quảng Nam cũng như du khách trong và ngoài nước một không gian rất riêng, ấn tượng với những hình ảnh chứa đựng nhiều giá trị biểu trưng cho trí tuệ, tâm hồn của văn hóa và con người xứ Huế. Nằm ở gian chính giữa là khu vực dành để trưng bày các sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống Huế như: tủ khám, bộ khay, ấm trà, đĩa cần và các sản phẩm của làng nghề đúc đồng Huế... Qua đó, các sản phẩm đúc đồng truyền thống có cơ hội được tiếp cận nhiều hơn với du khách và mở rộng thị trường cho sản phẩm đúc đồng của phường Đúc.

Làng gốm Phước Tích tại hội chợ, triển lãm

Sau khi đã tìm lại được vị thế của mình trên thị trường gốm, làng gốm Phước Tích thường xuyên góp mặt trong các hội chợ, triển lãm trong nước. Trong đó tiêu biểu là hai hoạt động lớn tại Festival gốm sứ Việt Nam và triển lãm “Gốm Phước Tích”

Vào năm 2010, làng gốm Phước Tích xuất hiện trong khuôn khổ của Festival gốm sứ Việt Nam – Bình Dương 2010, hội chợ với chủ đề “Gốm sứ - thế giới sắc màu” được khai mạc tại sân vận động Gò Đậu, tỉnh Bình Dương [49]. Hội chợ được tổ chức với quy mô lớn bao gồm hơn 600 gian hàng, trưng bày các sản phẩm đặc sắc nhất của các làng gốm trên khắp cả nước như: Làng gốm Thổ Hà của tỉnh Bắc Giang, làng gốm Đông Triều của tỉnh Quảng Ninh, làng gốm Bát Tràng, Kim Lan của Hà Nội, làng gốm Thanh Hà của tỉnh Quảng Nam và làng gốm Phước Tích của Thừa Thiên – Huế. Đây là hoạt động nhằm tôn vinh những giá trị của nghề gốm sứ. Qua đó, các nghệ nhân, các nhà khoa học và những nhà sưu tập gốm sứ trong và ngoài nước có dịp gặp gỡ, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm và phát triển thị trường gốm sứ Việt Nam trong thời kỳ hội nhập.

Vào tháng 11 năm 2011, tại kinh đô Huế nhóm 2 tác giả Võ Xuân Huy, Lê Bá Cang - giảng viên ĐH Nghệ thuật Huế đã thực hiện một cuộc triển lãm mang tên “Gốm Phước Tích”. Đây là kết quả của đề tài khoa học cấp tỉnh: “Nghiên cứu, phát triển một số mẫu mã gốm truyền thống đặc trưng của làng gốm Phước Tích” [50].

Tại triển lãm, ngoài 150 mẫu gốm xưa đã đem đến một hơi thở mới cho sự hồi sinh của loại gốm mà xưa kia đã từng góp phần vào nền ẩm thực của vua Nguyễn ở Huế, triển lãm còn trưng bày 260 sản phẩm gốm trên 5 nhóm: Nội thất, ngoại thất, gốm gia dụng, gốm điêu khắc- phù điêu và phục hồi 1 số mẫu mã tiêu biểu của gốm cổ Phước Tích là thành quả sau 2 năm ròng rã nghiên cứu, vẽ mẫu nhóm các tác giả.

Nhóm đã dày công nghiên cứu các chất đất, chất màu cho gốm làm sao cho gốm vẫn giữ được đặc trưng gốm thô Phước Tích nhưng phải phù hợp với nhu cầu hiện đại của xã hội. Nhiều mẫu gốm lạ như: Phù điêu có in hình trang trí cảnh vật non sông Huế, cảnh vật Việt Nam được lấy nguyên gốc từ các họa tiết trang trí trên Cửu Đỉnh trong Đại Nội Huế; đèn ngủ nhiều lỗ làm từ 2 công đoạn

là nặn trên khuôn và nặn tay; đèn treo tường với nhiều hình dạng; mẫu gốm tráng men hay oxit sắt; gốm thô có vẽ hoa văn trang trí cách điệu...

Đặc biệt, trong triển lãm còn xuất hiện nhiều mẫu gốm độc bản - chỉ làm duy nhất một mẫu khá kỳ công và hình dáng đẹp thể hiện sự thăng hoa người nghệ sĩ. Chung quy, 150 mẫu gốm đều đẹp và có giá khá rẻ để hợp với chi tiêu của tầng lớp trung bình trở xuống. Điểm nhấn của đề tài là việc chuyển đổi thành công các loại gốm dân dụng của làng Phước Tích sang nhiều loại gốm tiêu dùng. Sau triển lãm các sản phẩm gốm trưng bày đã được chuyển giao mẫu mã cho làng gốm Phước Tích để làng có sản phẩm mẫu làm ra phục vụ thị trường và góp phần làm đa dạng hóa mẫu gốm tại làng phục vụ du lịch.

2.3. Đánh giá, nhận xét chung về thực trạng khai thác các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế

2.3.1. Mặt tích cực

Trong 6 tháng đầu năm 2018, tỉnh Thừa Thiên-Huế đón 2,33 triệu lượt khách du lịch, tăng 33,4% so với cùng kỳ; trong đó khách quốc tế đạt 1,02 triệu lượt, tăng 67,5%. Doanh thu từ du lịch đạt 2.274 tỷ đồng, tăng 31,79% so với cùng kỳ năm 2017. Hàn Quốc tiếp tục dẫn đầu các thị trường khách quốc tế đến Huế, chiếm 33,6% tổng lượt khách [26]. Thực tế, khách Hàn Quốc chủ yếu lựa chọn đi tham quan, thưởng thức ẩm thực, mua sắm, nhưng hạn chế của Huế là chưa có địa điểm mua sắm lớn phục vụ và thiếu hướng dẫn viên ngôn ngữ tiếng Hàn. Có thời điểm, ngành Du lịch phải sử dụng lượng lớn sinh viên, dù chưa qua tập huấn, vẫn được cấp thẻ tạm để hành nghề.

Theo thống kê của Sở Công thương tỉnh Thừa Thiên - Huế, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đối với sản xuất tiểu thủ công nghiệp của tỉnh Thừa Thiên - Huế đạt trên 15%; giá trị sản xuất của các làng nghề truyền thống và làng nghề tiểu thủ công nghiệp cũng chiếm gần 50% giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp [26]. Điều này cho thấy, sự phát triển ổn định của các làng nghề không chỉ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội cho địa phương mà còn làm phong phú thêm các địa chỉ trên bản đồ du lịch của tỉnh. Theo UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế, phát triển làng nghề gắn với du lịch sẽ tạo ra quá trình sản xuất tại chỗ thông qua việc cung ứng các sản phẩm hàng hóa của các làng nghề cũng như các dịch vụ du lịch, tạo thêm việc làm cho người lao động nông thôn. Mặt khác, việc đưa hoạt động du lịch về với các làng nghề truyền thống không chỉ tạo ra một nguồn thu nhập mới cho người dân làng nghề, mà còn góp

phần không nhỏ thúc đẩy phát triển nghề truyền thống ở địa phương bằng việc tạo ra những sản phẩm có hàm lượng, đặc trưng văn hóa cao đáp ứng nhu cầu du khách.

Để bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống, UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế đã phê duyệt “Quy hoạch phát triển nghề truyền thống và làng nghề trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2025” (theo Quyết định số 111/QĐ- UBND ngày 17/1/2015) [51]. Trong kế hoạch khôi phục, phát triển nghề và làng nghề truyền thống, Thừa Thiên - Huế xác định phải gắn với phát triển du lịch. Nhiều nghề và làng nghề đang dần được hồi sinh, phát triển khi gắn với phát triển du lịch bền vững, tạo nguồn sản phẩm phong phú và đa dạng để phục vụ du khách. Phát triển du lịch làng nghề được xem là một hướng đi hiệu quả để gìn giữ, bảo tồn và tôn vinh những giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của từng địa phương. Khách du lịch đến làng nghề không chỉ mua sắm, xem các nghệ nhân làm ra sản phẩm mà còn mong muốn tìm hiểu những giá trị phi vật thể tồn tại hàng nghìn năm. Đây cũng là hướng đi mới để triển khai lồng ghép các tour, tuyến du lịch gắn với các làng nghề để tạo ra dòng sản phẩm gắn với cộng đồng.

Cùng với việc bảo tồn, các ngành, địa phương ở Thừa Thiên - Huế còn phát triển các tour, tuyến du lịch làng nghề. Ngoài tham quan hệ thống di tích Cố đô Huế thì du lịch làng nghề luôn tạo được sự hấp dẫn, mới lạ đối với du khách. Căn cứ Quy hoạch phát triển nghề truyền thống và làng nghề đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh, hiện nay một số làng nghề đã được Tỉnh lựa chọn để tiến hành quy hoạch không gian làng nghề và đào tạo nguồn nhân lực không chỉ giới nghề, mà còn biết trình diễn và tham gia các hoạt động quảng bá du lịch. Trong giai đoạn 2016- 2020, có 8 nghề và làng nghề gắn với du lịch tại các làng nghề ưu tiên đầu tư khôi phục, phát triển như sau: Làng nghề Đúc đồng Huế (phường Phường Đúc và Thủy Xuân, TP. Huế); Làng nghề Gốm Phước Tích và Làng nghề Điêu khắc gỗ Mỹ Xuyên (xã Phong Hòa, huyện Phong Điền); Làng nghề Tranh dân gian làng Sinh và Hoa giấy Thanh Tiên (xã Phú Mậu, huyện Phú Vang); Làng nghề Nón lá Thủy Thanh (xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy) và Làng nghề Nón lá Mỹ Lam (xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang); Làng nghề Dệt Zèng tại các xã A Roàng, A Đót, Thị trấn A Lưới, huyện A Lưới; Làng nghề đan lát mây tre Bao La, xã Quảng Phú và Thủy Lập, xã Quảng Lợi, huyện Quảng Điền.

Cùng với đó, việc tổ chức các kỳ Festival Nghề truyền thống Huế cũng là cơ hội để du lịch làng nghề Huế phát triển. Bởi Festival Nghề truyền thống Huế là dịp để các nghệ nhân thủ công tài hoa và thợ thủ công các làng nghề thể hiện những sắc thái đặc biệt, sự đoàn kết gắn bó cùng gìn giữ và phát huy giá trị tinh hoa của các làng nghề Việt và là nơi để các cơ sở sản xuất kinh doanh gặp gỡ, giao lưu và trao đổi mua bán các sản phẩm làm ra. Không chỉ thành công ở khâu tổ chức, quảng bá thương hiệu làng nghề mà hàng chục cơ sở đã thành danh thông qua các kỳ Festival nghề truyền thống Huế. Nhiều làng nghề tưởng như mai một theo thời gian, đã sống dậy nhờ vào Festival như: Gốm Phước Tích, mộc Mỹ Xuyên (Phong Điền); mây tre đan (Quảng Điền) hay nghề nón (Phú Vang); đúc đồng (thành phố Huế)... Trong đó, một số làng nghề ở tỉnh Thừa Thiên - Huế đã gây được tiếng vang và ký kết nhiều hợp đồng giá trị sau khi tham gia lễ hội này. Đó chính là cái được lớn nhất khi tham gia Festival nghề truyền thống với mục tiêu: Quảng bá thương hiệu và ký kết nhiều hợp đồng cung ứng sản phẩm cho các đối tác lớn trong, ngoài nước.

Nếu như không có Festival nghề truyền thống Huế có lẽ chúng ta không có một Trung tâm giới thiệu sản phẩm làng nghề đúc đồng truyền thống ở Phường Đúc như hiện nay, danh tiếng cũng như không khí từ những lò đúc, hay các sản phẩm đúc đồng cũng không lan xa mạnh mẽ đến mức cả nước đều biết. Nếu không có Festival nghề truyền thống hẳn cũng sẽ không có một Nhà trưng bày Nông cụ Thanh Toàn ở làng nón lá Thủy Thanh được ví như một "bảo tàng nông cụ" sống động, đem đến những trải nghiệm thú vị về cuộc sống làng quê cho du khách.

Bên cạnh những nỗ lực từ các kỳ Festival Nghề truyền thống thì sự nỗ lực phát triển hoạt động du lịch của chính những người dân tại làng nghề đang góp phần làm thay đổi bộ mặt của các làng nghề. Làng tranh Sinh bây giờ không chỉ được biết đến là địa chỉ văn hóa tâm linh với dòng tranh dân gian được sử dụng trong việc thờ cúng; hay làng đúc đồng ở Phường Đúc không chỉ được biết đến với các sản phẩm đúc đồng như các vật dụng thờ cúng bằng đồng và các bức tượng đồng, chuông đồng với kích thước lớn mà các làng nghề này đã trở thành một địa chỉ du lịch làng nghề truyền thống uy tín của xứ Huế, đón tiếp du khách trong và ngoài nước tới tham quan mỗi năm. Nhờ vào các hoạt động du lịch, các công trình tại địa bàn làng nghề cũng được quan tâm, tu sửa và bảo tồn, bởi các công trình, di tích ở làng nghề cũng chính là một trong những điểm tham quan

của du khách tại làng. Di tích đình làng Lại Ân ở làng Sinh hay cầu Ngói Thanh Toàn ở làng Thanh Thủy Chánh đều được chú trọng đầu tư bảo tồn, tu bổ và tôn tạo lại khang trang hơn nhưng vẫn giữ lại được nét cổ kính vốn có.

Cùng với đó, việc chủ động tham gia các hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế cũng đem lại nhiều cơ hội cho các làng nghề truyền thống nói riêng và du lịch Huế nói chung. Hội chợ là hoạt động xúc tiến thương mại quan trọng giúp tăng cường hơn nữa hoạt động quảng bá thương hiệu, sản phẩm trong và ngoài nước, góp phần đưa sản phẩm làng nghề thành sản phẩm hàng hóa có tính thương mại và giá trị gia tăng cao. Đây là cơ hội tốt cho các nhà quản lý cũng như các làng nghề trên địa bàn Thừa Thiên - Huế giao lưu, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm về hoạt động phát triển làng nghề; giới thiệu và xúc tiến hợp tác kinh doanh các sản phẩm làng nghề đến với các doanh nghiệp để mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước. Đồng thời, thông qua việc trưng bày sản phẩm thủ công kết hợp với việc giới thiệu, quảng bá các chương trình du lịch đến Huế cũng hứa hẹn đem lại một lượng khách nội địa và quốc tế lớn đến với vùng đất cố đô này.

Có thể thấy, những sản phẩm thủ công truyền thống gắn với các làng nghề là một trong những nét văn hóa Huế, góp phần sáng tạo nên những di sản Huế cả về phương diện vật thể và phi vật thể. Với vị thế là một trung tâm du lịch của quốc gia; là "thành phố Festival", sản phẩm thủ công truyền thống tỉnh Thừa Thiên - Huế có một vị trí quan trọng để tạo nên tính hấp dẫn và ấn tượng đối với khách du lịch đến với vùng đất cố đô này. Việc đưa hoạt động du lịch về với các làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên - Huế không chỉ tạo ra một nguồn thu nhập mới cho người dân làng nghề, mà còn góp phần thúc đẩy phát triển nghề truyền thống ở địa phương, để nghề truyền thống mãi được giữ gìn, bảo tồn và phát huy những giá trị vốn có. Nói cách khác, việc phát triển làng nghề truyền thống gắn với du lịch được xem là một hướng đi hiệu quả để gìn giữ, bảo tồn và tôn vinh những giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của tỉnh Thừa Thiên - Huế. Đây là cái "hồn" của du lịch Huế với hàm lượng văn hóa cao cùng thể mạnh từ các di sản.

2.3.2. Mặt hạn chế

Có thể khẳng định ngay rằng, người Huế và ngành du lịch Huế nói riêng đang có trong tay một tiềm năng du lịch phong phú, khi sản phẩm thủ công truyền thống luôn có sức sống bền vững trong lòng của nhiều thành phần du

khách. Thế nhưng, trong khoảng thời gian vừa qua, số lượng du khách đến tham quan các làng nghề truyền thống chưa có sự gia tăng nổi trội. Bên cạnh đó, việc chậm đổi mới, thiếu tầm nhìn dẫn tới việc không hấp dẫn du khách và không níu chân được du khách dài ngày. Các dịch vụ du lịch cũng không được nâng cao chất lượng, trở thành một tác nhân rất quan trọng góp phần dẫn đến việc không hấp dẫn được khách du lịch.

Vấn đề này có thể dễ dàng nhận thấy trong thực tế khi du khách đến Huế, ngoài việc tham quan lăng tẩm thì không có nhiều nơi để vui chơi, giải trí và mua sắm đúng nghĩa. Các sản phẩm du lịch, dịch vụ ở vùng biển, đầm phá và các di sản, danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử ...vẫn chưa có những định hướng và phát triển một cách bài bản. Nhiều du khách khi tham quan di sản có chung nhận định rằng chỉ cần 1 ngày là có thể tham quan hết tất cả các di sản và những loại hình dịch vụ trong quần thể di sản không hấp dẫn và độc đáo để níu kéo họ. Và như vậy, việc xem Thừa Thiên - Huế là điểm dừng chân tạm thời chứ không phải là nơi lưu trú để tham quan cũng là điều dễ hiểu.

Tại nhiều làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh hiện nay đều tồn tại thực trạng là: nhận thức của người dân về bảo tồn, phát huy giá trị của làng nghề chưa đúng mức; thiếu các tour du lịch đến các làng nghề; sự tham gia phát triển du lịch làng nghề của người dân chưa cao do họ chưa thấy hết những lợi ích mà phát triển du lịch đem lại. Chưa chú trọng khai thác các sản phẩm lưu niệm từ làng nghề, việc giới thiệu, trình diễn nghề, những dịch vụ phục vụ khách tham quan tại các làng nghề còn nghèo nàn, thiếu sức hút. Môi trường ở các làng nghề còn nhiều bất cập như ô nhiễm rác thải, tiếng ồn, nguồn nước,... Hộ làm nghề thiếu sự năng động trong khai thác thị trường, còn nặng tâm lý làm nghề chỉ để kiếm thêm, nên thụ động trong khâu tiêu thụ theo kiểu thuận mua vừa bán. Mặc dù có bề dày lịch sử, có nhiều tiềm năng phát triển, tuy nhiên, do sản xuất thủ công, năng suất thấp nên sản lượng sản phẩm làng nghề truyền thống Huế vẫn còn ít và giá thành lại cao, vì vậy khó cạnh tranh trên thị trường. Các cơ sở sản xuất sản phẩm nghề và làng nghề truyền thống Huế vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ; thiếu vốn đầu tư, thiếu sự gắn kết, hợp tác giữa các cơ sở sản xuất, giữa các ngành nghề, làng nghề với nhau. Nhất là, thiếu sự phối kết hợp giữa các ngành công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp, xuất nhập khẩu, du lịch, thương mại, khoa học- công nghệ, các nghệ nhân với các nhà sản xuất. Việc chậm cải tiến mẫu mã

theo thị hiếu ngày càng đa dạng của người tiêu dùng cũng làm giảm sức cạnh tranh của các làng nghề.

Về vấn đề nhân lực tham gia làm du lịch tại các làng nghề truyền thống hiện nay còn rất hạn chế, đơn cử như **làng tranh Sinh**. Toàn làng hiện nay có 202 hộ, tổng dân số là 950 người, trong đó chỉ có 55 hộ làm nghề quanh năm, 1 hộ phục vụ kinh doanh du lịch. Số lao động khác trong làng thì tham gia hoạt động nông nghiệp và buôn bán nhỏ lẻ. Như vậy, có thể thấy nguồn nhân lực tham gia sản xuất tranh của làng Sinh là khá ít. Nguyên nhân có lẽ xuất phát từ khoản thu từ việc sản xuất tranh còn thấp, do đó gây khó khăn trong việc thu hút nguồn nhân lực làm nghề. Bên cạnh đó, người dân làng Sinh chưa tham gia đầu tư làm du lịch nên hiện tại du khách khi đến làng Sinh chỉ có thể đi tham quan chứ chưa có nơi lưu trú, ở lại qua đêm.

Ngoài ra, việc phát triển làng nghề truyền thống gắn với du lịch là một hình thức xuất khẩu sản phẩm tại chỗ mang lại lợi ích kinh tế rất lớn. Mặc dù, tỉnh Thừa Thiên - Huế có những thuận lợi để phát triển du lịch làng nghề, nhưng theo đánh giá của hầu hết các chuyên gia, du lịch làng nghề ở tỉnh Thừa Thiên - Huế phát triển chưa xứng tầm với tiềm năng. Hiện nay cả địa phương và doanh nghiệp đều không mấy mặn mà trong việc thiết kế tour chuyên biệt đến với các làng nghề. Hầu hết các tour du lịch gắn với các làng nghề truyền thống trong tỉnh vẫn chưa mang tính tập trung và có kế hoạch lâu dài, còn thiếu kỹ năng và phương pháp gắn kết với du lịch của một số làng nghề và sản phẩm của một số nghệ nhân; một số nghề và làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một. Số làng nghề được du lịch hóa thành công còn ít, hầu hết là tự phát và thiếu chuyên nghiệp. Tại nhiều làng nghề đều tồn tại thực trạng là: nhận thức của người dân về bảo tồn, phát huy giá trị của làng nghề chưa đúng mức; thiếu các tour du lịch đến các làng nghề; sự tham gia phát triển du lịch làng nghề của người dân chưa cao do họ chưa thấy hết những lợi ích mà phát triển du lịch đem lại; cụ thể người dân chưa quan tâm nhiều về tiếp thị, cách tiếp cận khách du lịch; thị trường tiêu thụ chưa được mở rộng. Đồng thời, các cơ sở sản xuất chưa chú trọng khai thác các sản phẩm lưu niệm từ làng nghề, việc giới thiệu, trình diễn nghề, những dịch vụ phục vụ khách tham quan tại các làng nghề còn nghèo nàn, thiếu sức hút.

Chẳng hạn như **làng gốm Phước Tích**, mặc dù là một làng cổ với lối kiến trúc độc đáo, với sản phẩm gốm thủ công tinh xảo nhưng Phước Tích hiện nay vẫn chưa tạo ra được những sản phẩm du lịch đặc sắc để níu chân du khách.

Vấn đề khó khăn hiện nay chính là sự cách trở về địa lí. Từ thành phố Huế, khách du lịch muốn đến với làng cổ phải trải qua quãng đường hơn 45km, chính điều này đã khiến cho du khách ngại vận chuyển khi đến với Phước Tích. Bên cạnh đó, là sự phát triển chưa đồng bộ của những sản phẩm du lịch cũng là điều không mang lại sự thích thú cho du khách mỗi khi đến đây. Hiện tại, đến với Phước Tích du khách có thể đi dạo tham quan các nhà cổ quanh làng, rồi sau đó quay lại với các cơ sở làm gốm để cùng trải nghiệm làm nghề với người dân. Du khách cũng có thể trải nghiệm các công đoạn làm gốm và mua các sản phẩm gốm làm quà. Tuy nhiên, sự trải nghiệm công việc làm gốm ở Phước Tích không được hấp dẫn và phát huy được giá trị thực của nó trong khi đây là mô hình rất thích hợp cho phát triển du lịch cộng đồng.

Một khó khăn khác là, cơ sở hạ tầng tại một số địa bàn các làng nghề hiện nay trở thành vấn đề trở ngại lớn trong việc phát triển các hoạt động du lịch. Như tại **làng tranh Sinh**, người dân đang có những bước triển khai các hoạt động du lịch nhưng thực trạng cơ sở hạ tầng hiện nay vẫn là điều khiến người dân trăn trở. Làng Sinh chỉ có vón vện 40 mẫu ruộng, một con đường chính dẫn vào làng nghề và một vài đường ngõ rẽ vào từng hộ sản xuất các sản phẩm tranh. Nhưng riêng con đường liên thôn dài khoảng 1 km đang xuống cấp trầm trọng, người dân phải sử dụng đường xóm. Ngoài ra, làng còn có một số đường xóm gồ ghề rất khó đi lại, cần được sửa chữa, nâng cấp để không chỉ thuận lợi cho người dân trong làng di chuyển, mà còn tạo điều kiện dễ dàng hơn cho du khách khi muốn tới tham quan, tìm hiểu về làng cũng như nghề truyền thống của làng. Bên cạnh đó, hệ thống điện, nước đã được cung ứng đầy đủ, riêng hệ thống thông tin liên lạc ở làng vẫn còn hạn chế, đây cũng là một trong những điều đáng lo ngại trong việc cập nhật thông tin truyền thông, ảnh hưởng đến khả năng quảng bá sản phẩm của làng nghề.

Về vấn đề đầu tư phát triển sản phẩm tại làng nghề ở nhiều nơi vẫn chưa tìm được hướng đi đúng đắn, dẫn đến việc đầu tư nhiều mà không đem lại hiệu quả. Tại **làng gốm Phước Tích**, vào năm 2010 Cộng đồng Pháp ngữ vùng Walomie (Bi), phối hợp với Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam, mà chủ công là Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại miền Trung, đã quyết định hỗ trợ một dự án giúp người dân Phước Tích xây dựng một lò nung để giúp người dân “đốt lửa” lại nghề gốm, đầu tư kinh phí xây dựng lại lò cổ truyền (đốt bằng củi) và cử người đi học nghề khắp ngoài Bắc trong Nam để nhằm đáp ứng thị hiếu

ngày càng cao của khách hàng [22]. Tuy nhiên, những người thợ tham gia dự án này, vẫn chưa có người nào đủ năng lực để gia tăng sản lượng gốm cho làng nghề. Năm 2015, làng gốm Phước Tích lại tổ chức khóa đào tạo làm gốm gồm 15 học viên. Tuy nhiên, hoạt động chủ yếu là quảng diễn cho khách tham quan, trải nghiệm, còn hoạt động sản xuất, kinh doanh thì chưa được chú trọng. Bên cạnh việc thiếu hụt nguồn lực ở các cơ sở làm gốm thì nguồn nhân lực phục vụ cho du lịch ở làng gốm Phước Tích vẫn còn thiếu và yếu. Trong làng hiện không có đủ lực lượng trẻ tham gia đào tạo nghề du lịch cũng như đào tạo nghề gốm truyền thống và các ngành nghề dịch vụ khác...Kỹ năng giao tiếp của người dân đối với du khách còn hạn chế, nhất là đối với du khách nước ngoài. Chưa hình thành được mối quan hệ, hợp tác với các tổ chức doanh nghiệp hoạt động kinh doanh về du lịch để xây dựng các tour tuyến đưa khách về Phước Tích.

Một vấn đề nghiêm trọng tồn tại song hành cùng với sự phát triển của làng nghề truyền thống phục vụ du lịch tỉnh Thừa Thiên - Huế là vấn đề ô nhiễm môi trường tại chính không gian làng nghề, điển hình là ***làng nghề đúc đồng Phường Đúc***. Bên cạnh việc quan tâm phát triển du lịch, làng nghề đúc đồng Phường Đúc đang phải đối mặt với vấn đề ô nhiễm không khí từ việc sản xuất của các hộ làm nghề. Các cơ sở đúc đồng ở đây đều làm theo lối thủ công. Hầu hết các cơ sở đều sử dụng cao su, lốp xe hỏng và dầu nhớt phế thải để đốt lò, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe và cuộc sống của người dân quanh vùng. Cũng như các khí thải độc hại khác, khí thải, khói bụi từ các làng nghề đúc đồng đang gây ô nhiễm không khí nghiêm trọng và ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe của người dân. Kết quả khảo sát thông số không khí tại làng nghề phường Đúc cho thấy, nồng độ bụi cuối hướng gió vượt tiêu chuẩn cho phép gấp 2 lần, các khí độc nằm dưới tiêu chuẩn, nhưng nồng độ vẫn tương đối lớn. Vào thời điểm làng nghề hoạt động, nồng độ bụi và các khí độc đều vượt tiêu chuẩn cho phép từ 2 - 5 lần [14]. Môi trường không khí bị ô nhiễm có tính cục bộ tại nơi trực tiếp sản xuất, đặc biệt là ô nhiễm bụi vượt tiêu chuẩn cho phép do sử dụng nhiên liệu là than, củi đốt lò. Theo yêu cầu, các lò đúc đồng ở đây phải xây dựng hệ thống xử lý khí thải và hiện đại hóa công nghệ sản xuất để không gây ô nhiễm.

Hiện nay, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên - Huế đã đưa vào triển khai hệ thống xử lý khí thải cho một số cơ sở sản xuất và gia công đúc đồng, nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường

tại các làng nghề này. Trung tâm đã hỗ trợ lắp đặt hệ thống hút bụi tại lò nấu kim loại, với chi phí trên 70 triệu đồng và Sở Công nghiệp tỉnh Thừa Thiên - Huế đã giúp chuyển đổi công nghệ làm khuôn, giảm lượng củi đốt trên 300m³/năm [14]. Hệ thống xử lý khói, bụi và khí thải này có khả năng giúp cho các cơ sở đúc đồng cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường không khí, điều kiện lao động bảo đảm hơn, hạn chế bệnh tật, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng, đời sống dân sinh và phát triển kinh tế- xã hội. Mô hình này có thể nhân rộng và mở ra hướng cải tạo môi trường cho các làng nghề đúc trên địa bàn tỉnh. Mô hình này sử dụng hệ thống máy hút bụi thông qua chụp hút khói, bụi, khí thải bằng inox, đưa vào bể sục khí, kết hợp với hóa chất để làm sạch khí thải... Đây là giải pháp đem lại hiệu quả cao, nhưng do chi phí đầu tư lớn nên đến nay chỉ thực hiện được ở 3 cơ sở, trong đó có 2 cơ sở được Nhà nước hỗ trợ. Nếu được đầu tư để nhân rộng ra ở tất cả các cơ sở sản xuất làng nghề, sẽ xử lý được cơ bản vấn đề ô nhiễm môi trường tồn tại bấy lâu ở Phường Đúc.

Từ những khó khăn trong việc triển khai và phát triển các hoạt động du lịch tại làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên - Huế, người viết nhận thấy, vấn đề quan trọng các làng nghề truyền thống cần hướng tới hiện nay là vừa khôi phục, phát triển; vừa đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, đăng ký bản quyền cho sản phẩm của làng nghề. Một khi, các làng nghề đã có thương hiệu thì việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy các làng nghề có hiệu quả, dễ dàng hơn cũng như giải quyết được một lượng lớn lao động, tăng nguồn thu nhập, nhất là ở khu vực nông thôn. Đây cũng là điều kiện góp phần đáp ứng các tiêu chí chuyển dịch cơ cấu lao động trong quá trình xây dựng nông thôn mới hiện nay ở Thừa Thiên - Huế.

Tiểu kết chương 2

Qua việc tìm hiểu thực trạng tại một số làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên - Huế (làng tranh Làng Sinh, làng nón lá Thủy Thanh, làng đúc đồng ở Phường Đúc, làng gốm Phước Tích) có thể thấy rằng các làng nghề truyền thống này đều có bề dày lịch sử và đã trải qua nhiều thời kỳ biến động: từ khi hưng thịnh, suy tàn rồi nay lại được khôi phục từ chính tình yêu, niềm đam mê với nghề thủ công truyền thống của một số nghệ nhân ưu tú, để bây giờ nghề truyền thống ấy, sản phẩm thủ công tinh xảo, độc đáo ấy lại được tiếp tục gìn giữ và phát huy. Các giá trị của nghề truyền thống đưa vào hoạt động du lịch, được giới thiệu, quảng bá với du khách cả trong và ngoài nước. Và việc đưa hoạt

động du lịch về với các làng nghề truyền thống không chỉ tạo ra một nguồn thu nhập mới cho người dân làng nghề, mà còn góp phần không nhỏ thúc đẩy phát triển nghề truyền thống ở địa phương bằng việc tạo ra những sản phẩm có hàm lượng, đặc trưng văn hóa cao đáp ứng nhu cầu du khách.

Trong những năm vừa qua các làng nghề truyền thống tỉnh Thừa Thiên - Huế đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc khai thác hoạt động tại làng nghề truyền thống phục vụ phát triển du lịch. Mặc dù ngành du lịch tỉnh Thừa Thiên - Huế đang có những bước phát triển đáng kể, nhất là từ khi tỉnh triển khai thực hiện chương trình Festival Nghề truyền thống Huế, nhưng nhìn chung sự phát triển vẫn chưa tương xứng với tiềm năng của địa phương. Số lượng khách du lịch tìm về những tour du lịch làng nghề truyền thống đang từng bước gia tăng, đây vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với chính quyền địa phương, doanh nghiệp lữ hành cũng như chính những người dân đang tham gia hoạt động du lịch tại làng nghề. Vậy giải pháp nào là cần thiết để đưa hoạt động du lịch của tỉnh Thừa Thiên - Huế tại các làng nghề truyền thống ngày càng phát triển. Vấn đề này sẽ được trình bày trong nội dung của Chương 3: **Một số giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác các làng nghề truyền thống ở Thừa Thiên - Huế phục vụ phát triển du lịch.**

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ KHAI THÁC NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở THỪA THIÊN – HUẾ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

3.1. Phương hướng phát triển du lịch tại các làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên – Huế

3.1.1. Mục tiêu phát triển

Các làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên - Huế có xu hướng phát triển đến năm 2025 là gắn liền với phục vụ du lịch, hình thành nên hệ thống các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch nhằm đáp ứng các yêu cầu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là của ngành du lịch. Theo đó, các chủ thể sản xuất tại các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch đòi hỏi phải đáp ứng được các yêu cầu của quy luật kinh tế thị trường và của hình thức du lịch làng nghề. Tuy nhiên, dù mang lại lợi ích cho người dân, nhưng việc triển khai mô hình du lịch làng nghề hiện nay vẫn chưa mang tính hệ thống, lâu dài, bởi tư duy làm du lịch ở một số địa phương vẫn còn chậm thay đổi, chưa thích nghi với điều kiện mới.

Do đó, ngành Du lịch tỉnh cần đặt ra mục tiêu cho việc phát triển các nghề và các làng nghề trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên – Huế trên cơ sở ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để đa dạng hóa sản phẩm về mẫu mã, kiểu dáng, nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh; đồng thời chọn lọc, lựa chọn phát triển các ngành nghề và làng nghề của các địa phương có hiệu quả kinh tế cao phù hợp với điều kiện của mỗi địa phương và gắn với việc bảo vệ môi trường, đồng thời quan tâm bảo tồn một số làng nghề gắn với phát triển dịch vụ du lịch. Các mục tiêu cụ thể bao gồm:

- Phát triển nghề và làng nghề phải kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với xây dựng nông thôn mới trên cơ sở phát huy, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái, thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển bền vững.

- Phát triển nghề truyền thống và làng nghề phải gắn với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, thúc đẩy chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp; phát huy giá trị văn hóa, nâng cao giá trị sản phẩm gắn liền với phát triển dịch vụ du lịch, gắn hoạt động sản xuất của làng nghề với các hoạt động du lịch.

- Phát triển theo hướng kết hợp hợp lý giữa công nghệ sản xuất truyền thống với công nghệ sản xuất hiện đại, nhằm nâng cao chất lượng và năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái, vệ sinh an toàn lao động, nhưng vẫn giữ được nét độc đáo, riêng có của từng sản phẩm của làng nghề truyền thống phục vụ du lịch.

- Phát triển theo hướng liên doanh, liên kết giữa các chủ thể sản xuất ở làng nghề truyền thống phục vụ du lịch với các doanh nghiệp thuộc các kênh phân phối và tiêu thụ sản phẩm ở đô thị lớn, các siêu thị, các đại lý chuyên hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa... để mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo nguồn nguyên liệu cho sản xuất, đa dạng hóa kiểu dáng mẫu mã sản phẩm, hàng hóa của các làng nghề. Trên cơ sở đó, tạo lập các tuyến liên kết các nhân tố cấu thành chuỗi cung ứng sản phẩm của các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch, từ khâu đặt hàng (yêu cầu mẫu mã thiết kế, kiểu dáng...) đến khâu cung cấp nguyên vật liệu với nơi phân phối và tiêu thụ sản phẩm của các làng nghề truyền thống này.

- Phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch theo hướng gìn giữ và bảo tồn các giá trị truyền thống của dân tộc, gắn liền với phát triển du lịch một cách bền vững. Bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề trên cơ sở bảo tồn và phát huy các truyền thống văn hóa, tập quán của từng địa phương cùng với sự tham gia của cộng đồng gắn với quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn; đẩy mạnh đầu tư chiều sâu để tăng năng lực cạnh tranh, đa dạng hóa sản phẩm và ứng dụng các công nghệ mới; kết hợp chặt chẽ giữa công nghệ cổ truyền và công nghệ tiên tiến để tạo ra sản phẩm vừa truyền thống nhưng phải tinh xảo vừa hiện đại mang tính thương mại cao.

Song song với việc bảo tồn cần phải tập trung khôi phục, phát triển các nghề và làng nghề có nhiều tiềm năng và lợi thế so sánh về nguyên vật liệu, kỹ năng, kỹ xảo sản xuất, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, thu hút nhiều lao động... nhằm góp phần tích cực giải quyết việc làm để nâng cao đời sống và thu nhập cho cư dân ở các địa phương.

3.1.2. Phương hướng phát triển du lịch tại các làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên – Huế

Trong xu thế hội nhập và mở cửa, làng nghề truyền thống đang dần khẳng định vị trí quan trọng trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của Việt Nam nói chung và tỉnh Thừa Thiên - Huế nói riêng. Phát triển làng nghề truyền thống

phục vụ du lịch là con đường hữu hiệu để xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới; đồng thời góp phần quảng bá hình ảnh, thương hiệu du lịch của tỉnh Thừa Thiên - Huế và của Việt Nam.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trong quá trình phát triển các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế cần khắc phục. Bởi vậy, nhằm phát triển các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch trên địa bàn tỉnh, ngoài việc phải vận dụng linh hoạt, sáng tạo những quan điểm chung của Đảng và nhà nước về làng nghề truyền thống phục vụ du lịch, cần xác định các phương hướng cụ thể như sau:

Thứ nhất, phát triển nghề và làng nghề truyền thống phục vụ du lịch phải gắn với xu hướng phát triển du lịch hiện đại; đồng thời phải dựa trên nội lực của tỉnh Thừa Thiên - Huế. Từ đó phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, nhằm thay đổi diện mạo của các làng nghề truyền thống trước đây; mở ra các cơ sở lưu trú, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách du lịch khi tham gia các tour du lịch làng nghề, từng bước thúc đẩy phát triển du lịch; góp phần nâng tỷ trọng kinh tế nghề truyền thống và làng nghề, phấn đấu đến năm 2020 đạt 20 - 30% và đến năm 2025 đạt 30 - 35% trong cơ cấu kinh tế nông thôn.

Thứ hai, chú trọng tôn vinh các nghệ nhân giỏi cùng với đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có khả năng kế tục phát triển các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế về ý thức, giá trị của việc bảo tồn các làng nghề truyền thống từ cấp tiểu học nhằm tạo niềm đam mê cho thế hệ trẻ về các ngành nghề truyền thống nói chung. Đến năm 2020, tạo việc làm cho trên 15.000 lao động nông thôn, tỷ lệ lao động qua đào tạo phấn đấu đạt 70%; tương ứng đến năm 2025 tạo việc làm khoảng 20.000 lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%. Ngoài ra, cần hướng dẫn cho cư dân ở các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế kỹ năng làm du lịch, đồng thời có cơ chế phân bổ lợi ích hợp lý giữa công ty kinh doanh du lịch, hướng dẫn viên du lịch, cư dân tại làng nghề truyền thống nhằm khuyến khích và tạo động lực cho mọi người dân cùng làm du lịch hiệu quả tại các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Thứ ba, nâng cao đồng thời cả về số lượng và chất lượng của các sản phẩm thủ công truyền thống. đẩy mạnh đầu tư chiều sâu để tăng năng lực cạnh tranh, đa dạng hóa sản phẩm và ứng dụng các công nghệ mới; kết hợp chặt chẽ giữa công nghệ sản xuất truyền thống và công nghệ sản xuất hiện đại để tạo ra

sản phẩm mang tính thương mại cao. Trong đó, đẩy mạnh sử dụng máy móc, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, ưu tiên sử dụng máy móc thiết bị tiên tiến, hiện đại; phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ cơ giới hóa đạt 30 - 40% và năm 2025 đạt 50%. Gắn kết các hoạt động sản xuất của làng nghề với các hoạt động du lịch làng nghề, du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng. Tạo sự liên kết giữa ngành du lịch tỉnh Thừa Thiên - Huế với các nhà triển lãm sản phẩm thủ công mỹ nghệ cấp quốc gia và địa phương nhằm khai thác hiệu quả chương trình "Kết nối địa phương với toàn cầu", tạo điều kiện phát triển hệ thống các kênh phân phối và tiêu thụ sản phẩm thủ công của các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch.

Thứ tư, tỉnh Thừa Thiên - Huế cần thiết phải có các chính sách cụ thể, thiết thực để hỗ trợ hiệu quả cho làng nghề truyền thống phục vụ du lịch phát triển trong bối cảnh mới. Làng nghề cũng cần tranh thủ các nguồn vốn của Nhà nước, của các tổ chức phi chính phủ, các nhà đầu tư và các doanh nghiệp lữ hành để hỗ trợ, đầu tư. Từ đó, đẩy mạnh xây dựng, phát triển và hoàn thiện cơ sở hạ tầng, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho các làng nghề để kết hợp phát triển du lịch.

Thứ năm, thực hiện xúc tiến quảng bá, đưa hình ảnh của nghề và làng nghề truyền thống ra rộng khắp; từng bước xây dựng thương hiệu sản phẩm du lịch cho từng làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế theo phương châm "Mỗi làng nghề một sản phẩm". Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa của việc phát triển làng nghề gắn với phát triển du lịch; đồng thời kết hợp nâng cấp cải tạo hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch hợp lý mặt bằng khuôn viên của cơ sở sản xuất trong làng nghề vừa phục vụ phát triển sản xuất, đảm bảo mỹ quan và thuận lợi cho khách du lịch khi đến tham quan và mua sắm tại làng nghề. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm làng nghề.

Thứ sáu, phải coi trọng việc bảo vệ môi trường sinh thái; bảo tồn và phát huy các truyền thống văn hóa, tập quán của từng địa phương trong khôi phục, phát triển làng nghề truyền thống. Xử lý cơ bản ô nhiễm môi trường ở các làng nghề, cơ sở sản xuất: 100% các cơ sở, cụm - điểm công nghiệp làng nghề có hệ thống xử lý chất thải tập trung đạt chuẩn (đặc biệt là các ngành nghề chế biến nông lâm thủy sản và thực phẩm).

Và quan trọng hơn hết, lấy việc phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch làm động lực tạo bước đột phá để kích thích địa phương phát triển các

ngành nghề truyền thống và du nhập thêm nghề mới. Cần phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch theo hướng gắn với các tuyến du lịch, gắn với các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên - Huế cũng như của cả nước; gắn kết chương trình phát triển làng nghề với chương trình phát triển du lịch, tăng các tour du lịch làng quê, làng nghề, phố nghề vừa phục vụ du lịch, vừa trình diễn nghề và bán sản phẩm làng nghề.

Các làng nghề truyền thống có điều kiện thuận lợi trong việc phát triển các hình thức du lịch cần nghiên cứu, thành lập Ban xúc tiến thương mại và Du lịch của làng nghề để nghiên cứu cơ chế, chính sách làm việc với các tổ chức, cơ quan du lịch nhằm sớm đưa được các tour du lịch đến làng nghề truyền thống.

Xây dựng địa điểm trình diễn sản phẩm, giới thiệu và bán hàng lưu niệm cho du khách, đồng thời nghiên cứu bảo tồn các di tích lịch sử của làng nghề như: Đền thờ Tổ nghề, các lễ hội văn hóa truyền thống của làng; xây dựng các điểm sản xuất thử nghiệm cho du khách tham gia trực tiếp vào quá trình chế tác, sản xuất ra các sản phẩm truyền thống độc đáo.

Trên đây là phương hướng nhằm phát triển du lịch ở các làng nghề truyền thống tỉnh Thừa Thiên – Huế. Tuy nhiên, dựa trên các phương hướng phát triển chung, các làng nghề truyền thống cần xây dựng cho mình những hướng đi riêng và đúng đắn để tiếp tục phát triển, xây dựng thương hiệu riêng, tạo nên sức hút lớn đối với khách du lịch.

3.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác làng nghề truyền thống ở Thừa Thiên – Huế phục vụ phát triển du lịch

3.2.1. Hoàn thiện các cơ sở hạ tầng, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ du lịch ở địa phương nơi có làng nghề

3.2.1.1. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật được xác định là nguồn động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, là yếu tố quan trọng đẩy mạnh hoạt động thu hút du lịch. Vì vậy, tỉnh Thừa Thiên - Huế nói chung và chính quyền địa phương nói riêng cần chú trọng đầu tư, hỗ trợ để xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật ở làng nghề truyền thống. Trong đó, xác định cụ thể các chính sách về phát triển hệ thống giao thông nông thôn; hoàn thiện hệ thống cung cấp điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt; phát triển hệ thống cấp thoát nước và giữ gìn vệ sinh môi trường tại làng nghề; tăng cường nâng cấp đầu tư hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống Internet... Chính sách về phát triển, đầu tư hạ

tầng cho các cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, cụm làng nghề cần tập trung tạo điều kiện về mặt bằng sản xuất, mặt bằng phục vụ hoạt động du lịch cho các làng nghề để phát triển ổn định và bền vững.

Về phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng đường xá, cần đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng tại các khu vực phát triển du lịch trọng điểm đảm bảo đáp ứng nhu cầu đi lại của khách du lịch, đặc biệt ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các điểm du lịch, các tuyến du lịch đến làng nghề truyền thống phục vụ du lịch. Mở rộng, nâng cấp, hiện đại hóa các tuyến đường từ sân bay tới khu vực thành phố Huế, các huyện và các làng nghề truyền thống cũng là vấn đề cần được ưu tiên. Đầu tư xây dựng mạng lưới đường bộ thuận tiện và có chất lượng phù hợp, xây dựng đồng bộ và hiện đại hóa hệ thống biển báo, chỉ dẫn giao thông và du lịch. Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường huyết mạch như quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh và nâng cấp, xây dựng mới các tuyến đường tới các trung tâm du lịch lớn. Điều chỉnh về hệ thống đèn giao thông trên địa bàn tỉnh, tránh gây lo lắng hoang mang cho khách du lịch khi băng ngang qua các trục giao thông vào giờ cao điểm.

Đặc biệt, ***cần đầu tư xây dựng khu vực đường xá, cảnh quan tại các làng nghề***, bởi các tour du lịch không chỉ khai thác sản phẩm của làng nghề, mà còn khai thác không gian làng nghề truyền thống. Đường giao thông trong làng nghề phải từng bước được kiên cố hóa, làm đẹp dần, cần sửa chữa những đoạn đường xấu, mở rộng một số đoạn đường cần thiết để xe cộ lưu thông dễ dàng. Hiện nay, ngoài làng nghề đúc đồng ở Phường Đúc nằm trong khu vực thành phố Huế, thì các làng nghề còn lại đều nằm ở khu vực ngoại thành nên chưa được đầu tư đúng mực về vấn đề đường xá, cảnh quan này. Tại các làng nghề như làng Sinh, làng gốm Phước Tích nên nhanh chóng triển khai trải thảm nhựa và đổ bê tông tại các tuyến đường trên địa bàn, đặc biệt là tại các tuyến đường liên thôn trọng điểm; khắc phục tình trạng giao thông gây cản trở, khó khăn trong công tác vận chuyển hàng hóa cũng như tham gia hoạt động du lịch; phấn đấu đạt mục tiêu hoàn thành 100% các trục đường chính, rồi tới 90% trục đường nội xóm.

Ngoài ra, cần quy hoạch mặt bằng khuôn viên các cơ sở sản xuất trong làng nghề để phục vụ du lịch. Các cơ sở sản xuất và từng hộ làm nghề phải được quy hoạch lại hợp lý, thuận tiện sao cho vừa có không gian dành cho khách du lịch tham quan mua sắm, quan sát tài năng của những người nghệ nhân, vừa có

không gian dành cho phát triển sản xuất. Khách du lịch khi lựa chọn tour tham quan làng nghề đều mong muốn được gắn kết được với những tài nguyên khác như: văn hóa, lịch sử, cũng như cảnh quan, thậm chí là phong tục, tập quán, ẩm thực của những người dân làng nghề đó. Như vậy, mới đúng nghĩa là thưởng thức không gian làng nghề truyền thống.

Tiếp theo, cũng cần đẩy mạnh ***xây dựng, phát triển và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin*** tại các làng nghề truyền thống. Trước thực trạng, người dân tại các làng nghề còn khá hạn chế trong việc được tiếp cận với mạng Internet, truyền thông từ đó gây bất lợi trong việc tham gia hoạt động du lịch. Vì vậy, nên xây dựng, mở rộng chức năng của Nhà văn hóa xã; mở các khóa đào tạo kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, về kỹ năng sử dụng máy vi tính cho các chủ cơ sở làng nghề, những nghệ nhân, người dân đang tham gia hoạt động du lịch, đặc biệt là tầng lớp thanh thiếu niên ở làng nghề để họ sớm có cơ hội được tiếp cận với môi trường thông tin rộng mở và đa dạng như hiện nay.

3.2.1.2. Xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật

Về vấn đề phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế, phải tập trung vào các nội dung cơ bản đó là: phát triển hệ thống cơ sở lưu trú đảm bảo đáp ứng nhu cầu theo các mục tiêu định hướng phát triển du lịch của quy hoạch; cùng với việc phát triển hệ thống cơ sở lưu trú cần phát triển hệ thống các cơ sở vui chơi giải trí, hệ thống nhà hàng và các dịch vụ bổ trợ khác như hệ thống cơ sở văn hóa, ngân hàng... đáp ứng các nhu cầu của du khách.

Xây dựng danh mục các dự án cơ sở vật chất kỹ thuật, ưu tiên đầu tư phục dựng, tu bổ, tôn tạo các công trình văn hóa, các di tích lịch sử, các điểm tham quan nổi tiếng tại làng nghề. ***Ví dụ, tại làng gốm Phước Tích việc cấp thiết lúc này là cần tu bổ, phục hồi lại hệ thống các nhà rường cổ.*** Trong đó, phải phục hồi lại tường bao, xây bằng gạch đặc; gia công phục hồi cột gỗ, kèo, trén, xuyên xà, đòn tay, rui, lách, ván mái, diềm; phục hồi hệ thống cửa đi, cửa sổ bị hư hỏng; tu bổ phục hồi hoa văn các kết cấu gỗ như kèo, đòn tay; lợp lại mái nhà bằng ngói liệt; lát mới gạch nền, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng; phục hồi màu sắc cho công trình; xử lý chống mối, mọt cho toàn bộ cấu kiện gỗ. Việc trùng tu các nhà rường cổ không chỉ là bảo tồn các giá trị văn hóa, lối kiến trúc đặc trưng mà còn là điểm nhấn quan trọng trong việc phát triển du lịch làng nghề tại làng gốm Phước Tích. Bởi hệ thống nhà rường cổ có thể đưa vào khai thác, nhân

rộng mô hình homestay, trở thành điểm lưu trú, nghỉ chân lý tưởng của du khách.

Còn tại làng nón lá Thủy Thanh, hình ảnh biểu trưng của làng- ***cầu Ngói Thanh Toàn cũng cần được đầu tư tu bổ, nâng cấp hoàn chỉnh***. Với các lần tu sửa trước đây cầu ngói Thanh Toàn cơ bản giữ được tổng thể hình thái kiến trúc nguyên vẹn (thượng gia hạ kiều). Tuy nhiên, trong điều kiện thiên tai, khí hậu khắc nghiệt, sự xâm hại của các yếu tố ngoại lai, theo thời gian cầu đã xuống cấp, hư hỏng các cấu kiện gỗ, phần mái, tường đầu hồi, các họa tiết, con giống trang trí. Vậy nên việc cần làm lúc này là hạ giải công trình cầu để đánh giá cụ thể các cấu kiện; đảm bảo đúng quy chuẩn, quy định và nguyên tắc bảo tồn; gia cố nền móng; phục hồi hạng mục với yêu cầu tận dụng tối đa nguyên bản, vật liệu gốc; phương án thiết kế phải nghiên cứu, xem xét kỹ lưỡng và so sánh, đối chứng, đánh giá với hồ sơ khoa học, bản vẽ kỹ thuật của di tích; xác nhận nhằm bảo tồn các yếu tố gốc gắn liền với công trình, gồm kết cấu hệ khung gỗ, ván lót sàn, mái lợp ngói âm ống men Thanh Lưu Ly, hệ trang trí bờ mái, bờ nóc, bờ quyết, ô học, màu sắc tổng thể công trình, câu đối khảm sành sứ ở đầu cầu...

Tập trung xây dựng, mở rộng thêm không gian tổ chức Festival nghề truyền thống Huế. Tại những kỳ Festival làng nghề trước, chỉ được khai thác ở khu vực bờ nam sông Hương thì đến ***kỳ Festival lần thứ 8 vào năm 2019 và những năm về sau nên tập trung khai thác tối đa không gian ở cả hai bờ sông Hương***. Trong đó, cầu Trường Tiền nên được sử dụng cho du khách đi bộ để phát huy và khai thác cả công viên bờ bắc sông Hương. Các công viên cũng cần phải cải tạo, đầu tư, chỉnh trang lại không gian, tạo thêm nhiều khuôn viên cây cảnh, để không gian Festival nghề truyền thống Huế 2019 và những về năm sau tạo được nhiều điểm nhấn và là không gian rộng rãi cho du khách dễ dàng tham quan, mua sắm và tham gia các trải nghiệm lý thú.

Ngoài ra, đầu tư phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm xây dựng các địa điểm mua sắm, hàng lưu niệm, vui chơi giải trí. Có thể ***xây dựng thêm những khu vui chơi giải trí về đêm hay mở các phiên chợ đêm tại các làng nghề truyền thống*** để du khách có động lực kéo dài ngày lưu trú của mình. Đối với chợ đêm, các làng nghề có vị trí gần nhau có thể cùng liên kết thành lập phiên chợ. Tại đó, ngoài các gian hàng bày bán những sản phẩm thủ công của làng nghề, nên mở thêm các gian hàng bán những món ăn là đặc trưng ẩm thực của Huế, những món ăn Tập trung cải tạo, nâng cấp các cơ sở lưu trú hiện có và

xây dựng mới các cơ sở lưu trú đạt tiêu chuẩn quốc tế, nâng cao chất lượng phương tiện phục vụ và thực hiện việc tiếp đón đoàn khách tại sân bay đến làng nghề. Trong mua sắm, cần rà soát, xem xét hoạt động tại các trung tâm trưng bày sản phẩm hàng thủ công mỹ nghệ Huế, trung tâm trưng bày làng nghề đúc đồng ở Phường Đúc, khảo sát các điểm kinh doanh hàng lưu niệm ở các điểm di tích, điểm tham quan, như tại cầu Ngói Thanh Toàn (làng nghề nón lá Thủy Thanh), ... để có cái nhìn toàn cục hơn về sản xuất, mức độ tiêu thụ của các sản phẩm và tính hiệu quả khi đưa vào hoạt động của các điểm mua sắm. Từ đó, có thể định hướng được mức đầu tư và xây dựng thêm các địa điểm mua sắm, bán hàng lưu niệm phục vụ cho nhu cầu của du khách.

3.2.2. Đào tạo lao động và nhân lực du lịch cho làng nghề truyền thống

3.2.2.1. Đào tạo và nâng cao tay nghề cho lực lượng lao động tại làng nghề truyền thống

Đầu tư phát triển kỹ năng nghề, tăng cường kiến thức và đào tạo nghề là vấn đề quan trọng với sự tồn vong và thương hiệu của các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế. Đồng thời, chất lượng nguồn lao động của làng nghề truyền thống phục vụ du lịch quyết định hiệu quả kinh tế - xã hội, là động cơ cho tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, góp phần tạo ra cơ hội bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới trong việc tiếp cận việc làm bền vững và có năng suất ở khu vực nông thôn. Vì vậy, cần có một số giải pháp trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng nguồn lao động cho các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch, cụ thể:

Việc cần làm hiện nay là gắn kết giữa dạy nghề với thị trường lao động và sự tham gia của doanh nghiệp, bởi sự gắn kết giữa dạy nghề với giải quyết việc làm, thị trường lao động vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém, bất cập và cần tiếp tục được đẩy mạnh với những giải pháp quyết liệt, hiệu quả hơn, đảm bảo "đầu ra" của đối tượng được đào tạo nghề tại các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch.

Tỉnh hoặc địa phương có thể đứng ra **tổ chức các hội thảo** liên quan đến nhiều vấn đề của làng nghề truyền thống phục vụ du lịch cho các nghệ nhân, thợ giỏi như tính thẩm mỹ, thiết kế mẫu mã, tạo dáng sản phẩm, sử dụng công nghệ, kỹ thuật mới, ... để **hình thành đội ngũ giảng viên đào tạo, truyền nghề và phát triển nghề**. Có thể phối hợp với các trường đại học, cao đẳng đào tạo nghề chuyên ngành trên địa bàn theo định kỳ, để mở các lớp đào tạo nâng cao trình độ quản lý kinh tế, quản lý sản xuất kinh doanh, thiết kế sản phẩm mới, ... cho các

chủ cơ sở, các nghệ nhân, thợ giỏi tại các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch; đồng thời, khuyến khích sự hợp tác giữa các nghệ nhân với các trường dạy nghề, công ty hợp tác để dạy nghề cho lớp trẻ, khôi phục kỹ thuật sản xuất truyền thống, giữ gìn bản sắc của làng nghề. Hiện nay, dòng tranh dân gian làng Sinh chỉ có nghệ nhân Kỳ Hữu Phước là người nắm rõ nhất, vì vậy có thể **mời nghệ nhân về giảng dạy tại các khoa Mỹ thuật của trường đại học, trường cao đẳng nghề** để đưa nghề làm tranh đến gần hơn với thế hệ trẻ và hun đúc niềm đam mê của người trẻ với dòng tranh dân gian truyền thống của làng nghề.

Huy động kinh phí hỗ trợ từ các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước để xây dựng mô hình dạy nghề theo lối truyền nghề, đây là một trong những phương pháp đào tạo tại chỗ bằng cách tự tổ chức lớp và mời các nghệ nhân hoặc thợ giỏi đến dạy nghề. Hình thức truyền nghề truyền thống này vẫn mang lại những hiệu quả cao và hàm chứa yếu tố văn hóa của làng nghề, trong đó các nghệ nhân truyền nghề cho các học viên chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và vốn sống nghề của mình. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động có cơ hội tham gia học nghề và có cơ hội được học nghề để nâng cao trình độ tay nghề, từ đó họ mới có thể sống được dựa vào thu nhập từ làng nghề và công việc của họ, việc này cũng góp phần giảm đáng kể chi phí đào tạo của cả cá nhân và xã hội. Với hình thức dạy nghề này, các nghệ nhân không chỉ truyền đạt lại kinh nghiệm, cách thức sản xuất ra các sản phẩm mà còn phải truyền lại ngọn lửa đam mê, nhiệt huyết với nghề truyền thống của quê hương. Để người học thấy được giá trị của nghề truyền thống mà ông cha đã truyền lại, từ đó thúc đẩy họ giữ gìn và phát huy nghề truyền thống ấy đến cả thế hệ mai sau.

Song song với việc tổ chức các khóa đào tạo dài hạn (1 - 3 năm), chính quyền địa phương nơi có làng nghề nên **tổ chức các khóa đào tạo nghề ngắn hạn tại chỗ** nhằm trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng sản xuất và thái độ nghề nghiệp đủ để thực hiện một số nhiệm vụ hay sản xuất được các mẫu sản phẩm nhất định theo thời hạn và theo nhu cầu của thị trường. Giải pháp này có thể áp dụng ngay với làng gốm Phước Tích, bởi với tình hình hiện nay tại làng gốm thì việc đào tạo nhân lực ngắn hạn là rất cần thiết cho quá trình gia tăng năng suất lao động, đáp ứng nguồn cung cho thị trường hiện nay. Ngoài ra, cần phát triển mô hình dạy nghề, nâng cao tay nghề tại chỗ này, góp phần giảm đáng kể chi phí đào tạo của cả cá nhân và xã hội đồng thời người học biết được nhu cầu việc làm ở địa phương; biết được chính sách và nhiệm vụ của người đi học;

biết được khi học xong thì cơ hội việc làm ở địa phương mình như thế nào đồng thời với các lớp học này sẽ giúp các cơ sở sản xuất kinh doanh nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã nhằm tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm, tiếp cận các kỹ thuật mới, công nghệ mới.

Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề theo hướng hiện đại, hợp lý cũng là một giải pháp quan trọng. Vì hiện nay, cơ cấu trình độ, cơ cấu nghề, đào tạo nghề cho lao động nông thôn chưa phù hợp, chưa bổ sung kịp thời các nghề mới theo yêu cầu của thị trường lao động, thậm chí có chương trình, giáo trình dạy nghề đã lạc hậu, trong khi đó, mạng lưới cơ sở dạy nghề nói chung tuy đã phát triển nhưng chủ yếu tập trung ở đô thị. Khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu số lượng cơ sở dạy nghề rất ít, quy mô dạy nghề nhỏ, hoặc có thì diện tích ít, thiếu xưởng thực tập thực hành...

Do đó, song song với việc mở các cơ sở dạy nghề gắn với địa phương nơi có làng nghề truyền thống, cũng cần hoàn thiện hệ thống dạy nghề theo hướng thực hành và tăng cường phân luồng học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học nghề, đa dạng hóa hình thức đào tạo và thực hiện xã hội hóa dạy nghề; xây dựng hệ thống dạy nghề theo hướng hiện đại, phù hợp, linh hoạt, có đột phá về cơ cấu và chất lượng đào tạo. Bên cạnh đó, cần nâng cao trình độ văn hóa giáo dục cho lao động tại các làng nghề truyền thống bởi đa số lao động ở đây được truyền nghề từ nhỏ nên bỏ học rất sớm, dẫn đến hạn chế việc tiếp thu những kiến thức mới. Đây là một trong những yếu tố cơ bản có tính chất quyết định đến chất lượng lao động tại các làng nghề truyền thống này. ***Ví dụ, có thể đưa các hoạt động làm gốm, làm tranh vào các tiết học ngoại khóa cho các em học sinh.*** Điều này không chỉ tạo ra sự mới mẻ, lý thú cho buổi học mà còn khơi dậy sức sáng tạo của học sinh; giúp các em có cơ hội bộc lộ năng khiếu; góp phần định hướng nghề nghiệp từ sớm với những em thật sự có tài năng và đam mê với nghề.

Để khuyến khích sức sống của làng nghề cũng như kịp thời ghi nhận lại những đóng góp, cần tiêu chuẩn hóa và định kỳ xét tổ chức công nhận và trao tặng các danh hiệu cao quý như nghệ nhân cấp tỉnh, nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân nhân dân,...; cũng như có khen thưởng thích đáng cho những người thợ giỏi và phong tặng thợ bàn tay vàng, thợ cả và một số danh hiệu khác; đặc biệt là cần tổ chức tuyên dương định kỳ cho những doanh nhân, chủ cơ sở trong làng nghề có

tài làm ra những sản phẩm chất lượng cao, những người có phát minh sáng chế, cải tiến máy móc thiết bị sản xuất phục vụ cho sự phát triển của làng nghề.

Để nghề truyền thống của địa phương không bị mai một, cũng như kịp thời học hỏi, thì trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay chính quyền địa phương các làng nghề cần tăng cường khả năng hợp tác dạy nghề trong nước và trong khu vực các nước ASEAN, đặc biệt chú trọng hợp tác với những địa phương có kinh nghiệm trong lĩnh vực đào tạo nghề cho các làng nghề nói chung và cho làng nghề truyền thống phục vụ du lịch nói riêng như Hà Nội, Quảng Nam, hay các nước bạn Thái Lan, Nhật Bản,...

3.2.2.2. Đào tạo và nâng cao kỹ năng làm du lịch cho lực lượng lao động tại làng nghề truyền thống

Trong xu thế hội nhập quốc tế, tỉnh Thừa Thiên - Huế là địa phương có một hệ thống các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch phong phú và đa dạng, đây là lợi thế để tỉnh có thể thực hiện mục tiêu đưa ngành kinh tế du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Vì vậy, bên cạnh đào tạo tay nghề cho nguồn lao động ở các làng nghề truyền thống, thì nhu cầu cần thiết là phải đào tạo kỹ năng làm du lịch cho nguồn lao động tại làng nghề truyền thống phục vụ du lịch trên địa bàn tỉnh.

Trong những năm gần đây, doanh thu từ hoạt động du lịch tại các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch đã và đang mang lại hiệu quả rất lớn cho ngành du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế. Tuy nhiên, hiện nay mô hình phát triển các làng nghề truyền thống này chủ yếu dựa vào các chương trình dự án được tài trợ cho tỉnh. Trên cơ sở đó, nhiều hộ gia đình ở các làng nghề truyền thống này chưa mặn mà và tin tưởng vào tính bền vững của mô hình này nên không đầu tư nâng cấp nhà cửa, ruộng vườn, làng nghề, mặc dù có rất nhiều sản vật phong phú và nhiều nghề truyền thống độc đáo. Đó cũng bởi vì họ chưa có kỹ năng làm du lịch, không phát huy được thế mạnh của địa phương, nên nông dân khó có thể tạo được nguồn thu nhập tối ưu từ hoạt động du lịch.

Phải quy hoạch lại các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch trở thành điểm tham quan du lịch, sau đó định hướng cho người dân cách thức, phương pháp làm du lịch chuyên nghiệp, cũng như trang bị cho họ kỹ năng làm du lịch, doanh nghiệp lữ hành và các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch cần hợp tác chặt chẽ để thiết lập nên các tour tham quan làng nghề. Từ đó, để phát triển hiệu

quả làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế, cần phải chủ động tạo điều kiện cho nông dân có kỹ năng làm du lịch, cụ thể:

- Tổ chức lớp học tiếng Anh giao tiếp cho số người trong độ tuổi lao động, còn trẻ, có khả năng tiếp thu. Đây là một trong những ưu tiên hàng đầu, là yếu tố quan trọng trong việc thu hút lượng du khách nước ngoài đến với làng nghề truyền thống. Bởi rào cản ngôn ngữ đôi khi khiến du khách nước ngoài không thể cảm nhận được hết giá trị của các sản phẩm truyền thống và đôi khi cũng gây khó khăn trong việc tìm hiểu các thông tin về làng nghề truyền thống.

- Tổ chức triển khai đào tạo tại địa phương cho những người dân đang trực tiếp tham gia hoạt động du lịch với hai nội dung chính được đào tạo là kỹ năng tổ chức quản lý và nghiệp vụ du lịch. Mỗi khóa học nông dân làm du lịch, cần trang bị những kiến thức cơ bản như: nghệ thuật mời khách, phương pháp bảo quản các sản phẩm nghề truyền thống, cách làm tăng giá trị đặc sản quê nhà. Do học viên là người dân làng nghề nên có những bài học được trình giảng phải rất cụ thể, dễ hiểu. Người hướng dẫn dùng nhiều động tác thị phạm để cho học viên hiểu những chi tiết quan trọng từ khi chào khách mới bước chân vào quán, đặt bàn mời khách ngồi đúng vị trí, chuyện trò để giữ chân khách ở lại thời gian dài hơn, cách trả lại tiền thừa cho du khách...

Trên cơ sở đó, nhiều người dân ở làng nghề có thể sẽ trở thành những người làm du lịch khá chuyên nghiệp. Họ sẽ tự thiết kế những tour riêng, có những ý tưởng du lịch độc đáo mới mẻ trên chính quê hương mình; đồng thời họ sẽ không chỉ biết làm hài lòng du khách bằng nụ cười thân thiện, bằng sự ân cần, cởi mở mà còn bằng cả những món ăn, những món quà lưu niệm. Ngoài ra, cần nâng cao kỹ năng làm du lịch cho đội ngũ lao động thuộc doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

Về phía chính quyền địa phương nơi có làng nghề truyền thống có tiềm năng phát triển du lịch cần rà soát, đánh giá lại số lượng, chất lượng, xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn và ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, lao động hiện có. Thường xuyên tổ chức tập huấn nội dung quản lý Nhà nước về du lịch, về văn hóa du lịch cho đội ngũ cán bộ và nhân dân ở các huyện, thị xã và các xã trọng điểm về du lịch. Đồng thời, tăng cường mở các lớp đào tạo về nghiệp vụ lễ tân, buồng, bàn, bar, bếp, ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, lao động ở doanh nghiệp theo hình thức tại

chỗ, đồng thời hướng dẫn cho cư dân ở làng nghề truyền thống phục vụ du lịch cách làm du lịch.

Việc quan tâm xây dựng đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên du lịch ở các điểm du lịch tại các làng nghề truyền thống cũng là một việc làm cần thiết. Trước mắt, tập trung xây dựng, củng cố đội ngũ thuyết minh viên ở một số khu, điểm du lịch. Từ đó chỉ đạo, hướng dẫn các nhà đầu tư có kế hoạch tuyển chọn, đào tạo đội ngũ lao động là người địa phương ngay từ khi bắt đầu triển khai đầu tư dự án để bố trí sử dụng khi dự án hoàn thành.

3.2.3. Phát triển thị trường cho sản phẩm của làng nghề truyền thống đồng thời tăng cường vốn đầu tư cho phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế

3.2.3.1. Phát triển thị trường cho sản phẩm của làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế

Thị trường là nhân tố quyết định sự tồn vong của các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch, vì vậy cần có các biện pháp tổng thể hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất ở các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch.

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa hiện nay, các sản phẩm của làng nghề truyền thống phục vụ du lịch muốn chiếm lĩnh được thị trường trong và ngoài nước thì sản phẩm phải tạo được nét độc đáo, riêng có, không giống với sản phẩm của các nước kề cận như Trung Quốc, Thái Lan,... hoặc các tỉnh trong nước. Do vậy, trong quá trình sản xuất các cơ sở phải không ngừng phát triển các sản phẩm theo hướng kết hợp công nghệ sản xuất truyền thống với công nghệ sản xuất hiện đại nhằm tăng độ tinh xảo và tính hiện đại của sản phẩm; có chính sách khuyến khích thành lập các đơn vị tư vấn, môi giới, dịch vụ khoa học và công nghệ; khuyến khích các đơn vị tư vấn trên địa bàn tích cực nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất hiện đại một cách hợp lý vào quá trình sản xuất tại làng nghề truyền thống phục vụ du lịch.

Ví dụ, đối với sản phẩm nón lá Huế của làng nón lá Thủy Thanh, bên cạnh việc chăm nón được làm thủ công có thể ***kết hợp đầu tư máy móc thiết bị sơ chế nguyên liệu để tạo độ đồng đều, tinh xảo, đồng thời sử dụng các phương pháp hiện đại trong xử lý ngâm tẩm, chống mối mọt, tạo màu, tạo độ bền và tăng tính thẩm mỹ cao*** trong từng sản phẩm nón. Ngoài ra, đối với các sản phẩm đúc đồng của Phường Đúc cũng cần ***đẩy mạnh đầu tư trang thiết bị, máy móc hiện đại trong các công đoạn nung khuôn và nấu chảy nguyên liệu.***

Bởi các công đoạn này người thợ vốn dĩ phải tiếp xúc trực tiếp với lò nung thủ công có nhiệt độ rất cao, có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của chính người thợ. Vì vậy các loại máy móc thay thế không chỉ làm tăng năng suất cho các sản phẩm của làng nghề, mà còn giảm bớt nặng nhọc, độc hại cho người lao động tại các cơ sở sản xuất.

Các chủ thể sản xuất và kinh doanh tại làng nghề truyền thống phục vụ du lịch cũng cần nghiên cứu nghiêm túc và nắm bắt thị hiếu thẩm mỹ của từng đối tượng khách hàng, tạo ra những gian hàng giới thiệu các sản phẩm của làng nghề truyền thống phục vụ du lịch cho khách du lịch tham quan và trải nghiệm. Đây cũng là dịp để tổ chức các cuộc thi thiết kế mẫu mã sản phẩm thủ công mỹ nghệ. Các cuộc thi này được tổ chức công khai cho cả các sản phẩm thủ công truyền thống đã được xác nhận và chưa được xác nhận về chất lượng, mẫu mã, công nghệ sản xuất... ***Tại làng gốm Phước Tích có thể phát động các cuộc thi tay nghề dành cho những thợ làm gốm có tay nghề cao hay các nghệ nhân gốm***, để họ có cơ hội thể hiện năng lực cũng như thể hiện khả năng sáng tạo trong các tác phẩm gốm của mình. Qua các cuộc thi cũng sẽ tạo động lực cho các nghệ nhân và thợ thủ công có điều kiện học hỏi và tích cực sáng tạo, cải tiến, nâng cao tay nghề, để góp phần đa dạng hóa và nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm thủ công truyền thống trên thị trường trong và ngoài nước.

Đặc biệt là, nâng cao chất lượng sản phẩm truyền thống nhất đặc trưng của tỉnh và tìm kiếm thị trường cho làng nghề truyền thống, địa bàn có nghề thủ công thông qua các kỳ Festival Huế, Festival nghề truyền thống Huế, các hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo giao hàng đúng số lượng và thời gian để mở rộng thị trường trong nước và quốc tế, đồng thời thúc đẩy nhanh việc xây dựng thương hiệu sản phẩm cho làng nghề truyền thống phục vụ du lịch. Đối với thị trường xuất khẩu phải luôn tạo được uy tín đối với khách hàng, có sức cạnh tranh cao về chất lượng và giá cả, đảm bảo đúng hợp đồng giao hàng cả về thời gian và chất lượng sản phẩm.

Cùng với thị trường đầu ra cần chú ý đúng mức đối với cả thị trường đầu vào (cung cấp các vật tư, nguyên liệu cho sản xuất làng nghề). Thông thường thị trường cung cấp nguyên vật liệu cho sản xuất trong các làng nghề phần lớn là do các cơ sở, doanh nghiệp cung ứng đầu vào ở tại địa phương có gắn kết với các nguồn nguyên liệu cung ứng đến làng nghề truyền thống phục vụ du lịch. Tuy

nhiên, cũng có một số ngành nghề như đúc đồng, sản xuất đồ gỗ,... có không ít loại nguyên liệu phải mua từ các tỉnh khác, kể cả nhập khẩu. Vì vậy, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất cần phải có kế hoạch cụ thể để đảm bảo ổn định nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất bằng nhiều phương thức như liên kết hợp tác lâu dài, đối lưu sản phẩm để lấy nguyên liệu. Nhà nước và tỉnh Thừa Thiên – Huế cần tạo điều kiện để giúp các doanh nghiệp nhập khẩu gỗ, nguyên liệu từ các tỉnh khác hay ở nước ngoài để phục vụ sản xuất, hoặc tạo điều kiện để các cơ sở sản xuất trong làng nghề truyền thống phục vụ du lịch có đủ cơ sở pháp lý trong việc khai thác nguyên liệu, phục vụ trực tiếp cho sản xuất. Phát triển các mối liên kết giữa các đơn vị sản xuất trong làng nghề với các doanh nghiệp thương mại lớn ở các tỉnh và thành phố như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... cũng như khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài, trong nước liên doanh với các cơ sở trong các làng nghề thực hiện các dự án sản xuất hàng gia công xuất khẩu hoặc làm trung gian bao tiêu sản phẩm của làng nghề truyền thống phục vụ du lịch trên tinh thần liên kết, hợp tác lâu dài, đôi bên cùng có lợi.

Một giải pháp nữa là các địa phương cần thúc đẩy các chợ, trung tâm thương mại hoặc chợ ở vùng nông thôn, mở các quầy hàng chuyên kinh doanh, mua bán các sản phẩm của làng nghề truyền thống phục vụ du lịch. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất tại làng nghề truyền thống mở các đại lý, quầy hàng giới thiệu sản phẩm ở các đô thị lớn, các trung tâm thương mại và du lịch phát triển ở trong và ngoài tỉnh nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Ví dụ, chính quyền địa phương có thể ***liên hệ với các gian hàng bày bán sản phẩm quà lưu niệm tại khu vực sân bay của Huế cũng như của các tỉnh thành khác trong nước, để đưa các sản phẩm tranh dân gian của làng Sinh vào bày bán tại các gian hàng đó***. Đây là cách thức vừa giúp tiêu thụ sản phẩm tranh, mở rộng thị trường cho dòng tranh truyền thống, cũng vừa là một hình thức quảng bá sản phẩm tranh làng Sinh tới du khách trong và ngoài nước.

Tạo mối quan hệ chặt chẽ giữa các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch với nhau nhằm tạo kênh phân phối sản phẩm cho làng nghề truyền thống phục vụ du lịch thông qua các tour du lịch tham quan và trải nghiệm tại làng nghề truyền thống, từ đó có thể quảng bá sản phẩm và tìm kiếm khách hàng, đặc biệt là du khách nước ngoài. Khuyến khích và phát triển các quan hệ liên kết giữa các cơ sở sản xuất của làng nghề truyền thống phục vụ du lịch với doanh nghiệp kinh doanh du lịch trong thành phố hoặc ở các địa phương khác, với các

tổ chức thương mại, nhằm tăng sức mạnh trên thị trường, tạo ra một hệ thống hoàn chỉnh từ phân phối, tiêu thụ sản phẩm đến phát triển mạnh mẽ hình thức du lịch làng nghề tại làng nghề truyền thống phục vụ du lịch trên địa bàn tỉnh.

3.2.3.2. Thu hút vốn đầu tư cho phát triển làng nghề truyền thống

Nhu cầu về nguồn vốn đầu tư cho quá trình khôi phục và phát triển làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên – Huế là rất lớn. Trước đây các nguồn đầu tư chủ yếu đến từ: vốn từ nguồn ODA, vốn từ nguồn vay tín dụng, vốn huy động cộng đồng,... Để có điều kiện đầu tư cho làng nghề phục vụ du lịch, trước hết, Nhà nước cần thực hiện cho được chủ trương thị trường tín dụng nông thôn; vận động, hỗ trợ và có chính sách ưu đãi cho các nhà đầu tư tín dụng về nông thôn hoạt động, giúp cho những hộ trong làng có điều kiện vay vốn để sản xuất và sinh hoạt. Có chính sách hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với các hộ dân có mô hình hoạt động sản xuất tốt lại làng nghề truyền thống phục vụ du lịch. Quy định mức vay ưu đãi, giải quyết việc làm từ Ngân hàng chính sách đối với hộ nghèo, với mức vay cụ thể, thời gian trả nợ dài hạn, không cần tài sản thế chấp.

Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và vốn ODA phải tập trung cho các công trình quan trọng vừa góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương tăng trưởng, vừa thúc đẩy khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống trong nông thôn như các công trình giao thông liên thôn, liên xã với các làng nghề, hệ thống xử lý chất thải chung của làng nghề, các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu trong các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đã quy hoạch, phát triển hoàn thiện lưới điện phục vụ dân sinh và sản xuất ở nông thôn và quy hoạch chi tiết đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp cũng như quy hoạch cụm sản xuất tập trung để làm nơi di chuyển các hộ sản xuất ra khỏi khu dân cư.

Khai thác và tranh thủ tối đa các nguồn vốn khác của quốc gia và của tỉnh như vốn xóa đói giảm nghèo, vốn giải quyết việc làm, vốn khuyến công, vốn hỗ trợ khoa học công nghệ, vốn hỗ trợ xúc tiến thương mại để giúp các cơ sở, doanh nghiệp trong các làng nghề có nguồn vốn phát triển sản xuất, đào tạo nâng cao năng lực và tay nghề cho người lao động. Tiếp tục hoàn chỉnh cơ chế quản lý đầu tư, tạo môi trường thống thóang về đầu tư phát triển du lịch, đơn giản hóa các thủ tục hành chính và phát triển các dịch vụ hỗ trợ đầu tư để thu hút các nhà đầu tư. Áp dụng linh hoạt trên điều kiện thực tế của tỉnh Thừa Thiên -

Huế các quy định hiện hành của Nhà nước về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư phát triển đối với các dự án đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn.

Đồng thời, các làng nghề truyền thống cần đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế trong nước, Việt kiều ở địa phương cùng với việc mở rộng quan hệ liên kết giữa các địa phương khác nhằm tạo điều kiện giúp các cơ sở, doanh nghiệp trong các làng nghề khai thác thêm các nguồn vốn cho đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh cả chiều rộng lẫn chiều sâu; đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ tăng năng lực sản xuất và cả vốn lưu động bằng nhiều phương thức thích hợp như ký hợp đồng ứng trước vốn, cung cấp nguyên vật liệu thu tiền sau,... Đa dạng hóa các hình thức huy động của các doanh nghiệp cơ sở bằng nhiều nguồn như vốn tự có, huy động từ người thân bạn bè, vay các tổ chức tín dụng, các ngân hàng thương mại, góp vốn thành lập công ty cổ phần. Đặc biệt là cần huy động và khai thác tối đa nguồn vốn tự có đang được cất giữ trong các tầng lớp dân cư để đưa vào đầu tư có vai trò rất quan trọng trong quá trình khôi phục, phát triển và mở rộng các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch trong nông thôn nói chung.

Phát triển mạnh các loại hình liên kết kinh tế giữa các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất trong làng nghề với các công ty, doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tập trung (cả trong và ngoài tỉnh) trên cơ sở phân công hợp tác lao động và thực hiện chuyên môn hóa sản xuất theo công đoạn giữa các thành phần kinh tế với các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh. Điều này không chỉ giúp các cơ sở sản xuất trong làng nghề giải quyết được vấn đề vốn cho đầu tư, sản xuất kinh doanh mà còn có thể khai thác các lợi thế về tay nghề, thị trường, công nghệ...bổ sung cho nhau nhằm tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Tăng cường tìm kiếm, vận động các nguồn tài trợ và đầu tư từ các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức nước ngoài để khai thác thêm các nguồn vốn hỗ trợ đào tạo nghề, đào tạo khởi sự doanh nghiệp. Chẳng hạn, trong việc nghiên cứu các sản phẩm mới, các chương trình hội thảo khoa học để tìm lại những bí quyết,... có thể kêu gọi vốn đầu tư từ các trường Đại học, các cơ sở nghiên cứu, các quỹ giao lưu quốc tế. Tăng cường khai thác các chương trình hỗ trợ hợp tác quốc tế (trong đó có các Tổ chức phi chính phủ) đối với việc phát triển làng nghề truyền thống về kinh nghiệm, tài chính. Tăng cường hợp tác liên kết trong phát triển du lịch giữa các tỉnh thuộc khu vực miền Trung, cũng như khu vực

miền Trung với cả nước và quốc tế; mở rộng mối liên hệ giữa các hãng du lịch trong nước và quốc tế với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực du lịch ở làng nghề để tăng lượng khách du lịch, nhận sự hỗ trợ về vốn đầu tư, công nghệ cho phát triển du lịch; tập trung hợp tác liên kết, hỗ trợ đối với các lĩnh vực như: xúc tiến, quảng bá, tổ chức sự kiện, chia sẻ kinh nghiệm quản lý làng nghề, đào tạo nhân lực, đầu tư cơ sở hạ tầng,... với phương châm phối hợp hiệu quả cùng phát triển, cùng có lợi giữa các địa phương.

Đặc biệt, tỉnh cần nghiên cứu để thành lập quỹ hỗ trợ khôi phục, phát triển làng nghề truyền thống để tạo điều kiện giúp các làng nghề giải quyết một phần của khó khăn về vốn của các cơ sở trong quá trình đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, đặc biệt là trong việc hỗ trợ các nghệ nhân sáng tác, sưu tầm và phục hồi các sản phẩm tinh xảo, bảo tồn các di sản văn hóa của địa phương, quy hoạch bảo tồn một số địa danh có làng nghề truyền thống phục vụ du lịch để đưa vào khai thác phục vụ văn hóa, du lịch.

3.2.4. Gắn việc bảo vệ môi trường với phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch

Thừa Thiên – Huế là một trong những cái nôi đầu tiên của làng nghề Việt Nam. Tuy nhiên, do bắt nguồn từ yếu tố lịch sử và mang tính chất địa phương nên các làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên – Huế đều phát triển một cách tự phát, thiếu quy hoạch, từ đó đã phát sinh những vấn đề về môi trường. Việc giải quyết vấn đề ô nhiễm ở các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch là rất phức tạp, đòi hỏi thời gian, sự can thiệp của các cơ quan chức năng, các công ty xử lý và cả những cư dân tại làng nghề truyền thống.

Trước thực tế đó, để tăng cường công tác bảo vệ môi trường làng nghề truyền thống, tỉnh Thừa Thiên - Huế cần xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi đối với các mô hình xã hội hóa trong xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, tạo ra môi trường pháp lý cần thiết, nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào công tác bảo vệ môi trường làng nghề. Xây dựng quy hoạch không gian làng nghề truyền thống gắn liền với phục vụ du lịch gắn với bảo vệ môi trường, lấy quản lý cấp phường (xã) làm nòng cốt trong hệ thống quản lý môi trường. Ngoài ra, UBND tỉnh Thừa Thiên – Huế cần tiếp tục tập trung chỉ đạo việc bố trí, huy động vốn để đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án xử lý nước thải làng nghề; xây dựng các chính sách, giải pháp hỗ trợ để tiếp tục từng bước cải thiện chất lượng môi trường tại các làng nghề trên địa bàn. Đồng thời, huy động cộng đồng

đóng góp nguồn lực để xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề; triển khai những mô hình xã hội hóa bảo vệ môi trường, cụ thể đối với từng loại làng nghề, gắn với các hoạt động kinh tế - xã hội và văn hóa của cộng đồng làng nghề, từ đó, nhân rộng mô hình xã hội hóa xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề tại địa phương.

Đồng thời, cần chuyên giao công nghệ sạch, xử lý chất thải cho các cơ sở sản xuất quy mô nhỏ theo hướng vận hành đơn giản, ổn định, tiết kiệm chi phí và xử lý môi trường hiệu quả; thực hiện lồng ghép các đề án bảo vệ môi trường làng nghề vào các chương trình, đề án có liên quan; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến vào xử lý chất thải rắn, nước thải.

Bên cạnh đó, công tác giáo dục và tuyên truyền cần được thực hiện thường xuyên, rộng rãi để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường. Tăng cường giáo dục ý thức vệ sinh môi trường và vệ sinh y tế cho toàn bộ người dân làng nghề, đồng thời, những cơ sở sản xuất thực hiện nghiêm túc công tác bảo hộ lao động cho nghệ nhân, công nhân; đào tạo và cung cấp thông tin về vệ sinh, an toàn lao động; có chương trình kiểm tra, khám tuyển và giám sát định kỳ về sức khỏe cho nghệ nhân, công nhân để sớm phát hiện bệnh nghề nghiệp để điều trị kịp thời; đảm bảo đạt tiêu chuẩn về các yếu tố vi khí hậu cũng như các điều kiện lao động do Bộ Y tế ban hành để đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Giáo dục nâng cao hiểu biết cho người dân làng nghề, để họ nhận thức cái giá phải trả do ô nhiễm môi trường đắt gấp nhiều lần so với lợi nhuận kinh tế đem lại. Để từ đó họ thay đổi nhận thức dẫn đến thay đổi hành vi, chung tay bảo vệ môi trường. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan tại làng nghề của hướng dẫn viên và khách du lịch khi đến tham quan các làng nghề truyền thống. Xây dựng các biển báo nghiêm cấm xả rác tại các khu vực làng nghề, bố trí nhiều thùng rác công cộng tại các điểm tham quan trong địa bàn làng nghề.

Về phía các cơ sở sản xuất và các hộ gia đình ở các làng nghề truyền thống cần chú ý xây dựng, cải tạo nhà xưởng, tổ chức không gian thông thoáng tự nhiên tại nơi lao động. Trang bị các dụng cụ an toàn lao động, thiết bị thu gom bụi, hút khí tại các vị trí xả khí độc hại; về công nghệ và thiết bị sản xuất là phải thay thế các thiết bị cũ kỹ, áp dụng công nghệ mới ít chất thải, hạn chế

tiếng ồn, sử dụng các công nghệ có khả năng giảm thiểu các hóa chất độc hại, cụ thể:

- Để giảm thiểu ô nhiễm bụi tại các cơ sở sản xuất ở làng nghề truyền thống (làng tranh tranh Sinh, làng nón lá Thủy Thanh, làng gốm Phước Tích), mà chủ yếu do các công đoạn cưa, bào, đánh bóng sản phẩm... thì cần phải bố trí mặt bằng sản xuất hợp lý, đồng thời áp dụng các biện pháp kỹ thuật hiện đại. Chỗ phát sinh bụi sẽ được bao che kín, lắp đặt đường ống thu gom bụi có lắp miệng hút vào hệ thống bao che, toàn bộ bụi gỗ sẽ được hút qua hệ thống đường ống bởi quạt hút ly tâm đặt bên ngoài.

- Để giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn tại cơ sở sản xuất ở làng nghề đúc đồng Phường Đúc thì phải bố trí riêng mặt bằng sản xuất hợp lý, lắp đặt bao che chắn bên ngoài để hạn chế bụi cùng tiếng ồn phát sinh; đồng thời, trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân lao động như găng tay, khẩu trang, kính, mũ, ủng, quần áo, nút bịt tai cho người lao động tại các cơ sở đúc đồng.

- Để giảm thiểu ô nhiễm do nước thải tại các làng nghề truyền thống thì đối với nước thải sản xuất, cần xây dựng mương thu gom nước thải kiên cố xung quanh khu vực này để thu gom nước thải tránh nước thải chảy tràn ra xung quanh, sau đó đưa về hệ thống xử lý; đối với nước thải sinh hoạt (chủ yếu nước thải vệ sinh của đội ngũ công nhân làm việc và du khách tham quan) phải được xử lý trong bể tự hoại 2, 3 ngăn và đầu ra sẽ cho thoát ra cống thải chung, không cho thấm đất, đồng thời thu gom nước thải sinh hoạt và nước thải sau xử lý. Để giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn, giấy vụn, bìa, carton, bao bì, nhựa, thùng gỗ tại làng nghề thì nên tập trung lại đem bán phế liệu, còn các loại chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ khác phải chứa trong thùng rác có nắp đậy và hàng ngày công ty môi trường đô thị đến thu gom, vận chuyển đến bãi rác.

- ***Để giảm thiểu tình trạng ô nhiễm không khí tại làng gốm Phước Tích cần thay thế lò đốt củi truyền thống, lò gas thông thường bằng lò gas tiết kiệm năng lượng.*** Mặc dù lò nung bằng gas đang được sử dụng tại làng gốm Phước Tích đã giảm thiểu được tình trạng ô nhiễm, độc hại, quá trình nung cũng được rút ngắn và ít gây hại cho người lao động. Tuy nhiên chính quyền địa phương vẫn nên hỗ trợ làng nghề sử dụng lò nung gas tiết kiệm năng lượng. Đây là loại lò nung mới đã được một số làng nghề như Bát Tràng, Chu Đậu bởi tính an toàn và quan trọng là giúp tiết kiệm nhiên liệu trong quá trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm; việc tiết kiệm năng lượng cũng mang lại rất nhiều lợi ích, trong

đó có lợi ích với môi trường làng nghề. Song song với việc đưa loại lò gas tiết kiệm năng lượng vào sử dụng cũng cần bảo trì và bảo dưỡng định kỳ các phụ kiện của lò gas để duy trì tuổi thọ của lò; lắp đặt các thiết bị thông gió để hút nhiệt ra ngoài và cung cấp không khí để giảm nhiệt độ khu vực đặt lò; hướng dẫn nội quy an toàn lao động cho lao động trong các cơ sở sản xuất tại làng nghề; có các quy định, nội quy, biển cấm, biển báo về phòng cháy và chữa cháy để tránh xảy ra những sự cố. Chính quyền địa phương tại làng gốm Phước Tích cần ban hành quy chế khuyến khích các cơ sở sản xuất gốm thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường; đồng thời phát triển dịch vụ tư vấn áp dụng công nghệ lò gas tiết kiệm năng lượng; nghiên cứu xây dựng và ban hành chính sách bắt buộc áp dụng công nghệ lò nung gốm hiện đại trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Yếu tố quan trọng để giảm thiểu các tác hại của du lịch đến môi trường, cảnh quan làng nghề chính là cây xanh. Đây là một giải pháp quan trọng góp phần hạn chế các nguồn gây ô nhiễm môi trường của xưởng ra khu vực xung quanh. Việc bố trí cây xanh thích hợp sẽ có tác dụng lọc bụi và hạn chế tiếng ồn. Vì vậy, các cơ sở sản xuất trong khu vực làng nghề, cũng như ban quản lý làng nghề cần phải chú trọng vào việc trồng cây xanh và được bố trí trong khuôn viên làng nghề hợp lý. Môi trường luôn là ưu tiên hàng đầu trong việc phát triển du lịch ở bất cứ một điểm đến nào và ở các làng nghề truyền thống cũng vậy. Môi trường làng nghề luôn chịu ảnh hưởng của du lịch, cũng chính yếu tố ấy là điều đầu tiên tạo ấn tượng cho khách du lịch khi bước chân vào khám phá các làng nghề. Vì vậy, các giải pháp hạn chế tác động tiêu cực của du lịch đến môi trường làng nghề cần được thực hiện, triển khai hiệu quả để góp phần giữ gìn môi trường làng nghề bền vững, tạo động lực phát triển du lịch.

3.2.5. Giải pháp Marketing, quảng bá thương hiệu làng nghề, sản phẩm du lịch của làng nghề truyền thống

Tỉnh Thừa Thiên - Huế có điều kiện thuận lợi để thực hiện các chương trình khôi phục và nâng cao giá trị truyền thống của làng nghề truyền thống phục vụ du lịch, vì Huế được chọn là thành phố để xây dựng và phát triển thành thành phố Festival của Việt Nam. Đây là điều kiện thuận lợi để hoàn thiện và phát triển các loại hình dịch vụ du lịch tại các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch trên địa bàn Tỉnh.

Thông qua các dịp Festival và các lễ hội hàng năm, tỉnh Thừa Thiên - Huế tổ chức nhiều đợt hội chợ, triển lãm về các sản phẩm thủ công mỹ nghệ của các

làng nghề truyền thống phục vụ du lịch trên địa bàn tỉnh nhằm thu hút du khách trong và ngoài nước. Qua đó, có thể thực hiện các dịch vụ đi kèm như quảng cáo, quảng bá thương hiệu sản phẩm của các làng nghề truyền thống một cách có hiệu quả với thông tin chính xác đến tận người tiêu dùng và du khách trên cả nước. Đồng thời, tạo điều kiện cho du khách trong và ngoài nước tiếp cận trực tiếp với công nghệ sản xuất truyền thống của các làng nghề truyền thống này và họ có thể tự trải nghiệm bằng nhiều cách như tự thiết kế những sản phẩm của các làng nghề truyền thống dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của các nghệ nhân để họ có thể tìm hiểu một cách sâu sắc và đầy đủ hơn về tính nghệ thuật cũng như giá trị truyền thống lâu đời của các làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh, giúp cho du khách có những kỉ niệm đặc biệt tại các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch trên địa bàn tỉnh sau chuyến tham quan của họ. Đây cũng là cách quảng cáo hiệu quả thương hiệu và giá trị của các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch.

Chính quyền địa phương nơi có làng nghề truyền thống cần khảo sát, điều tra, đánh giá một cách toàn diện các nghề, làng nghề truyền thống. Xem xét các tiềm năng, lợi thế của từng ngành nghề, sản phẩm truyền thống, so sánh với sản phẩm cùng loại trên thị trường để hiểu biết lợi thế cạnh tranh của sản phẩm, làng nghề của Thừa Thiên - Huế; tăng cường khai thác thông tin thị trường, tìm hiểu nắm bắt nhu cầu, thị hiếu của khách hàng về các mặt hàng thủ công truyền thống để cung cấp định hướng cho các cơ sở xuất cải tiến thiết kế mẫu mã phù hợp. Để thực hiện được mục tiêu phát triển du lịch bền vững gắn kết với phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch, chiến lược quảng bá và tiếp thị sản phẩm du lịch của làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế đóng vai trò quan trọng, là cầu nối giữa du khách với giá trị truyền thống độc đáo, riêng có của địa phương. Chiến lược quảng bá và tiếp thị sản phẩm du lịch của làng nghề truyền thống phục vụ du lịch có nhiều điểm khác biệt so với chiến lược quảng bá và tiếp thị sản phẩm thông thường, cụ thể như sau:

- Địa điểm phân phối và tiêu thụ sản phẩm du lịch của làng nghề truyền thống thường cũng chính là ở nơi sản xuất, do đó các cuộc triển lãm trưng bày và bán sản phẩm thủ công mỹ nghệ cần thường xuyên được tổ chức ở địa phương hoặc ở những khu vực tiêu thụ lớn. Như vậy, có thể khắc phục được những khó khăn cơ bản trong quá trình tiêu thụ sản phẩm này ở tỉnh Thừa Thiên - Huế. Chương trình này được thực hiện khá hiệu quả thông qua nhiều lễ hội

khác nhau, đặc biệt là lễ hội Festival làng nghề truyền thống Huế tổ chức định kỳ vào các năm lẻ.

- Xây dựng nhà triển lãm các sản phẩm làng nghề quốc gia nói chung và ở tỉnh Thừa Thiên - Huế nói riêng. Nhà triển lãm này cần được xây dựng để lưu giữ tài liệu về địa phương có nghề thủ công truyền thống có giá trị cho phát triển ngành du lịch và thu hút các dự án đầu tư phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch của tỉnh; nên tổ chức các hội nghị, hội thảo liên quan đến làng nghề truyền thống một cách thường xuyên tại nhà triển lãm này để trao đổi thông tin và kinh nghiệm phát triển du lịch tại các làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh. Hoạt động tại các làng nghề truyền thống của tỉnh Thừa Thiên - Huế đều hướng đến mục tiêu phát triển chung của cả nước là phát triển các loại hình dịch vụ du lịch của làng nghề truyền thống phục vụ du lịch phải phù hợp với thị hiếu, nhu cầu và tiêu chuẩn của du khách nhưng phải đảm bảo giữ được bản sắc và giá trị truyền thống trong từng sản phẩm du lịch đó.

- Thực hiện hoạt động xúc tiến du lịch hiệu quả ở tỉnh Thừa Thiên - Huế: Xây dựng hình ảnh làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế như là một điểm đến không thể bỏ qua của du khách khi đến Huế thông qua phương tiện thông tin đại chúng như các kênh truyền hình, báo và tạp chí du lịch, các chương trình và tour du lịch trong và ngoài nước. Có thể tạo ra một slogan hấp dẫn, gây tò mò cho du khách, ví dụ như: ***"Hành trình đến với xứ Huế không chỉ dành cho kẻ mộng mơ, mà còn là một hành trình đích thực của sự trải nghiệm. Đến với làng nghề truyền thống Huế để bắt đầu cuộc trải nghiệm của chính bạn"***.

- Học hỏi kinh nghiệm từ các nước trên thế giới, tỉnh Thừa Thiên - Huế cần tập trung phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch theo hướng "Một làng một sản phẩm" để tạo ra sản phẩm du lịch đặc sắc, riêng có nhằm xây dựng hình ảnh, thương hiệu nhất định của từng làng nghề, từ đó tạo điều kiện thuận lợi để gia tăng thu nhập cho người dân tại làng nghề từ hoạt động du lịch, đồng thời vẫn giữ được giá trị truyền thống của các làng nghề truyền thống này.

Hơn nữa, hoạt động sản xuất của làng nghề truyền thống nhìn chung là đa dạng và khó xác định được bản quyền sở hữu trí tuệ, vì vậy để từng bước tạo giá trị và uy tín của làng nghề truyền thống phục vụ du lịch trong nền kinh tế thị trường, tỉnh cần có kế hoạch phối hợp với các ngành liên quan về thương mại, khoa học công nghệ, công nghiệp, để tuyên truyền, vận động cũng như trợ giúp

các cơ sở sản xuất trong các làng nghề truyền thống và hiệp hội ngành nghề đăng kí, bảo vệ thương hiệu sản phẩm của cơ sở sản xuất và thương hiệu của làng nghề truyền thống phục vụ du lịch để tăng giá trị và tính thương mại của sản phẩm trên thị trường, nhằm thu hút người dân cũng như du khách đến tham quan và trải nghiệm tại các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch trên địa bàn tỉnh. Do đó, cần chú trọng xây dựng thương hiệu, đăng ký nhãn mác sản phẩm cả trong và ngoài nước để đảm bảo lợi ích của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong làng nghề truyền thống phục vụ du lịch. Quảng bá sản phẩm làng nghề truyền thống phục vụ du lịch trên mạng Internet, thông qua đó tìm bạn hàng mới, tiếp xúc trực tiếp với mọi đối tác để mở rộng sản xuất kinh doanh. Đối với những mặt hàng xuất khẩu ra nước ngoài cần chủ động trong khâu thiết kế mẫu mã, chào hàng nhằm từng bước chủ động trong sản xuất và tiếp cận khách hàng

Chú trọng công tác xúc tiến thương mại cho hoạt động du lịch của các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch để tăng cường khả năng tiếp cận thị trường trong nước và ngoài nước bằng cách thông qua nhiều hình thức như quảng cáo, tổ chức triển lãm, hội chợ trong nước và quốc tế. Đồng thời tổ chức nghiên cứu, nắm bắt và cung cấp thông tin về thị trường như: thông tin hàng hóa, chất lượng và giá cả hàng hóa, khách hàng, điều kiện mua bán của khách hàng, phương thức mua bán và thị hiếu của người tiêu dùng. Phát huy tối đa vai trò làm đầu mối của Hiệp hội làng nghề nhằm tạo môi liên kết hợp tác chặt chẽ giữa các doanh nghiệp trên địa bàn với các địa phương khác trên cả nước, giúp các làng nghề tìm kiếm thị trường, dự án đầu tư, các kênh tiêu thụ sản phẩm, điều hòa nguồn nguyên liệu. Tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ một phần kinh phí để các nghệ nhân và thợ lành nghề tại các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch được đi tham quan, học tập, tìm hiểu thị trường hoặc thuê gian hàng để tham gia hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm ở trong và ngoài nước.

3.2.6. Xây dựng các tour du lịch làng nghề truyền thống thu hút khách du lịch

Với xu hướng hiện nay thì các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch không còn đơn thuần chỉ là nơi sản xuất của người dân địa phương với mục tiêu để phát triển kinh tế, mà còn đang trở thành tài sản quốc gia với giá trị truyền thống của nó. Văn hóa làng nghề đã được ghi nhận là một bộ phận không thể tách rời ra khỏi nền văn hóa Việt Nam. Vì vậy việc phát triển các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch được coi là "cú huých", là trọng điểm của phát triển du lịch. Xu hướng nhu cầu du lịch của xã hội ngày nay đã làm xuất hiện

nhiều loại hình du lịch khác nhau, trong đó có 3 loại hình du lịch phổ biến ở Việt Nam là du lịch sinh thái, du lịch văn hóa và du lịch cộng đồng. Đây cũng là những loại hình du lịch phù hợp với tiềm năng vốn có của tỉnh Thừa Thiên - Huế, trong đó phải chú trọng khai thác kết hợp du lịch làng nghề truyền thống phục vụ du lịch với những loại hình du lịch nói trên. Như vậy, với cách hiểu của các loại hình du lịch nêu trên thì việc phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế là hoàn toàn phù hợp, trong đó hình thức kết hợp khả thi và thuận lợi nhất đó là kết hợp với hình thức du lịch cộng đồng. Có 3 mô hình để phát triển du lịch làng nghề truyền thống tùy thuộc vào quyết định của cộng đồng, dựa trên các điều kiện và khả năng hiện tại của cộng đồng, gồm:

- Cộng đồng địa phương tự tổ chức toàn bộ các khâu cung ứng các sản phẩm du lịch.
- Các hãng lữ hành tổ chức bán tour và ký kết hợp đồng với các nhóm cộng đồng cung cấp các dịch vụ du lịch.
- Cộng đồng địa phương liên kết với các công ty du lịch để tổ chức, thực hiện các chương trình du lịch.

Với việc lựa chọn một trong 3 mô hình nói trên thì các hộ gia đình cũng như người dân tại làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế phải đảm bảo 100% số hộ tham gia du lịch có nhà vệ sinh chung 100%, các địa điểm dừng chân phải có thùng rác. Đồng thời, cần thành lập một Ban quản lý du lịch cộng đồng với 4 nhóm chính: nhóm hướng dẫn, nhóm nghệ thuật, nhóm phục vụ ăn uống và nhóm trung tâm thông tin du khách.

Ngoài ra, tính hấp dẫn của các Tour du lịch làng nghề còn phụ thuộc vào việc hoạch định của bản thân các nhà làm du lịch. Họ sẽ làm tăng hấp lực với việc phân định thời gian, chặng đường, hay kết hợp giao thông thủy - bộ trong việc đi - về. Những thao tác để tạo tâm lý thoải mái, cảm nhận được sự thư giãn thực sự và thu hoạch được nhiều trong chuyến đi ở du khách sẽ là những dấu hiệu xác định sự thành công. Nhìn chung, du khách quan tâm đến du lịch làng nghề truyền thống thường thích tìm kiếm những trải nghiệm chân thực hơn những du khách ở trong những thành phố lớn hay những Resort. Đối với làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế thì ba nhóm thị trường khách chủ yếu và phù hợp là: khách tìm kiếm sự trải nghiệm đích thực, khách du lịch khám phá văn hóa, khách du lịch khám phá lịch sử văn hóa (bao gồm cả thị trường khách nội địa và quốc tế).

Theo đó, có thể thiết kế các tour cụ thể được thiết lập để cho du khách chọn lựa đến các làng nghề truyền thống như sau: Tour khám phá không gian văn hóa làng nghề truyền thống; Tour đạp xe tham quan làng nghề truyền thống; Tour đi bộ tham quan làng nghề truyền thống; Tour trải nghiệm một ngày cuộc sống người dân làng nghề truyền thống... Với sự thiết lập đa dạng các hình thức tour như vậy sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho du khách khi đến làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế, từ đó tính hấp dẫn của các làng nghề truyền thống cũng được nâng lên đáng kể. Sau đây, người viết xin đưa ra một số lịch trình các tour du lịch làng nghề truyền thống Huế.

Xây dựng lịch trình Tour du lịch làng nghề Huế trong ngày: Trải nghiệm bằng xe đạp, câu cá, học nấu ăn và làm nón lá tại làng Thanh Thủy Chánh

Thời gian: 1 ngày

Đối tượng khách: du khách nước ngoài

Lịch trình:

Sáng: 8h30: Du khách đạp xe từ khách sạn cùng với hướng dẫn viên về làng Thanh Thủy Chánh nơi có cây cầu Ngói Thanh Toàn. Trên đường đi, du khách sẽ nhìn thấy những cánh đồng lúa trải dài và một số nhà thờ lớn như Nhà thờ họ Ngô và họ Trần, có thể dừng lại tham quan và chụp ảnh.

9h15: Đến nhà hàng Thanh Toàn, quý khách dùng chân uống nước, thư giãn một lát, sau đó đi bộ hoặc đạp xe quanh làng, tham quan chợ quê, Cầu Ngói Thanh Toàn và Bảo Tàng Nông cụ.

9h45: Chèo thuyền với người dân trên dòng sông Như Ý để thưởng thức vẻ đẹp đồng quê và khám phá tìm hiểu cách sử dụng một số dụng cụ bắt cá ngày xưa như lưới, nò,... Sau khi quan sát du khách sẽ cùng trải nghiệm bắt cá với người dân nơi đây.

10h45: Quay về nhà của một số hộ dân, xem các hoạt động của người nông dân làm vườn, học cách trồng nhiều loại rau và trải nghiệm cùng người nông dân trồng rau.

11h15: Tham gia lớp học nấu ăn tại nhà hàng Thanh Toàn với đầu bếp là người dân bản địa. Học cách chuẩn bị và nấu một số món ăn đặc biệt của người Huế. Sau đó thưởng thức bữa ăn.

Chiều: 13h30: Vào tham quan các hộ gia đình làm nón lá Thủy Thanh, tìm hiểu về nguyên liệu và các công đoạn làm nón. Dưới sự hướng dẫn của

những người thợ, du khách cũng có thể tự hoàn thành một sản phẩm nón để đem về làm quà.

16h00: Đạp xe về khách sạn. Kết thúc chuyến đi trải nghiệm làng Thanh Thủy Chánh và hẹn gặp lại.

***Xây dựng lịch trình Tour du lịch liên kết các làng nghề Huế với nhau:
Tour du lịch ngoại khóa mùa hè dành cho học sinh tại Làng tranh Sinh –
Làng dệt zèng A Roàng***

Thời gian: 2 ngày 1 đêm

Đối tượng khách: học sinh phổ thông

Ngày 1: Huế - làng tranh Sinh (Ăn trưa, tối)

Sáng: 7h00: Hướng dẫn viên đón đoàn học sinh tại điểm hẹn, đưa đoàn xuống bến thuyền Tòa Khâm. Du thuyền về hạ nguồn sông Hương, nghe hướng dẫn viên giới thiệu và chiêm ngưỡng những địa danh và thắng cảnh của xứ Huế khi đi ngang qua từng địa điểm như: Cồn Hến – nổi tiếng với đặc sản cơm, bún hến của riêng Huế; chợ đầu mối Bãi Dâu - là chợ đầu mối lớn nhất Huế; tiếp đến, thuyền sẽ ngang qua khu phố cổ Bao Vinh - một con phố nhỏ hẹp, chỉ dài hơn 300m. Tiếp tục dọc theo hạ nguồn sông Hương, nghe giới thiệu về làng Sinh - một ngôi làng nằm ven sông Hương, được hình thành từ thế kỷ 15 và nổi tiếng với nghề làm tranh dân gian truyền thống.

8h30: Đến bến thuyền Lại Ân, bách bộ tham quan nhà nghề làm tranh dân gian Kỳ Hữu Phước, tại đây các em có cơ hội chiêm ngưỡng các tác phẩm tranh dân gian, các bản khắc cổ; nghe nghệ nhân Kỳ Hữu Phước giới thiệu về lịch sử dòng tranh dân gian làng Sinh và hướng dẫn cách thức để làm một bức tranh dân gian.

11h00: Ăn trưa trên thuyền, tự do nghỉ ngơi trên thuyền.

Chiều: 12h30: Di chuyển đến xã A Roàng huyện A Lưới, theo quốc lộ 49 tiến sâu vào rừng Trường Sơn và đi qua các địa danh: Behem, Bình Điền, Pastol, suối Máu, đèo Mỏ Quạ,... là các địa danh nổi tiếng trên tuyến đường 11 thuộc vùng IV chiến thuật.

15h00: Đến A Roàng, người dân bản làng sẽ đón chào bằng những điệu múa mừng khách vào làng kết hợp với những tiếng khèn, tiếng chiêng. Sau đó, Già làng sẽ đưa đoàn học sinh đi tham quan bản làng, tìm hiểu cuộc sống đời thường của dân tộc Tà Ôi ở đây như: hoạt động đan lát, dệt zèng thổ cẩm. Các em tìm hiểu các công đoạn dệt zèng - một kỹ thuật dệt thổ cẩm truyền thống của

người dân Pako, Vân Kiều bằng cách sử dụng đôi chân của mình để làm khung dệt.

Tối: 7h30: Ăn tối tại nhà cộng đồng. Với những món ăn đặc sản của dân tộc Tà Ôi như: rau rừng, cá suối. Sau khi dùng bữa tối, đoàn sẽ tham gia “Chương trình lửa trại, giao lưu cộng đồng”, cùng chung vui với những điệu múa của dân tộc Tà Ôi. Nghỉ đêm tại nhà cộng đồng.

Ngày 2: Rừng nguyên sinh A Roàng – Huế (Ăn sáng, trưa)

Sáng: 6h30: Ăn sáng tại nhà cộng đồng với món bánh A Quát (bánh làm từ nếp, chấm vừng. Các em tham quan, khám phá vẻ đẹp rừng nguyên sinh A Roàng. được hướng dẫn viên địa phương hướng dẫn về cách đi rừng, cách nhận biết từng tiếng chim, cách tìm nước uống trong từng loại cây,...

11h30: Trở về lại nhà cộng đồng, đoàn ăn trưa và nghỉ ngơi.

Chiều: 14h00: Chia tay với cộng đồng A Roàng, đoàn khởi hành trở lại Huế, kết thúc chương trình tham quan.

Xây dựng lịch trình Tour du lịch liên kết làng nghề Huế với loại hình du lịch nghỉ dưỡng trong dịp lễ 30/4: Huế - Làng gốm Phước Tích - Khu Du lịch nước Nóng Thanh Tân

Thời gian: 03ngày/ 02đêm

Đối tượng khách: công nhân viên chức

Lịch trình:

Ngày 1: (30/4) Huế - Đại Nội Huế (Ăn trưa, tối)

Sáng: 8h30: Xe và hướng dẫn viên đón khách tại Ga Huế/ sân bay Phú Bài Huế. Nhận phòng khách sạn nghỉ ngơi.

11h30: Ăn trưa tại nhà hàng Huế Cổ, đường Kim Long, thành phố Huế. Hơn cả một nhà hàng, Huế Cổ là một quần thể văn hóa nghệ thuật mà du khách không thể nào bỏ qua khi đến Huế. Đến với Huế Cổ, khách sẽ có cơ hội chiêm nghiệm những nét văn hóa đặc trưng riêng của một nhà hàng vườn cổ, đặc biệt các món ăn mang phong cách và hương vị Huế sang trọng và độc đáo. Nơi đây còn trưng bày các bức tranh tĩnh vật do họa sĩ nổi tiếng Lê Ngọc Tường sáng tác...

Chiều: 1h30: Khách tham quan Đại Nội - Huế: Di sản văn hóa thế giới gồm: Kỳ Đài, Ngọ Môn, lầu Ngũ Phụng, Điện Thái Hoà, Thế Miếu, Cửu Đỉnh và Hiển Lâm Các – hoàng cung của 13 vị vua triều Nguyễn.

13h30 đến 17h00: Tự do thưởng thức các chương trình diễn ra tại Đại Nội trong dịp lễ 30/4 như: Thả diều nghệ thuật Huế; từ 15h00 đến 17h00: Tái hiện bến đò Thừa Phủ; từ 16h00 đến 18h00: Âm nhạc đường phố & liên hoan múa Lân & quảng diễn đường phố.

Tối: 19h00: Ăn tối tại Trung Tâm Âm Thực Nam Châu Hội Quán và thưởng thức Ca Huế trên sông Hương, thả đèn hoa đăng cầu nguyện. Nghỉ đêm tại Huế.

Ngày 2: (01/05) Huế - Làng gốm Phước Tích - Nước Nóng Thanh Tân (Ăn sáng, trưa, tối)

Sáng: 7h30: Khởi hành đi đến Làng gốm Phước Tích - Một quần thể nhà vườn còn tồn tại đã hơn một trăm năm với bề dày lịch sử phong phú,... bên dòng sông Ô Lâu thơ mộng. Thăm làng cổ, dự lễ tế tổ và tham gia các hoạt động làm gốm tại làng gốm Phước Tích. 11h30: Thưởng thức một bữa cơm dân dã tại ngôi làng cổ.

Chiều: 14h00 : Di chuyển đến khu du lịch nước nóng Thanh Tân, xã Phong Sơn, huyện Phong Điền tham quan và tắm tại đây. Khu suối khoáng nóng có nhiệt độ lên tới 68⁰C tại điểm xuất lộ sau đó được giảm dần qua các dòng suối tạo thành một món quà thiên nhiên đặc biệt tốt cho sức khỏe. Ngâm mình trong dòng khoáng nóng sẽ giúp du khách cung cấp dưỡng chất và năng lượng cho cơ thể nhằm tăng cường sức khỏe cả về thể chất lẫn tinh thần, góp phần hỗ trợ làm trẻ hóa cơ thể.

17h00: Khởi hành về Huế. Ăn tối tại Trung tâm Âm Thực tại quảng trường Ngọ Môn với các món ăn 3 miền. Khách tự do tham dự các hoạt động văn hoá: Âm nhạc đường phố, cây kiềng nghệ thuật tại phố đi bộ Nguyễn Đình Chiểu từ 17h30 - 19h30.

Ngày 3: (02/05) Huế - Tiễn khách (Ăn sáng, trưa)

Sáng: 8h00: Tham quan Trung tâm XQ Cổ độ, Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán. 11h00: Ăn trưa tại nhà hàng nổi sông Hương. Tiễn khách ra ga Huế hoặc sân bay Phú Bài Huế, kết thúc chương trình tham quan.

Có thể thấy, việc đẩy mạnh phát triển du lịch làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên - Huế là một giải pháp cần thiết và có tính khả thi cao. Nhờ vào các loại hình du lịch này mà các giá trị truyền thống và vai trò của cộng đồng được phát huy đầy đủ nhất, khai thác được tiềm năng du lịch cộng đồng sẵn có của mình, vừa tăng nguồn thu nhập, cải thiện đời sống người dân, bảo tồn và gìn

giữ các giá trị văn hóa truyền thống, vừa đa dạng hóa các hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên - Huế, đảm bảo phát triển du lịch bền vững trong tương lai.

3.2.7. Đa dạng hóa các sản phẩm tại không gian làng nghề và các chương trình Festival, hội chợ, triển lãm

Thời gian gần đây, bên cạnh việc tăng cường đầu tư về cơ sở hạ tầng, cơ sở lưu trú, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực,... thì làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên – Huế cũng rất cần một hướng đi đúng đắn trong việc đa dạng hóa các sản phẩm tại không gian làng nghề và tại những hoạt động tiêu biểu như Festival Nghề truyền thống Huế hay tại các hội chợ, triển lãm ở trong và ngoài nước.

Việc đa dạng hóa các sản phẩm tại không gian làng nghề cần có sự chuyển biến từ những thay đổi nhỏ nhất đối với các sản phẩm truyền thống. Ví dụ, với nghề làm tranh dân gian ở làng Sinh, bên cạnh những chủ đề tranh cơ bản chủ yếu phục vụ cho việc thờ cúng thì cần sự vào cuộc của các nhà nghiên cứu tranh dân gian, các họa sĩ cũng như nghệ nhân trong việc làm ***đa dạng chủ đề của dòng tranh này***. Chủ đề tranh làng Sinh có thể rộng mở hơn, khai thác về nhiều đề tài khác như: hình ảnh các danh lam thắng cảnh nổi tiếng, hình ảnh lao động của nông dân hay thợ thủ công,... Còn tại làng nón Thủy Thanh ngoài mẫu nón lá bài thơ truyền thống các nghệ nhân nên vận dụng tài năng, sức sáng tạo để ***nghiên cứu mô hình nón phá cách hay tạo sự thay đổi trong cấu tạo chiếc nón để nón lá thông dụng hơn, phù hợp với cuộc sống hiện đại ngày nay***. Ngoài công dụng để đội đầu, người nghệ nhân còn có thể biến tấu chiếc nón trở thành những sản phẩm lưu niệm đẹp mắt từ việc ghép từng chiếc nón nhỏ lại với nhau, tạo thành các hình như: hình loài vật, hình biểu tượng của các điểm du lịch (cây cầu, mái đình,...).

Ngoài việc thay đổi mẫu mã các sản phẩm sao cho thiết thực, phù hợp hơn, thì làng nghề truyền thống nên ***chú trọng vào độ tuổi, giới tính của du khách để sản xuất các sản phẩm áp ứng được nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng*** từ người già, phụ nữ, giới trẻ đến thiếu nhi, sinh viên,... Ví dụ, với đối tượng khách là thiếu nhi có thể sản xuất các mặt hàng lưu niệm như chậu cây nhỏ bằng gốm, biểu tượng các danh nhân văn hóa bằng gốm, hay chiếc chuông gió từ sản phẩm nón lá kích thước nhỏ, cũng có thể là hộp đựng bút bằng đồng với hình dạng các nhân vật hoạt hình được trẻ em yêu thích,...

Tại các mùa Festival Nghề truyền thống Huế hay hội chợ, triển lãm điều đầu tiên các làng nghề nên chú trọng chính là công tác trưng bày gian hàng. Gian hàng của làng nghề có thực sự gây được ấn tượng với du khách hay không chính là bởi công đoạn này. Bên cạnh việc sắp xếp, trưng bày sản phẩm sao cho thuận mắt thì chủ các gian hàng có thể trưng bày các mô hình từ chính những sản phẩm của làng nghề tạo thành. Ví dụ như, với làng nón Thủy Thanh có thể tạo ra mô hình chuông gió từ nón lá ghép lại, hay tô điểm cho những chiếc nón lá trở nên rực rỡ sắc màu để trang trí xung quanh gian hàng, tạo sự chú ý đối với du khách.

Trong các dịp Festival nên thiết kế riêng một khu vực trình diễn, trải nghiệm bên cạnh các gian hàng trưng bày, *kết hợp tổ chức các cuộc thi tay nghề* dành cho những nghệ nhân, trong đó có thể đưa chủ đề của các mùa Festival các năm vào làm chủ đề tại các cuộc thi này. Đây sẽ là cơ hội để những nghệ nhân, những người thợ bậc cao tại làng nghề truyền thống tham gia trở tài, thể hiện tay nghề; tạo nguồn động lực, khơi dậy niềm đam mê, theo đuổi nghề truyền thống của cha ông; đồng thời tạo ra điểm nhấn mới mẻ cho các mùa Festival để thu hút khách du lịch. Bên cạnh các cuộc thi dành cho những người thợ ở các làng nghề truyền thống, thì tại các dịp Festival hay hội chợ cũng có thể *tổ chức các cuộc thi cho chính những du khách tham gia*. Ví dụ như: Cuộc thi làm tranh dân gian, thi làm gốm, thi làm nón lá, phần thưởng sau cuộc thi có thể là các món quà lưu niệm mang hình ảnh của làng nghề. Trong cuộc thi cũng nên lồng ghép vào đó các phần thi trả lời câu hỏi, các câu hỏi liên quan đến lịch sử làng nghề, các điểm tham quan tại làng nghề, các công đoạn làm nên các sản phẩm thủ công truyền thống,... Đây sẽ là một sân chơi để du khách thể hiện sự hiểu biết, am hiểu về các làng nghề, cũng như là một kênh thông tin cung cấp thêm cho du khách về các làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh hiện nay.

Ngoài ra, trong mùa lễ hội nên xây dựng thêm không gian triển lãm giới thiệu về làng nghề và tài nguyên du lịch làng nghề. Ví dụ, các triển lãm trưng bày những sản phẩm đúc đồng tiêu biểu đã gây được tiếng vang lớn của làng đúc đồng Phường Đúc; bên cạnh đó, có thể *trưng bày thêm những bức tranh, ảnh sống động miêu tả hoạt động trong cuộc sống thường ngày hay nét đẹp trong lao động của người thợ Phường Đúc; trình chiếu những phóng sự, những đoạn phim ngắn tại triển lãm giới thiệu về nghề đúc đồng cũng như các thắng cảnh, điểm tham quan ở Phường Đúc*. Chính quyền địa phương nơi

có làng nghề truyền thống cũng nên tìm hiểu và cập nhật liên tục thông tin về việc mở các hội chợ, triển lãm về nghề và làng nghề cả ở trong và ngoài nước để nhanh chóng đăng ký tham gia, đưa hình ảnh làng nghề ngày càng được biến đến rộng rãi hơn.

Cần đưa vào các dịp Festival, hội chợ, triển lãm những chương trình giới thiệu các tour du lịch, trong đó áp dụng các mức giá khuyến mại hấp dẫn dành cho du khách. Hiện nay, các điểm đến tại làng nghề truyền thống chưa tạo được sức nóng nhất định cho du khách, vì vậy việc đưa ra mức giá hấp dẫn cho các Tour làng nghề hay các mức giá sale sẽ là một cách làm phù hợp để tăng sự quan tâm của khách đến với các làng nghề. Ví dụ như, du khách đến tham quan và lựa chọn mua các sản phẩm gốm tại gian hàng của làng gốm Phước Tích sẽ nhận được voucher giảm giá 10% - 30% cho các tour du lịch đến làng gốm. Điều này vừa làm tăng sản lượng gốm bán ra lại vừa thu hút nhiều du khách đến với làng nghề truyền thống.

3.3. Một số đề xuất nhằm phát triển du lịch tại các làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên – Huế

3.3.1. Đề xuất đối với UBND tỉnh Thừa Thiên – Huế

Để tạo điều kiện giúp đỡ các hộ, các cơ sở sản xuất trong làng nghề truyền thống được tiếp cận với các chính sách ưu đãi đầu tư về vốn, công nghệ và các chính sách bảo vệ môi trường, mở rộng thị trường xuất khẩu,... đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên – Huế nên giao cho một cơ quan chuyên môn, chịu trách nhiệm tổng hợp và tham mưu, xây dựng thành các chính sách hỗ trợ, khuyến khích ưu đãi cho các làng nghề. Đồng thời, trong quá trình tổ chức thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các làng nghề từ nguồn ngân sách tỉnh, đề nghị UBND phân công cụ thể các cơ quan chịu trách nhiệm tham mưu để UBND tỉnh xem xét, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của tỉnh và những vấn đề mà UBND tỉnh phân cấp quyết định cho ngành du lịch, cho các huyện, thành phố Huế và các cấp phường, xã để thực hiện.

Mặt khác, để tạo được nguồn lực tập trung có tác động tích cực nhằm thúc đẩy các địa phương khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống, đề nghị UBND tỉnh kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét dành một phần ngân sách của tỉnh hàng năm (từ 1% - 2,5% ngân sách) để thành lập quỹ hỗ trợ cho các làng nghề. Sau khi chính sách hỗ trợ, ưu đãi của tỉnh được ban hành, tỉnh cũng cần tuyên truyền, phổ biến các chính sách ưu đãi về thủ tục, trình tự đến các

phường, xã, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Mở ra các lớp phổ biến chính sách đến tận làng nghề để người dân và các doanh nghiệp lĩnh hành nắm được chính sách cụ thể, để áp dụng vào việc phát triển làng nghề truyền thống. UBND tỉnh cũng cần phát động các phong trào thi đua phát triển làng nghề, ngành nghề trong các cấp, các ngành và các địa phương. Bên cạnh chính sách hỗ trợ ưu đãi để tiếp thêm nguồn vốn cho các làng nghề thì tỉnh cũng cần xây dựng và ban hành chính sách khen thưởng và hỗ trợ cho các nghệ nhân, thợ giỏi về điều kiện sinh hoạt, nhà ở và thu nhập, một mặt du nhập nghề mới và thúc đẩy phát triển nghề và làng nghề truyền thống.

Đề xuất một số dự án thực hiện đối với các làng nghề và nghề cần ưu tiên tập trung đầu tư từ 2018 – 2025. Đó chính là, xây dựng thí điểm mô hình làng nghề truyền thống kết hợp với du lịch tập trung đối với các làng nghề sau: Đúc đồng Huế, Gốm Phước Tích, Hoa giấy Thanh Tiên, Tranh làng Sinh, Nón lá Thủy Thanh, Dệt Zèng A Lưới, Đan lát mây tre Bao La và Thủy Lập. Xây dựng chương trình bảo tồn, phát triển các nghề và làng nghề truyền thống bao gồm các nghề sau: nghề làm bún bánh, nghề mây tre đan (đan thúng, đan giỏ, đồ mỹ nghệ), nghề nấu rượu, nghề chế biến nước mắm, nghề làm gốm. Các dự án mà UBND tỉnh nên ưu tiên đầu tư, bảo tồn, phát triển làng nghề trên địa bàn cho các làng nghề truyền thống là :

- Đối với nhóm các làng nghề tại huyện Phong Điền gồm: Làng nghề gốm Phước Tích, Làng nghề đệm bàng Phò Trạch, Làng nghề rèn Hiền Lương cần xây dựng đề án phát triển các làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch; quy hoạch vùng nguyên liệu; ứng dụng mô hình trình diễn sản xuất gồm phục vụ khách du lịch; đào tạo nghề, truyền nghề và xây dựng nhà trưng bày và giới thiệu sản phẩm làng nghề.

- Đối với nhóm các làng nghề tại huyện Phú Vang gồm: Làng nghề hoa giấy Thanh Tiên, Làng nghề tranh dân gian Làng Sinh cần phát triển mô hình trình diễn nghề gắn du lịch, đầu tư các hạng mục phục vụ trình diễn (điểm trưng bày, giới thiệu, bán sản phẩm); thành lập hội nghề, mô hình quản lý làng nghề phù hợp; cải tiến, phát triển sản phẩm phục vụ du lịch; xây dựng, phát triển thương hiệu; truyền nghề, đào tạo nghề; đầu tư kết cấu hạ tầng để bảo tồn và phát triển làng nghề gắn du lịch.

- Đối với nhóm các làng nghề nón lá Huế, cần hình thành, phát triển các tuyến du lịch làng nghề và các điểm di tích, văn hóa, du lịch tại địa phương;

nâng cao năng lực quản lý, kỹ năng bán hàng, cải tiến mẫu mã sản phẩm nón lá phục vụ du lịch cho các hộ sản xuất trong làng nghề; đào tạo nghề, nâng cao tay nghề gắn với giải quyết việc làm; đầu tư máy móc cải tiến, cơ giới hóa một số công đoạn sản xuất.

- Đối với nhóm các làng nghề dệt zèng tại huyện A Lưới cần phát triển các tuyến du lịch làng nghề và các điểm di tích, văn hóa, du lịch tại địa phương; nghiên cứu, đầu tư cải tiến quy trình sản xuất, phát triển mẫu mã phù hợp du lịch; phát triển thị trường; đào tạo nghề, nâng cao tay nghề.

3.3.2. Đề xuất đối với các làng nghề truyền thống

3.3.2.1 Đề xuất với chính quyền địa phương

Phát triển làng nghề gắn với du lịch sẽ tạo ra quá trình sản xuất tại chỗ thông qua việc cung ứng các sản phẩm hàng hóa của các làng nghề cũng như các dịch vụ du lịch, tạo thêm việc làm cho người lao động nông thôn. Mặt khác, việc đưa hoạt động du lịch về với các làng nghề truyền thống không chỉ tạo ra một nguồn thu nhập mới cho người dân làng nghề, mà còn góp phần không nhỏ thúc đẩy phát triển nghề truyền thống ở địa phương bằng việc tạo ra những sản phẩm có hàm lượng, đặc trưng văn hóa cao đáp ứng nhu cầu du khách.

Chính quyền địa phương cần có quy hoạch tổng thể và chi tiết phát triển làng nghề, có kế hoạch khuyến khích, động viên nghệ nhân, mở rộng các mô hình truyền nghề; thành lập các quỹ hỗ trợ đào tạo về tay nghề; thường xuyên đề nâng cao trình độ chuyên môn của lực lượng thợ; cần có các phương án giữ gìn, khôi phục và phát triển làng nghề truyền thống lâu dài và bền vững.

Công tác đầu tư và khai thác dịch vụ làng nghề cần có định hướng rõ ràng, đề nghị phải có một đầu mối thống nhất, đầu tư phải đi liền với việc khai thác với kinh phí ban đầu tốn kém, mất nhiều thời gian nghiên cứu đầu tư để tạo sản phẩm. Quảng bá, xúc tiến là vấn đề cần thiết đến với du khách và các hãng lữ hành, tránh tình trạng khi đã có tour, sản phẩm thì cho mạnh ai nấy làm, giá cả không thống nhất, chất lượng không đồng bộ,... vấn đề này ảnh hưởng rất lớn đến công tác đầu tư từ phía doanh nghiệp.

Công tác quy hoạch, phát triển làng nghề cần phải có sự quan tâm đầu tư đúng mức, nhất là hệ thống giao thông đường bộ, bãi đậu xe, khu vực tham quan, phục vụ các dịch vụ vui chơi giải trí, mua sắm lưu niệm,... Tuyên truyền và phổ cập các kiến thức chuyên môn về lịch sử, du lịch, giữ gìn vệ sinh cảnh quan và môi trường cho người dân địa phương; công tác giữ gìn an ninh, an toàn

cho du khách cần được quan tâm chú trọng; thành lập hợp tác xã du lịch làng nghề truyền thống chuyên nghiệp. Công tác quảng cáo tiếp thị cần được quan tâm và đầu tư có chiều sâu, nhất là thông qua hệ thống Internet, email, trang web để đưa hình ảnh các sản phẩm truyền thống và làng nghề lan tỏa rộng khắp.

Tổ chức thường xuyên các đợt tham quan và học tập kinh nghiệm; tham gia các hội chợ thương mại hàng hóa để có dịp tiếp cận với thị trường trong và ngoài nước, qua đó có điều kiện cọ xát, học tập kinh nghiệm, nghiên cứu mẫu mã, kiểu dáng đồng thời giới thiệu và quảng bá sản phẩm.

3.3.2.2. Đề xuất đối với người dân tại làng nghề

Trong quá trình tham gia vào hoạt động du lịch, làng nghề truyền thống là đơn vị được hưởng lợi trực tiếp. Để hoạt động du lịch tại làng nghề ngày càng phát triển mạnh mẽ đòi hỏi sự nỗ lực không chỉ của các cấp, các ngành, chính quyền địa phương, mà còn cần đến sự nỗ lực từ chính những người dân tại các làng nghề ấy. Từ thực tế phát triển du lịch, người dân tại làng nghề đã dần nhận thức được tầm quan trọng của du lịch đối với gia tăng lợi nhuận. Vì vậy, người dân tham gia hoạt động tại các làng nghề truyền thống phải có sự nhạy bén, đưa sản phẩm thủ công truyền thống và không gian làng nghề truyền thống của làng nghề vào mục tiêu phát triển du lịch trên địa bàn.

Các hộ nghề cần xem xét nhu cầu thị trường, năng lực bản thân, từ đó xây dựng lại kế hoạch, mở rộng quy mô sản xuất, tức là mở thêm nhà xưởng, sử dụng thêm nhiều lao động. Phải có sự cạnh tranh trong sản xuất, muốn cạnh tranh buộc phải đổi mới mẫu mã, sản phẩm phải phù hợp với nhu cầu của thị trường với chất lượng tốt hơn. Điều này sẽ giảm thiểu các hoạt động sản xuất nhỏ lẻ, manh mún chuyển đổi làm ăn với quy mô lớn, tạo sự liên kết giữa các hộ kinh doanh sản xuất cũng như công tác làm du lịch.

Chủ động đầu tư máy móc, thiết bị công nghệ hiện đại để tăng năng suất lao động, đáp ứng nhu cầu của thị trường cả về số lượng và chất lượng. Xây dựng quy ước hoạt động tại làng nghề truyền thống về các vấn đề: mở rộng sản xuất, phát triển thị trường tiêu thụ; giới thiệu việc làm cho người lao động (tham gia hoạt động sản xuất hay hoạt động du lịch hay tham gia cả 2 nhóm công việc); đảm bảo môi trường cảnh quan tại làng nghề luôn sạch đẹp; gìn giữ phong tục, tập quán của làng nghề truyền thống. Các làng nghề truyền thống cũng nên chủ động thống nhất hồ sơ, thủ tục, quy trình xin hưởng ưu đãi, hỗ trợ từ Nhà nước và UBND tỉnh trong việc phát triển du lịch. Cụ thể theo các mặt sau: Đào

tạo nghề; đổi mới máy móc, thiết bị, ứng dụng các công nghệ mới vào sản xuất trong làng nghề; nghiên cứu, phát triển các mẫu sản phẩm mới phục vụ thị trường; xúc tiến thương mại, phát triển thị trường; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật; giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong sản xuất.

Trong quá trình phát triển các hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên - Huế xuất hiện nhiều hình thức tổ chức kinh doanh mới. Do vậy, cần tạo điều kiện để các tổ chức kinh doanh ở làng nghề truyền thống phát triển theo xu hướng hiện đại. Đề xuất các làng nghề nên tiến hành đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa các thành phần kinh tế tham gia vào quá trình phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. Đối với hộ gia đình sản xuất trong làng nghề truyền thống phục vụ du lịch thì đây là loại hình phù hợp với quy mô sản xuất nhỏ, trong quá trình sản xuất không đòi hỏi phân công lao động cao, có thể huy động các hộ tham gia sản xuất bằng cách làm vệ tinh, hoặc đảm nhận sản xuất theo công đoạn nào đó cho các doanh nghiệp lớn để huy động một phần vốn đầu tư của thành phần kinh tế này như tận dụng nhà xưởng, mặt bằng sản xuất, một số thiết bị, công cụ sản xuất khác... Đối với loại hình hợp tác xã và tổ hợp tác thì phát triển các hình thức liên kết tự nguyện của các hộ trong làng nghề để thực hiện một số khâu, một số công đoạn trong sản xuất nhằm bổ sung những thiếu hụt về vốn, thiết bị, kinh nghiệm tổ chức sản xuất. Đặc biệt là đa dạng hóa các loại hình dịch vụ cho các hợp tác xã sản xuất hiện có ở các địa phương để mở thêm các dịch vụ cung ứng nguyên vật liệu, đào tạo nghề, thu mua sản phẩm hoặc vận chuyển sản phẩm trong làng nghề truyền thống phục vụ du lịch.

Đề xuất hình thành các hiệp hội nghề hoặc hiệp hội làng nghề ở các làng nghề truyền thống hay giữa làng nghề này với các cơ sở sản xuất ở làng nghề khác. hiệp hội làng nghề là đại diện cho các hộ sản xuất, các doanh nghiệp tại các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch, để tham gia cùng chính quyền trong quá trình hoạch định các cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nói chung và phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch nói riêng. Việc hình thành và phát triển các hiệp hội làng nghề là một đòi hỏi khách quan trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, đặc biệt đối với các ngành nghề và các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch đang phát triển hoặc một số hộ làm nghề lớn sản phẩm có tiềm năng phát triển trong những năm tới.

Vì vậy, trong quá trình bố trí, cân đối các nguồn lực cho phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch trên địa bàn cần phải được tính toán hợp lý và

thống nhất với các cân đối vĩ mô, với định hướng phân bổ các nguồn lực cho các ngành, các lĩnh vực làm sao phải thu hút đầu tư từ các ban ngành, cũng như các đối tác, doanh nghiệp du lịch.

3.3.3. Đề xuất đối với các doanh nghiệp lữ hành tham gia hoạt động du lịch tại các làng nghề truyền thống

Các doanh nghiệp lữ hành ở tỉnh Thừa Thiên – Huế, cũng như các doanh nghiệp lữ hành ở địa phương khác cần nhanh chóng có sự hợp tác với các làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh để triển khai thêm nhiều chương trình du lịch hấp dẫn, đưa du khách đến tìm hiểu, khám phá các làng nghề truyền thống.

Doanh nghiệp lữ hành cần có sự tìm hiểu kỹ lưỡng về các hoạt động đang diễn ra tại làng nghề, để từ đó xây dựng lịch trình tour cụ thể. Lịch trình tour phải được đảm bảo không chỉ phù hợp về thời gian mà còn tạo được điểm ấn tượng, gây tò mò, hào hứng cho du khách khi lựa chọn tham quan tại các làng nghề truyền thống.

Các doanh nghiệp lữ hành cũng nên trích một phần doanh thu, lợi nhuận của công ty góp phần vào việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật; phát triển các sản phẩm của làng nghề; đồng thời bảo vệ tài nguyên môi trường tại làng nghề. Đặc biệt là vấn đề môi trường làng nghề, bởi hoạt động tham gia du lịch của các doanh nghiệp lữ hành luôn ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường và cảnh quan của làng nghề truyền thống.

Trong công tác xây dựng các chương trình tour du lịch làng nghề hấp dẫn đặc sắc, đa dạng cần kết hợp giữa các yếu tố lịch sử; truyền thống văn hóa và lễ hội dân gian. Đặc biệt, cần tạo sự liên kết giữa các làng nghề trong một chương trình tham quan; đưa ra nhiều sự chọn lựa về loại chương trình, thời gian phù hợp cho du khách. Thực hiện các chương trình du lịch cộng đồng liên kết với người dân địa phương; hỗ trợ kinh phí cho các hộ dân để duy trì thường xuyên các hoạt động, các hội nghề, giỗ tổ nghề...

Xây dựng chính sách giá đoàn, khách lẻ, giá hợp tác giữa các hãng lữ hành; xây dựng chính sách giá cả thống nhất với làng nghề truyền thống. Du lịch làng nghề vẫn còn là mô hình mới cho các công ty dịch vụ lữ hành khách sạn, họ cần phải đối mặt với nhiều thách thức nhưng cũng có nhiều cơ hội mới. Các công ty dịch vụ khách sạn lữ hành cùng chung tay góp sức với người dân tại làng nghề và các doanh nghiệp lữ hành để phát triển mô hình du lịch làng nghề trở thành thương hiệu của ngành du lịch tỉnh Thừa Thiên – Huế.

Tiểu kết chương 3

Trong thời gian qua, du lịch làng nghề tại tỉnh Thừa Thiên - Huế đã có bước phát triển đáng ghi nhận, đóng góp tích cực hơn vào sự tăng trưởng ngành du lịch của tỉnh. Tuy nhiên, hầu hết làng nghề còn hoạt động tự phát nên chưa khai thác thành công những giá trị văn hóa, kinh tế, xã hội của làng nghề để gắn với phát triển du lịch. Tại các hội thảo về phát triển du lịch được tổ chức tại Huế gần đây, nhiều chuyên gia và những người làm du lịch đều cho rằng: Mỗi làng nghề truyền thống ở Huế đều có một thế mạnh, nhưng quan trọng nhất là phải tập trung đa dạng hóa các sản phẩm du lịch khi tham gia mạng lưới du lịch để đáp ứng đòi hỏi nhu cầu ngày càng cao của du khách từ mọi vùng miền, và trên thế giới. Đặc biệt, sản phẩm chủ lực vẫn là mặt hàng lưu niệm, vì vậy, cần không ngừng cải tiến, vừa độc đáo lại không mất đi nét văn hóa đặc trưng. Ngoài ra, cần đa dạng hóa dịch vụ tại chỗ, như ăn uống, mua sắm, vui chơi, giải trí để tăng tính hấp dẫn cho điểm đến.

Trước thực trạng hoạt động du lịch hiện nay tại một số làng nghề truyền thống ở tỉnh Thừa Thiên – Huế, người viết đã mạnh dạn đưa ra phương hướng phát triển cho làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên – Huế, từ đó đề xuất một số giải pháp trọng điểm và các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả khai thác làng nghề truyền thống, hướng đến mục đích để các làng nghề truyền thống tham gia phục vụ phát triển du lịch hiệu quả trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Du lịch làng nghề không còn là một khái niệm xa lạ trên thế giới. Với nhiều vùng đất, nó là sự kết hợp để “đẻ trứng vàng”. Còn với Thừa Thiên - Huế, xem chừng phải còn chờ đợi một thời gian nữa mới có được những “trứng vàng” thực sự. Hiện nay, người ta nói nhiều đến hiệu quả kinh doanh du lịch chưa tương xứng với tài nguyên du lịch hiện có của tỉnh, tính bền vững chưa cao, sản phẩm làng nghề còn đơn điệu, chưa mang tính cạnh tranh... Song người viết cho rằng khát vọng và ý tưởng kinh doanh du lịch làng nghề là không thiếu mà bằng chứng là hiệu quả thấy rõ từ những Festival nghề truyền thống Huế, ở tầm nhìn xa trông rộng với những cách làm giàu tính sáng tạo. Thực trạng hoạt động du lịch tại các làng nghề truyền thống hiện nay chính là những vấn đề đặt ra cho các nhà hoạch định chiến lược phát triển du lịch suy nghĩ, tìm hướng phát triển để khai thác tốt nhất thế mạnh dịch vụ du lịch của Thừa Thiên - Huế. Du lịch làng nghề phải được xem là dự án phát triển trong tầm nhìn chiến lược phát triển du lịch tổng thể của tỉnh để thế mạnh của ngành du lịch không chỉ nằm ở những di tích lịch sử, lăng tẩm, đền đài trên địa bàn thành phố Huế mà được mở rộng ra về các làng nghề, đô thị mới ở các huyện, thị xã trong tỉnh, làm phong phú địa chỉ tham quan du lịch, hấp dẫn du khách bốn phương và làm giàu cho vùng đất cố đô yên bình này.

Thừa Thiên - Huế vốn nổi tiếng là một tỉnh thành mang nhiều dấu ấn lịch sử, là vùng đất văn hóa và là di sản của nhân loại. Chính vì thế, công tác nghiên cứu những làng nghề truyền thống đặc trưng ở đây rất cần thiết. Nó không chỉ giúp chúng ta có một cái nhìn tổng quát về làng nghề để có những định hướng đúng đắn, mà còn giúp quảng bá những ngành nghề này đến cho mọi người từ trong nước đến nước ngoài. Bên cạnh những làng nghề tiêu biểu tôi đã tìm hiểu qua khóa luận: Làng tranh Sinh, làng nón lá Thủy Thanh, làng đúc đồng ở Phường Đúc và làng gốm Phước Tích đều là những nơi vốn được nhiều du khách biết đến và lựa chọn tham quan, tìm hiểu khi đến với Thừa Thiên - Huế, thì trên địa bàn tỉnh hiện nay vẫn còn rất nhiều làng nghề truyền thống có tiềm năng để khai thác hoạt động du lịch. Chính vì thực tế đó mà vai trò và tầm quan trọng của công tác khai thác và phát triển của làng nghề truyền thống ngày càng được nêu cao. Với mong muốn đó luận văn đã giải quyết được những vấn đề sau:

Thứ nhất, tổng quan được cơ sở lý luận về làng nghề truyền thống và loại hình du lịch làng nghề, đồng thời phân tích những đặc điểm, vai trò của làng

nghề truyền thống trong bối cảnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa hiện nay. Tiếp theo, tìm hiểu về kinh nghiệm hoạt động du lịch của làng nghề truyền thống tại các tỉnh, thành phố trong nước và kinh nghiệm từ những làng nghề du lịch đã tạo được tiếng vang từ các quốc gia Thái Lan, Nhật Bản. Từ đó, người viết đã đưa ra được một số bài học kinh nghiệm có giá trị thực tiễn cho tỉnh Thừa Thiên - Huế trong quá trình phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch, cụ thể là: xây dựng các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch theo mô hình "Mỗi làng nghề một sản phẩm" gắn kết với phát triển du lịch; chú trọng tôn vinh đội ngũ nghệ nhân và đào tạo lực lượng lao động có khả năng kế thừa nghề truyền thống; chính phủ và chính quyền địa phương cần có các chính sách cụ thể để tạo điều kiện cho làng nghề truyền thống phục vụ du lịch phát triển.

Thứ hai, trên cơ sở thực tiễn khóa luận cũng đã tổng quát về các làng nghề truyền thống tỉnh Thừa Thiên – Huế, giới thiệu danh mục các làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở thu thập, phân tích và xử lý số liệu, khóa luận đã phân tích thực trạng hoạt động tại các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch. Cùng với đó là tìm hiểu sâu hơn về một số làng nghề truyền thống từ lịch sử hình thành đến đặc điểm các sản phẩm truyền thống của làng nghề. Đó là 4 làng nghề hiện đang nhận được sự quan tâm từ dòng khách du lịch cả trong và ngoài nước: Làng tranh Sinh, làng nón lá Thủy Thanh, làng đúc đồng ở Phường Đúc và làng gốm Phước Tích. Khóa luận đã đi vào vấn đề chính đó là tìm hiểu thực trạng khai thác du lịch của những làng nghề tiêu biểu này trong những năm gần đây (2010 – 2018) với các khía cạnh tìm hiểu: Tại địa bàn làng nghề, tại Festival nghề truyền thống và tại các hội chợ, triển lãm. Trong đó, với thực trạng du lịch tại địa bàn làng nghề hiện nay, tại các làng nghề đều được trình bày theo những vấn đề về: Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch tại các làng nghề, nguồn nhân lực, thực trạng khách du lịch, thực trạng khai thác tour du lịch, thực trạng về môi trường du lịch và hoạt động quảng bá du lịch và vấn đề đầu tư. Bên cạnh đó, tìm hiểu rõ hơn các hoạt động của một số làng nghề này tại địa phương và từ đó đưa ra những đánh giá chung về hoạt động du lịch tại những làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh hiện nay.

Thứ ba, trên cơ sở những vấn đề thực trạng làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế giai đoạn 2010 - 2018, người viết đã đưa ra những phương hướng phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế. Đồng thời đề xuất 6 nhóm giải pháp cơ bản để giải quyết các

vấn đề về thị trường, đầu tư, nguồn nhân lực, giải quyết mối quan hệ giữa phát triển trong nội tỉnh, tỉnh khác và nước ngoài, các cơ chế, chính sách của Nhà nước và chính quyền địa phương (tỉnh Thừa Thiên - Huế) đối với phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch, cụ thể: một là, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật; hai là, đào tạo lao động và nguồn nhân lực du lịch; ba là, phát triển thị trường cho sản phẩm đồng thời thu hút vốn đầu tư cho phát triển làng nghề truyền thống; bốn là, gắn việc bảo vệ môi trường với phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch; năm là, giải pháp Marketing, quảng bá thương hiệu làng nghề, sản phẩm du lịch; sáu là, xây dựng các tour du lịch làng nghề truyền thống thu hút khách du lịch; bảy là, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch tại không gian làng nghề, Festival, hội chợ, triển lãm. Cuối cùng đưa ra một số đề xuất đối với UBND tỉnh, với làng nghề và các doanh nghiệp du lịch nhằm giúp làng nghề khai thác hiệu quả hơn tiềm năng phát triển làng nghề gắn với du lịch nhằm tăng cường thu hút du khách quốc tế trong giai đoạn từ nay đến năm 2025.

Công trình nghiên cứu này góp phần nhỏ trong việc nghiên cứu và tìm hiểu tại các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch. Tuy nhiên, do sự hạn chế về thời lượng nên không thể đi hết mọi khía cạnh của làng nghề. Hi vọng rằng, với sự quan tâm đúng mức của các cấp ngành có liên quan, và của mỗi người dân tại làng nghề truyền thống thì hoạt động du lịch trên địa bàn làng nghề ở Thừa Thiên – Huế sẽ ngày càng phát triển hơn và mang sức sống mạnh mẽ lâu dài.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần 1. Sách, báo tạp chí:

1. Hiền An, *Về Phước Tích xem làm gốm*, báo Thừa Thiên Huế, năm 2010.
2. Hoàng Văn Châu – Phạm Thị Hồng Yên – Lê Thu Hà, *Làng nghề du lịch Việt Nam*, NXB Thống kê, Hà Nội năm 2007
3. Ths Vũ Văn Đông, *Mỗi làng một sản phẩm*, mục Nghiên cứu và Trao đổi, báo Phát triển và hội nhập số 3 – tháng 2, năm 2010.
4. Hoàng Mỹ Hạnh, *Độc đáo tranh làng Sinh xứ Huế*, báo Nhân dân, năm 2015.
5. Nguyễn Công Hậu, *Nghề đúc đồng ở Huế*, báo Nhân dân, năm 2010.
6. Mai Thế Hồn - Hoàng Ngọc Hòa - Vũ Văn Phúc (2003), *Phát triển làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Nguyễn Hùng - Đức Phú, *Gắn du lịch với nghề làm nón lá*, báo Thừa Thiên Huế, năm 2016.
8. Tiến sĩ Trần Nhuận, *Du lịch và kinh doanh du lịch*, NXB Lao động xã hội, năm 2011.
9. Nguyễn Văn Phát, *Các giải pháp kinh tế chủ yếu nhằm phục hồi và phát triển các làng nghề truyền thống ở nông thôn Thừa Thiên Huế*, Báo cáo Khoa học, Đề tài cấp Bộ, Đại học Huế, năm 2010.
10. Như Quỳnh, *Chuyện chưa kể về lão nghệ nhân đã cứu sống tranh làng Sinh*, báo Công an nhân dân, năm 2014.
11. Tiến sĩ Phạm Côn Sơn, *Làng nghề truyền thống Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, năm 2008.
12. Phương Thảo - Hương Trang, *Nguyên liệu và các công đoạn sản xuất nón lá Huế*, báo Khoa học và phát triển, năm 2017.
13. Ths Nguyễn Hữu Thông, *Phường đúc và nghề đúc đồng ở Huế*, tạp chí Nhip sống, năm 2016.
14. Nguyễn Thủy, *Tăng cường nguồn lực khắc phục ô nhiễm các làng nghề tại Thừa Thiên - Huế*, tạp chí Môi trường, số 4, năm 2018.
15. Nguyễn Vân, *Mô hình “Mỗi làng một sản phẩm” của tỉnh Oita” - Nhật Bản*, báo Làng nghề Việt Nam, năm 2013.

Phần 2. Trang Web:

16. <http://www.dangcongsan.vn/preview/newid/475767.html>

17. <https://sites.google.com/site/ojovietnam/cam-nang-cuoc-song/cac-lang-nghe-truyen-tho-ng-viet-nam/lang-nghe-lang-nghe-truyen-thong-la-gi>
18. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Thong-tu-116-2006-TT-BNN-phat-trien-nganh-nghe-nong-thon-huong-dan-thuc-hien-66-2006-ND-CP-16031.aspx>
19. <https://nganhangphapluat.thukyluat.vn/tu-van-phap-luat/van-hoa--xa-hoi/du-lich-van-hoa-la-gi-131765>
20. <http://moitruongviet.edu.vn/lang-nghe-voi-phat-trien-kinh-te-va-moi-truong-o-nong-th/>
21. <http://www.nhandan.com.vn/vanhua/dong-chay/item/22298602-quang-nam-khoi-phuc-lang-nghe-truyen-thong-gan-voi-phat-trien-du-lich.html>
22. <http://www.nhandan.com.vn/phongsu/item/15330502-.html>
23. <https://thuathienhue.gov.vn/vi-vn/Thong-tin-ket-luan-48/tid/Di-san-van-hoa-HueDong-luc-cua-su-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-Thua-Thien-Hue/newsid/FB7DEF79-E5EC-4C08-BAF0-FA901FF639C7/cid/F26B2E16-D317-44C5-A933-AADB226D3C96>
24. <https://thuathienhue.gov.vn/vi-vn/Thong-tin-kinh-te-xa-hoi/cid/BC720E2C-8122-493-8850-531999ECDD6F>
25. <https://thuathienhue.gov.vn/vi-vn/Thong-tin-ket-luan-48/tid/Co-so-ha-tang-ThuaThien-Hue-di-truoc-don-dau/newsid/D0179215-AB06-4B82-97E5FBF38FA0D770 /cid/F26B2E16-D317-44C5-A933-AADB226D3C96>
26. <https://sdl.thuathienhue.gov.vn/?gd=4&cn=307&tc=3565>
27. http://hce.edu.vn/upload/file/BaiBao/62A_11.pdf
28. <https://thuathienhue.gov.vn/vi-vn/su-kien-noi-bat/thong-tin-festival-nghe-truyen-thong-2017/tid/Lang-nghe-Non-la/newsid/FF234701-9B3D-4488-8403-A72000FBE493/cid/5B3685F7-CB9A-49CE-AAB8-A6FE00A23B20>
29. <http://vovworld.vn/vi-VNchuyen-cua-lang/kham-pha-khong-gian-co-xua-o-lang-thanh -thuy-chanh-649930.vov>
30. <https://www.thesaigontimes.vn/32290/Lang-gom-co-Phuoc-Tich.html>
31. <https://thuathienhue.gov.vn/vi-vn/su-kien-noi-bat/thong-tin-festival-nghe-truyen-thong-2017/tid/Khang-dinh-thuong-hieu-Festival-Nghe-truyen-thong-Hue/newsid/09EA03AA-477A-4574-B654-A74800C3AC37/cid/CE4F5A27-E2AA-4A62-A598-A6FE00A1F2E8n>

32. <http://baothuathienhue.vn/phat-trien-nhan-hieu-tap-the-lang-du-lich-cong-dong-thanh-toan-nguoi-dan-la-chu-the-a54536.html>
33. <https://svhtt.thuathienhue.gov.vn/?gd=6&cn=1&id=172&tc=2364>
34. <https://congthuong.vn/tour-tham-quan-phuong-duc-su-hop-tac-giua-doanh-nghiep-du-lich-va-lang-nghe-50584.html>
35. <https://sdl.thuathienhue.gov.vn/?gd=20&cn=1&id=323&tc=3251>
36. <http://www.huecity.gov.vn/TrangChu/NewCatId/386/NewVid/19090>
37. <http://vovworld.vn/vi-VN/chuyen-cua-lang/cho-que-san-pham-du-lich-cong-dong-o-thua-thien-hue-653747.vov>
38. <https://baomoi.com/festival-hue-2018-le-hoi-huong-xua-lang-co-thu-hut-hon-50-000-luot-khach-tham-gia/c/25875474.epi>
39. <http://www.antv.gov.vn/tin-tuc/kinh-te/khai-mac-hoi-cho-lang-nghe-viet-nam-lan-thu-x-63683.html>
40. <https://svhtt.thuathienhue.gov.vn/?gd=27&cn=1&id=72&tc=2279>
41. <http://dulich.baothuathienhue.vn/gioi-thieu-hue-tai-ho-i-cho-du-li-ch-itb-asia-singapore-2018-a63102.html>
42. <https://vov.vn/van-hoa-giai-tri/net-xuan-trong-trien-lam-tranh-dan-gian-hien-vat-co-474285.vov>
43. <https://anninhthudo.vn/giai-tri/trung-bay-cac-sang-tao-tu-tranh-dan-gian-viet-nam/787549.antd>
44. <https://infonet.vn/danh-thiep-tren-chiec-non-post45512.info>
45. <http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/23467>
46. <https://vtv.vn/trong-nuoc/khai-mac-phong-trung-bay-san-pham-duc-dong-truyen-thong-hue-20150428143533028.htm>
47. <http://sovhtt.hanoi.gov.vn/beta/trien-lam-dau-van-hoa-kinh-hue-va-dong-bang-song-hong-qua-cac-san-pham-thu-cong-truyen-thong/>
48. <http://trungtamvhtt.thuathienhue.gov.vn/?gd=1&cn=91&tc=1788>
49. <http://www.sggp.org.vn/festival-gom-su-viet-nam-binh-duong-2010-tinh-hoa-gom-viet-62666.html>
50. <https://dantri.com.vn/xem-an-choi/an-tuong-voi-nhung-san-pham-gom-phuoc-tich-xua-mang-hoi-tho-hien-dai-1321258618.htm>
51. <https://thuathienhue.gov.vn/vi-vn/Doanh-nghiep/Thong-tin-chi-tiet/tid/Quy-hoach-phat-trien-nghe-truyen-thong-va-lang-nghe-tren-dia-ban-tinh-Thua>

Thien-Hue-den-nam-2020-dinh-huong-den-nam-2025/newsid/4574E10B-D597-4544-BE63-E8BD526DDCEC/cid/B5421EF8-7BC0-4300-AC86-8861D0228D19

PHỤ LỤC

Một số hình ảnh về nghệ nhân, sản phẩm, hoạt động tại các làng nghề truyền thống tiêu biểu tỉnh Thừa Thiên - Huế và hình ảnh làng nghề góp mặt trong Festival Nghệ truyền thống Huế



Nghệ nhân Kỳ Hữu Phước
bên bản mộc cổ



Những người thợ với công đoạn
chăm nón



Các tác phẩm tranh làng Sinh



Cầu Ngói Thanh Toàn làng
Thanh Thủy Chánh



Du khách trải nghiệm vẽ tranh làng Sinh



Du khách chụp ảnh kỉ niệm tại:
“Chợ quê ngày hội”



Nghệ nhân Nguyễn Văn Sinh
phường Đúc



Các nghệ nhân cao tuổi
ở làng gốm Phước Tích



Các sản phẩm đồ thờ cúng
của Phường Đúc



Các sản phẩm gốm Phước Tích



Du khách tham quan cơ sở đúc đồng



Du khách tham gia làm gốm



Hình ảnh giới thiệu Festival Nghệ truyền thống Huế



Diễu hành đường phố tại Festival



Trình diễn áo dài tại Festival



Lễ hội khinh khí cầu Quốc tế tại Festival



Du khách tham quan và mua sắm tại các gian hàng

